

Số: 01 /2023/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về giá đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 về hướng dẫn một số điều của

Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 06 tháng 01 năm 2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Văn bản số 13/HĐND-VP ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về cho ý kiến đối với Công văn số 8811/UBND-NCPC ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về xin ý kiến nội dung dự thảo Quyết định quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; ý kiến của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, được áp dụng cho tất cả các loại đất tại Bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2020; Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai, cơ quan có chức năng xác định giá đất cụ thể.

b) Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất

Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2023 áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (*chi tiết theo phụ lục kèm Quyết định này*). Riêng hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2023 đối với Bảng giá đất bổ sung ban hành kèm theo Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn bằng 1,0.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 01 năm 2023. Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn thực hiện Quyết định này theo thẩm quyền, trách nhiệm.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 4 (t/h);
- Chính phủ (B/cáo);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP (ông Minh);
- Lưu VT, NN, KT, GT, NCPC (Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình

PHỤ LỤC
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN
(Kèm theo Quyết định số 01 /2023/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

I. ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA NƯỚC

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
THÀNH PHỐ BẮC KẠN		
1	Giá đất các xã, phường	1,20
HUYỆN CHỢ MỚI		
1	Giá đất thị trấn Đồng Tâm và xã Thanh Thịnh (địa phận xã Thanh Bình cũ)	1,10
2	Giá đất các xã: Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ, xã Thanh Thịnh (địa phận xã Nông Thịnh cũ)	1,10
-	Riêng xã Thanh Thịnh (địa phận xã Nông Thịnh cũ)	1,40
3	Giá đất các xã: Mai Lạp, Như Cố, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vận, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân	1,20
-	Riêng xã Quảng Chu	1,30
HUYỆN CHỢ ĐỒN		
1	Giá đất thị trấn Bằng Lũng	1,00
2	Giá đất các xã: Ngọc Phái, Phương Viên	1,00
3	Giá đất các xã: Bản Thi, Bằng Lãng, Bằng Phúc, Bình Trung, Đại Sào, Đồng Lạc, Đồng Thắng, Lương Bằng, Nam Cường, Nghĩa Tá, Quảng Bạch, Tân Lập, Xuân Lạc, Yên Mỹ, Yên Phong, Yên Thịnh, Yên Thượng	1,00
HUYỆN NA RỊ		
1	Giá đất thị trấn Yên Lạc	1,00
2	Giá đất các xã Kim Lư, Cường Lợi (địa phận xã Lương Hạ cũ); thị trấn Yên Lạc (địa phận xã Lương Hạ cũ)	1,00
-	Riêng thị trấn Yên Lạc (địa phận xã Lương Hạ cũ)	1,22
-	Riêng xã Kim Lư	1,30
3	Giá đất các xã: Văn Lang, Côn Minh, Cư Lễ, Cường Lợi (địa phận xã Cường Lợi cũ) Đồng Xá, Dương Sơn, Trần Phú, Kim Hỷ, Sơn Thành, Liêm Thủy, Lương Thượng, Quang Phong, Văn Minh, Văn Vũ, Xuân Dương	1,00
-	Riêng xã Cường Lợi (địa phận xã Cường Lợi cũ)	1,13
HUYỆN BẠCH THÔNG		
1	Giá đất thị trấn Phủ Thông	1,00
2	Giá đất các xã: Cẩm Giàng, Quân Hà, Quang Thuận, Tân Tú, Lục Bình, Vi Hương; thị trấn Phủ Thông (địa phận xã Phương Linh cũ)	1,00
-	Riêng thị trấn Phủ Thông (địa phận xã Phương Linh cũ)	1,17
3	Giá đất các xã: Cao Sơn, Đôn Phong, Mỹ Thanh, Nguyên Phúc, Sỹ Bình, Vũ Muộn, Dương Phong	1,00

HUYỆN BA BÈ		
1	Giá đất thị trấn Chợ Rã	1,10
2	Giá đất các xã: Bành Trạch, Chu Hương, Địa Linh, Hà Hiệu, Khang Ninh, Mỹ Phương, Thượng Giáo, Yên Dương, Phúc Lộc	1,00
3	Giá đất các xã: Cao Thượng, Đồng Phúc, Hoàng Trĩ, Nam Mẫu, Quảng Khê	1,00
HUYỆN NGÂN SƠN		
1	Giá đất thị trấn Nà Phặc và xã Vân Tùng	1,00
2	Giá đất các xã: Bằng Vân, Hiệp Lực (địa phận xã Lãng Ngâm cũ)	1,00
3	Giá đất các xã: Cốc Đán, Đức Vân, Hiệp Lực (địa phận xã (Hương Nê cũ), Thuận Mang, Thượng Ân, Thượng Quan, Trung Hòa	1,00
-	Riêng xã Hiệp Lực (địa phận xã Hương Nê cũ)	1,11
HUYỆN PÁC NẠM		
1	Giá đất xã Bộc Bó	1,00
2	Giá đất các xã Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Xuân La	1,00
3	Giá đất các xã An Thắng, Bằng Thành, Cao Tân, Cổ Linh, Nhạn Môn, Công Bằng	1,00
II. ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM		
THÀNH PHỐ BẮC KẠN		
1	Giá đất các xã, phường	
1.1	Đất trồng lúa nước còn lại	1,20
1.2	Đất trồng lúa nương	1,20
1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	1,20
1.4	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	1,20
HUYỆN CHỢ MỚI		
1	Giá đất thị trấn Đồng Tâm và xã Thanh Thịnh (địa phận xã Thanh Bình cũ)	
1.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,10
1.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
1.3	- Đất bằng trồng cây hàng năm khác	1,10
1.4	- Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	1,00
2	Giá đất các xã: Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ, xã Thanh Thịnh (địa phận xã Nông Thịnh cũ)	
2.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,10
-	Riêng xã Thanh Thịnh (địa phận xã Nông Thịnh cũ)	1,32
2.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
-	Riêng xã Thanh Thịnh (địa phận xã Nông Thịnh cũ)	1,33
2.3	- Đất bằng trồng cây hàng năm khác	1,10
-	Riêng xã Thanh Thịnh (địa phận xã Nông Thịnh cũ)	1,32
2.4	- Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	1,00
-	Riêng xã Thanh Thịnh (địa phận xã Nông Thịnh cũ)	1,33
3	Giá đất các xã: Mai Lạp, Như Cồ, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vân, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân	
3.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,20
-	Riêng xã Quảng Chu	1,30
3.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
3.3	- Đất bằng trồng cây hàng năm khác	1,20
-	Riêng xã Quảng Chu	1,30

3.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	1,00
HUYỆN CHỢ ĐỒN		
1	Giá đất thị trấn Bằng Lũng	
1.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
1.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
1.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	1,00
1.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	1,00
2	Giá đất các xã: Ngọc Phái. Phương Viên	
2.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
2.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
2.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	1,00
2.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	1,00
3	Giá đất các xã: Bản Thi. Bằng Lăng. Bằng Phúc. Bình Trung. Đại Sảo. Đông Lạc. Đông Thắng. Lương Bằng. Nam Cường. Nghĩa Tả. Quảng Bạch. Tân Lập. Xuân Lạc. Yên Mỹ. Yên Phong. Yên Thịnh. Yên Thượng	
3.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
3.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
3.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	1,00
3.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	1,00
HUYỆN NA RỊ		
1	Giá đất thị trấn Yên Lạc	
1.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
1.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
1.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	1,00
1.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	1,00
2	Giá đất các xã Kim Lư, Cường Lợi (địa phận xã Lương Hạ cũ); thị trấn Yên Lạc (địa phận xã Lương Hạ cũ)	
2.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
-	Riêng thị trấn Yên Lạc (địa phận xã Lương Hạ cũ)	1,16
-	Riêng xã Kim Lư	1,30
2.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
-	Riêng thị trấn Yên Lạc (địa phận xã Lương Hạ cũ)	1,82
2.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	1,00
-	Riêng thị trấn Yên Lạc (địa phận xã Lương Hạ cũ)	1,25
-	Riêng xã Kim Lư	1,30
2.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	1,00
-	Riêng thị trấn Yên Lạc (địa phận xã Lương Hạ cũ)	1,82
3	Giá đất các xã: Văn Lang, Côn Minh, Cư Lễ, Cường Lợi (địa phận xã Cường Lợi cũ) Đông Xá, Dương Sơn, Trần Phú, Kim Hỷ, Sơn Thành, Liêm Thủy, Lương Thượng, Quang Phong, Văn Minh, Văn Vũ, Xuân Dương	
3.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
-	Riêng xã Cường Lợi (địa phận xã Cường Lợi cũ)	1,23
3.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
-	Riêng xã Cường Lợi (địa phận xã Cường Lợi cũ)	1,10
3.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	1,00
-	Riêng xã Cường Lợi (địa phận xã Cường Lợi cũ)	1,33

3.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	1,00
-	Riêng xã Cường Lợi (địa phận xã Cường Lợi cũ)	1,10
HUYỆN BẠCH THÔNG		
1	Giá đất thị trấn Phủ Thông	
1.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
1.2	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	1,00
2	Giá đất các xã: Cẩm Giàng, Quân Hà, Quang Thuận, Tân Tú, Lục Bình, Vi Hương; thị trấn Phủ Thông (địa phận xã Phương Linh cũ)	
2.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
-	Riêng thị trấn Phủ Thông (địa phận xã Phương Linh cũ)	1,10
2.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
2.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	1,00
-	Riêng thị trấn Phủ Thông (địa phận xã Phương Linh cũ)	1,10
2.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	1,00
3	Giá đất các xã: Cao Sơn, Đôn Phong, Mỹ Thanh, Nguyên Phúc, Sỹ Bình, Vũ Muộn, Dương Phong	
3.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
3.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
3.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	1,00
3.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	1,00
HUYỆN BA BÈ		
1	Giá đất thị trấn Chợ Rã	
1.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
1.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
1.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	1,00
1.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	1,00
2	Giá đất các xã: Bành Trạch. Chu Hương. Địa Linh. Hà Hiệu. Khang Ninh. Mỹ Phương. Thượng Giáo. Yên Dương. Phúc Lộc	
2.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
2.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
2.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	1,00
2.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	1,00
3	Giá đất các xã: Cao Thượng. Đồng Phúc. Hoàng Trĩ. Nam Mẫu. Quảng Khê	
3.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
3.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
3.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	1,00
3.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	1,08
HUYỆN NGÂN SƠN		
1	Giá đất thị trấn Nà Phặc và xã Vân Tùng	
1.1	Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
1.2	Đất trồng lúa nương	1,00
1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	1,00
1.4	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	1,00
2	Giá đất các xã: Bằng Vân. Hiệp Lực (địa phận xã Lãng Ngâm cũ)	
2.1	Đất trồng lúa nước còn lại	1,00

2.2	Đất trồng lúa nương	1,00
2.3	Đất trồng cây hàng năm khác	1,00
2.4	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	1,00
3	Giá đất các xã: Cốc Đán. Đức Vân. Hiệp Lực (địa phận xã (Hương Nê cũ). Thuận Mang. Thượng Ân. Thượng Quan. Trung Hòa	
3.1	Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
-	Riêng xã Hiệp Lực (địa phận xã (Hương Nê cũ)	1,13
3.2	Đất trồng lúa nương	1,00
-	Riêng xã Hiệp Lực (địa phận xã (Hương Nê cũ)	1,25
3.3	Đất trồng cây hàng năm khác	1,00
-	Riêng xã Hiệp Lực (địa phận xã (Hương Nê cũ)	1,13
3.4	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	1,00
-	Riêng xã Hiệp Lực (địa phận xã (Hương Nê cũ)	1,25
HUYỆN PÁC NẠM		
1	Giá đất xã Bộc Bó	
1.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,09
1.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
1.3	- Đất bằng trồng cây hàng năm khác	1,00
1.4	- Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	1,00
2	Giá đất các xã: Giáo Hiệu. Nghiên Loan. Xuân La	
2.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
2.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
2.3	- Đất bằng trồng cây hàng năm khác	1,00
2.4	- Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	1,00
3	Giá đất các xã An Thắng. Bằng Thành. Cao Tân. Cô Linh. Nhạn Môn. Công Bằng	
3.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	1,00
3.2	- Đất trồng lúa nương	1,00
3.3	- Đất bằng trồng cây hàng năm khác	1,00
3.4	- Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	1,00
III. ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM		
THÀNH PHỐ BẮC KẠN		
1	Giá đất các xã, phường	1,20
HUYỆN CHỢ MỚI		
1	Giá đất thị trấn Đồng Tâm và xã Thanh Thịnh (địa phận xã Thanh Bình cũ)	1,10
2	Giá đất các xã: Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ, xã Thanh Thịnh (địa phận xã Nông Thịnh cũ)	1,10
-	Riêng xã Thanh Thịnh (địa phận xã Nông Thịnh cũ)	1,24
3	Giá đất các xã: Mai Lạp, Như Cồ, Quảng Chu. Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vận, Bình Văn. Yên Cư, Yên Hân	1,20
-	Riêng xã Quảng Chu	1,30
HUYỆN CHỢ ĐÓN		
1	Giá đất thị trấn Bằng Lũng	1,00
2	Giá đất các xã: Ngọc Phái. Phương Viên	1,00
3	Giá đất các xã: Bản Thi. Bằng Lãng. Bằng Phúc. Bình Trung. Đại Sào. Đồng Lạc. Đồng Thắng. Lương Bằng. Nam Cường. Nghĩa	1,00

	Tả. Quảng Bạch. Tân Lập. Xuân Lạc. Yên Mỹ. Yên Phong. Yên Thịnh. Yên Thượng	
HUYỆN NA RÌ		
1	Giá đất thị trấn Yên Lạc	1,00
2	Giá đất các xã Kim Lư, Cường Lợi (địa phận xã Lương Hạ cũ); thị trấn Yên Lạc (địa phận xã Lương Hạ cũ)	1,00
-	Riêng thị trấn Yên Lạc (địa phận xã Lương Hạ cũ)	1,33
-	Riêng xã Kim Lư	1,30
3	Giá đất các xã: Văn Lang, Côn Minh, Cư Lễ, Cường Lợi (địa phận xã Cường Lợi cũ) Đồng Xá, Dương Sơn, Trần Phú, Kim Hỷ, Sơn Thành, Liêm Thủy, Lương Thượng, Quang Phong, Văn Minh, Văn Vũ, Xuân Dương	1,00
-	Riêng xã Cường Lợi (địa phận xã Cường Lợi cũ)	1,20
HUYỆN BẠCH THÔNG		
1	Giá đất thị trấn Phủ Thông	1,00
2	Giá đất các xã: Cẩm Giàng, Quân Hà, Quang Thuận, Tân Tú, Lục Bình, Vi Hương; thị trấn Phủ Thông (địa phận xã Phương Linh cũ)	1,00
-	Riêng thị trấn Phủ Thông (địa phận xã Phương Linh cũ)	1,10
3	Giá đất các xã: Cao Sơn, Đôn Phong, Mỹ Thanh, Nguyễn Phúc, Sỹ Bình, Vũ Muộn, Dương Phong	1,00
HUYỆN BA BỂ		
1	Giá đất thị trấn Chợ Rã	1,00
2	Giá đất các xã: Bành Trạch. Chu Hương. Địa Linh. Hà Hiệu. Khang Ninh. Mỹ Phương. Thượng Giáo. Yên Dương. Phúc Lộc	1,00
3	Giá đất các xã: Cao Thượng. Đồng Phúc. Hoàng Trĩ. Nam Mẫu. Quảng Khê	1,00
HUYỆN NGÂN SƠN		
1	Giá đất thị trấn Nà Phặc và xã Vân Tùng	1,00
2	Giá đất các xã: Bằng Vân. Hiệp Lực (địa phận xã Lãng Ngâm cũ)	1,00
3	Giá đất các xã: Cốc Đán. Đức Vân. Hiệp Lực (địa phận xã (Hương Nê cũ). Thuận Mang. Thượng Ân. Thượng Quan. Trung Hòa	1,00
-	Riêng xã Hiệp Lực (địa phận xã (Hương Nê cũ)	1,14
HUYỆN PÁC NẠM		
1	Giá đất xã Bộc Bó	1,00
2	Giá đất các xã Giáo Hiệu. Nghiên Loan. Xuân La	1,00
3	Giá đất các xã An Thắng. Bằng Thành. Cao Tân. Cổ Linh. Nhạn Môn. Công Bằng	1,00
IV. ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT		
THÀNH PHỐ BẮC KẠN		
1	Giá đất các xã, phường	1,20
HUYỆN CHỢ MỚI		
1	Giá đất thị trấn Đồng Tâm và xã Thanh Thịnh (địa phận xã Thanh Bình cũ)	1,10
2	Giá đất các xã: Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ, xã Thanh Thịnh (địa phận xã Nông Thịnh cũ)	1,10
-	Riêng xã Thanh Thịnh (địa phận xã Nông Thịnh cũ)	1,25
3	Giá đất các xã: Mai Lạp, Như Cổ, Quảng Chu. Tân Sơn, Thanh	1,00

	Mai, Thanh Vân, Bình Văn. Yên Cư, Yên Hân	
HUYỆN CHỢ ĐỒN		
1	Giá đất thị trấn Bằng Lũng	1,00
2	Giá đất các xã: Ngọc Phái. Phương Viên	1,00
3	Giá đất các xã: Bàn Thi. Bằng Lăng. Bằng Phúc. Bình Trung. Đại Sào. Đồng Lạc. Đồng Thắng. Lương Bằng. Nam Cường. Nghĩa Tả. Quảng Bạch. Tân Lập. Xuân Lạc. Yên Mỹ. Yên Phong. Yên Thịnh. Yên Thượng	1,00
HUYỆN NA RÌ		
1	Giá đất thị trấn Yên Lạc	1,00
2	Giá đất các xã Kim Lư, Cường Lợi (địa phận xã Lương Hạ cũ); thị trấn Yên Lạc (địa phận xã Lương Hạ cũ)	1,00
-	Riêng thị trấn Yên Lạc (địa phận xã Lương Hạ cũ)	1,33
-	Riêng xã Kim Lư	1,30
3	Giá đất các xã: Văn Lang, Côn Minh, Cư Lễ, Cường Lợi (địa phận xã Cường Lợi cũ) Đông Xá, Dương Sơn, Trần Phú, Kim Hỷ, Sơn Thành, Liêm Thủy, Lương Thượng, Quang Phong, Văn Minh, Văn Vũ, Xuân Dương	1,00
-	Riêng xã Cường Lợi (địa phận xã Cường Lợi cũ)	1,36
HUYỆN BẠCH THÔNG		
1	Giá đất thị trấn Phù Thông	1,00
2	Giá đất các xã: Cẩm Giàng, Quân Hà, Quang Thuận, Tân Tú, Lục Bình, Vi Hương; thị trấn Phù Thông (địa phận xã Phương Linh cũ)	1,00
-	Riêng thị trấn Phù Thông (địa phận xã Phương Linh cũ)	1,11
3	Giá đất các xã: Cao Sơn, Đôn Phong, Mỹ Thanh, Nguyễn Phúc, Sỹ Bình, Vũ Muộn, Dương Phong	1,00
HUYỆN BA BÈ		
1	Giá đất thị trấn Chợ Rã	1,00
2	Giá đất các xã: Bành Trạch. Chu Hương. Địa Linh. Hà Hiệu. Khang Ninh. Mỹ Phương. Thượng Giáo. Yên Dương. Phúc Lộc	1,00
3	Giá đất các xã: Cao Thượng. Đông Phúc. Hoàng Trĩ. Nam Mẫu. Quảng Khê	1,13
HUYỆN NGÂN SƠN		
1	Giá đất thị trấn Nà Phặc và xã Vân Tùng	1,00
2	Giá đất các xã: Bằng Vân. Hiệp Lực (địa phận xã Lăng Ngâm cũ)	1,00
3	Giá đất các xã: Cốc Đán. Đứơc Vân. Hiệp Lực (địa phận xã Hương Nê cũ). Thuận Mang. Thượng Ân. Thượng Quan. Trung Hòa	1,00
-	Riêng xã Hiệp Lực (địa phận xã Hương Nê cũ)	1,20
HUYỆN PÁC NẠM		
1	Giá đất xã Bộc Bó	1,00
2	Giá đất các xã Giáo Hiệu. Nghiên Loan. Xuân La	1,00
3	Giá đất các xã An Thắng. Bằng Thành. Cao Tân. Cổ Linh. Nhạn Môn. Công Bằng	1,00
V. ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN		
THÀNH PHỐ BẮC KẠN		
1	Giá đất các xã, phường	1,20
HUYỆN CHỢ MỚI		

1	Giá đất thị trấn Đồng Tâm và xã Thanh Thịnh (địa phận xã Thanh Bình cũ)	1,00
2	Giá đất các xã: Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ, xã Thanh Thịnh (địa phận xã Nông Thịnh cũ)	1,00
-	Riêng xã Thanh Thịnh (địa phận xã Nông Thịnh cũ)	1,33
3	Giá đất các xã: Mai Lạp, Như Cố, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vận, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân	1,00
HUYỆN CHỢ ĐỒN		
1	Giá đất thị trấn Bằng Lũng	1,00
2	Giá đất các xã: Ngọc Phái, Phương Viên	1,00
3	Giá đất các xã: Bản Thi, Bằng Lăng, Bằng Phúc, Bình Trung, Đại Sào, Đồng Lạc, Đồng Thắng, Lương Bằng, Nam Cường, Nghĩa Tá, Quảng Bạch, Tân Lập, Xuân Lạc, Yên Mỹ, Yên Phong, Yên Thịnh, Yên Thượng	1,00
HUYỆN NA RÌ		
1	Giá đất thị trấn Yên Lạc	1,00
2	Giá đất các xã Kim Lư, Cường Lợi (địa phận xã Lương Hạ cũ); thị trấn Yên Lạc (địa phận xã Lương Hạ cũ)	1,00
-	Riêng thị trấn Yên Lạc (địa phận xã Lương Hạ cũ)	1,67
-	Riêng xã Kim Lư	1,30
3	Giá đất các xã: Văn Lang, Côn Minh, Cư Lễ, Cường Lợi (địa phận xã Cường Lợi cũ) Đồng Xá, Dương Sơn, Trần Phú, Kim Hỷ, Sơn Thành, Liêm Thủy, Lương Thượng, Quang Phong, Văn Minh, Văn Vũ, Xuân Dương	1,00
-	Riêng xã Cường Lợi (địa phận xã Cường Lợi cũ)	1,20
HUYỆN BẠCH THỔNG		
1	Giá đất thị trấn Phủ Thông	1,00
2	Giá đất các xã: Cẩm Giàng, Quân Hà, Quang Thuận, Tân Tú, Lục Bình, Vi Hương; thị trấn Phủ Thông (địa phận xã Phương Linh cũ)	1,00
-	Riêng thị trấn Phủ Thông (địa phận xã Phương Linh cũ)	1,10
3	Giá đất các xã: Cao Sơn, Đôn Phong, Mỹ Thanh, Nguyễn Phúc, Sỹ Bình, Vũ Muộn, Dương Phong	1,00
HUYỆN BA BÈ		
1	Giá đất thị trấn Chợ Rã	1,00
2	Giá đất các xã: Bành Trạch, Chu Hương, Địa Linh, Hà Hiệu, Khang Ninh, Mỹ Phương, Thượng Giáo, Yên Dương, Phúc Lộc	1,00
3	Giá đất các xã: Cao Thượng, Đông Phúc, Hoàng Trĩ, Nam Mẫu, Quảng Khê	1,00
HUYỆN NGÂN SƠN		
1	Giá đất thị trấn Nà Phặc và xã Văn Tùng	1,00
2	Giá đất các xã: Bằng Văn, Hiệp Lực (địa phận xã Lăng Ngâm cũ)	1,00
3	Giá đất các xã: Cốc Đán, Đức Văn, Hiệp Lực (địa phận xã Hương Nê cũ), Thuận Mang, Thượng Ân, Thượng Quan, Trung Hòa	1,00
-	Riêng xã Hiệp Lực (địa phận xã Hương Nê cũ)	1,13
HUYỆN PÁC NẠM		
1	Giá đất xã Bộc Bó	1,00

2	Giá đất các xã Giáo Hiệu. Nghiên Loan. Xuân La	1,00
3	Giá đất các xã An Thắng. Bằng Thành. Cao Tân. Cổ Linh. Nhạn Môn. Công Bằng	1,00

VI. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đơn vị hành chính /Vị trí /Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
THÀNH PHỐ BẮC KẠN		
PHƯỜNG ĐỨC XUÂN		
I	Đường Võ Nguyên Giáp	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến ngã tư Đường Hùng Vương	1,30
2	Từ ngã tư Đường Hùng Vương đến Cầu Bắc Kạn	1,30
3	Từ nhà bà Nguyễn Thị Nga đến cầu Thư viện tỉnh	1,30
II	Đường Trường Chinh	
	Từ ngã ba Điện lực tỉnh đến ngã tư giao với Đường Nguyễn Văn Thoát	1,40
III	Đường Hùng Vương	1,30
IV	Đường Trần Hưng Đạo	1,30
V	Đường Kon Tum	
1	Đoạn từ ngã ba giao với Đường Trần Hưng Đạo đến hết Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn (đường rẽ N3)	1,00
2	Đoạn từ giáp Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn đến giao với Đường Hùng Vương	1,00
3	Đoạn từ giao với Đường Hùng Vương đến sau đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn	1,00
4	Đoạn từ sau đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn đến đầu Cầu Bắc Kạn 1	1,43
5	Đoạn từ ngã ba giao với Đường Trần Hưng Đạo đến hết địa phận Phường Đức Xuân (giáp phường Phùng Chí Kiên)	1,10
VI	Các trục đường phụ	
1	Đường rẽ đi Mỹ Thanh: Đoạn từ điểm cách lộ giới đường Kon Tum là 20m đến hết đất Tờ 1A	1,75
2	Tuyến đường đi Ngâm Bắc Kạn	
2.1	Đoạn từ điểm cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến Ngâm Bắc Kạn	1,17
2.2	Từ Ngâm Bắc Kạn đến ngã ba Vịnh Ông Kiên (cách lộ giới đường Kon Tum là 20m)	1,20
3	Tuyến đường Bàn Áng (đường vào Tờ 12)	
3.1	Từ điểm cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến ngã ba đường rẽ Đồi Xoan	1,80
3.2	Từ ngã ba đường rẽ Đồi Xoan đến đường rẽ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ngọc Huy	1,80
3.3	Từ đường rẽ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ngọc Huy đến ngã ba bãi rác (cũ)	1,60
4	Tuyến đường lên Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Bắc Kạn: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến công Ban Chỉ	1,00

	huy Quân sự thành phố Bắc Kạn	
5	Tuyến đường cầu Thu viện tỉnh	
5.1	Từ cầu Thu viện tỉnh đến hết đất bà Nguyễn Thị Lương	2,00
5.2	Từ hết đất bà Nguyễn Thị Lương đến giáp lộ giới của Đường Trần Hưng Đạo	1,00
5.3	Từ nhà bà Trương Thị Mỹ đến gặp đường Ban Chi huy Quân sự thành phố Bắc Kạn (ngõ Nhà nghỉ Cường Hiền)	1,00
6	Đường phố Đức Xuân: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến cách lộ giới Đường Trường Chinh 20m	1,00
7	Ngõ 9. Đường Trường Chinh (qua Khách sạn Núi Hoa): Từ cách lộ giới của Đường Trường Chinh là 20m đến cách lộ giới đường Kon Tum là 20m	1,20
8	Đường song song với Đường Trường Chinh	1,00
9	Các tuyến dân cư Tổ 1B. 2. 3	2,00
10	Đường vào khu tập thể các cơ quan tỉnh (tập thể Xưởng trục cũ)	2,00
11	Tuyến đường Hàm thông tin: Từ nhà bà Hà Thị Minh đến Hàm thông tin (cách lộ giới Đường Trường Chinh là 20m)	1,00
12	Các tuyến đường trong Khu dân cư Đức Xuân I	
12.1	Các trục đường nội bộ có lộ giới 11.5m	1,33
12.2	Các trục đường nội bộ có lộ giới 13.5m	1,40
12.3	Ngõ 59. Đường Trường Chinh (trục đường N3) từ hết đất ông Bùi Văn Hương đến Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn	1,30
12.4	Đường 11.5m bao quanh Chợ Đức Xuân	1,30
13	Các tuyến đường trong Khu dân cư Đức Xuân II	
13.1	Trục đường nội bộ có lộ giới 15m	1,75
13.2	Các trục đường nội bộ còn lại	1,67
14	Khu vực còn lại của khu dân cư Sở Giao thông cũ	1,33
15	Đường nội bộ Khu dân cư Đức Xuân III	1,71
16	Khu Đô thị phía Nam thuộc địa phận phường Đức Xuân	
16.1	Đường Nguyễn Văn Thoát	1,50
16.2	Tuyến đường Dương Mạc Hiếu	1,50
16.3	Đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 11.5m	1,30
16.4	Các khu vực còn lại không thuộc vị trí nêu trên	1,50
17	Khu dân cư Tổ 6 (Dực phạm cũ)	1,00
18	Đường nội bộ khu dân cư đối diện bến xe	1,30
19	Đường xuống Bảo hiểm thành phố đến Nhà Văn hóa Tổ 7A	1,00
20	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	
20.1	Riêng các vị trí thuộc địa phận Tổ 11B. Tổ 12	1,71
20.2	Tổ 4. Tổ 9A. Tổ 11C	1,00
20.3	Tổ 8A. Tổ 10A	1,00
20.4	Tổ 7A. Tổ 5. Tổ 6	1,00
20.5	Khu dân cư Tổ 1A (đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn)	2,00
20.6	Các khu vực còn lại	1,00
21	Tuyến đường trên mặt công hộp từ Tổ 1B. Tổ 2 (từ đường đi Ngầm Bắc Kạn đến giáp Công ty Trách nhiệm hữu hạn May Bắc Kạn)	1,76

22	Tuyến đường trên mặt công hộp tuổi Tổ 5. Tổ 6	1,00
	PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN	
I	Đường Võ Nguyên Giáp (đường Thành Công cũ)	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết đất trụ sở Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn (Sở Tài nguyên - Môi trường)	1,30
2	Từ hết đất trụ sở Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Bắc Kạn (Sở Tài nguyên - Môi trường) đến hết Đường Võ Nguyên Giáp	1,30
II	Đường Phùng Chí Kiên	
1	Từ điểm đầu Đường Phùng Chí Kiên đến đường lên Đài Truyền hình	1,10
2	Từ hết đất đường lên Đài Truyền hình đến hết đất Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý và sửa chữa đường bộ 244	1,10
3	Từ hết đất Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý và sửa chữa đường bộ 244 đến ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố	1,10
III	Đường Thái Nguyên	
1	Từ ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố đến đất bà Vũ Thị Hương (thửa 52. tờ 47)	1,20
2	Từ đất bà Vũ Thị Hương (thửa 52. tờ 47) đến hết đất phường Phùng Chí Kiên	1,20
IV	Đường Trường Chinh	
	Từ ngã tư Đường Nguyễn Văn Thoát đến ngã tư 244	1,40
V	Đường Kon Tum	
	Tiếp từ ngã tư 244 đến tiếp giáp địa phận phường Đức Xuân	1,10
VI	Đường nội bộ Khu dân cư 244 (khu A + khu B)	1,20
VII	Khu Đô thị phía Nam và Khu tái định cư Đức Xuân thuộc địa phận phường Phùng Chí Kiên	
1	Đường Nguyễn Văn Thoát	1,50
2	Đường Dương Mạc Hiếu (30A)	1,50
3	Các trục đường nội bộ Khu Đô thị phía Nam có lộ giới 11.5m	1,30
4	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Đức Xuân có lộ giới 11.5m	1,30
5	Các trục đường nội bộ Khu Đô thị phía Nam có lộ giới 16.5m	1,30
6	Các vị trí còn lại tại Khu Đô thị phía Nam (trừ vị trí lô 1 các tuyến đường bao quanh)	1,50
VIII	Đường Cứu quốc	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết quán Dũng Phương	1,20
2	Từ hết đất quán Dũng Phương đến hết địa phận phường Phùng Chí Kiên	3,33
IX	Đường Nguyễn Văn Tố	1,30
X	Các trục đường phụ	
1	Từ đường rẽ Bưu điện đến hết đất ông Hùng Thế Hoàng	1,00
2	Đường lên Nhà khách Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh	1,00
3	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m (đường lên Tỉnh ủy) đến hết đất phường Phùng Chí Kiên	1,00
4	Đường nhánh Tô 2	
4.1	Cách đường nhánh Bưu điện 20m đến chân kè Lâm Viên	1,00
4.2	Cách đường nhánh Bưu điện 20m đến hết đất ông Nguyễn Đắc Cần	1,00
4.3	Từ hết đất ông Nguyễn Đắc Cần đến hết nhà ông Phạm Văn Hùng	1,00

5	Đường nhánh Tô 3: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp (QL3) 20m đến hết đất khe Bà Nhị	1,00
6	Từ nhà ông Nguyễn Thế Thanh đến hết đất bà Hoàng Thị Xuân	1,00
7	Đường nhánh Tô 5: Từ cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất ông Nguyễn Việt Dũng	
7.1	Từ cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất quán Lá Cọ	1,00
7.2	Từ nhà ông Triệu Quang Bảo đến hết nhà ông Đàm Văn Nghị	1,00
7.3	Từ hết đất ông Đàm Văn Nghị đến hết đất ông Bùi Quốc Vương	1,20
8	Đường nhánh Tô 7	
8.1	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên đến hết khe Thiên thần	1,00
8.2	Từ cách Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất bà Hoàng Thị Sơn (thửa 33, tờ bản đồ số 16)	1,00
8.3	Từ hết đất bà Hoàng Thị Sơn đến hết đất ông Hoàng Xuân Hừ	1,00
8.4	Từ cách Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất bà Hà Thị Yến	1,00
9	Đường nhánh Tô 8A	
9.1	Cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến cách lộ giới đường từ ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố đến ngã ba đường lên Tỉnh ủy 20m	1,50
9.2	Cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất ông Hà Văn Bình	1,50
10	Đường nhánh Tô 8B	
10.1	Cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất Nguyễn Văn Tài	1,20
10.2	Từ hết đất Nguyễn Văn Tài đến giáp đất Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy	1,20
10.3	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Tài đến hết đất bà Phạm Thị Dung	1,20
10.4	Từ hết đất bà Phạm Thị Dung đến hết đất ông Hoàng Đình Thuận và ông Nguyễn Thành Nam	1,20
10.5	Từ hết đất bà Hoàng Thị Phương Mai đến hết đất bà Bùi Thị Bích	1,20
10.6	Từ hết đất bà Bùi Thị Bích đến hết đất ông Lâm Ngọc Vĩnh	1,20
10.7	Từ đất ông Nông Văn Dũng đến hết đất bà Nguyễn Thanh Hòa	1,20
10.8	Từ hết đất ông Nông Văn Hương đến giáp đất ông Bùi Quốc Vương và đến giáp đất ông Nguyễn Văn Lực	1,20
11	Đường nhánh Tô 9	
11.1	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất bà Hoàng Thị Nga (phía sau Chi cục Thú y)	1,20
11.2	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất bà Hạ Thị Sự	1,20
11.3	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất Bảo hiểm xã hội tỉnh	1,20
11.4	Từ hết đất ông Nguyễn Huy Hồng đến đất ông Triệu Huy Thực	1,20
11.5	Từ hết đất ông Triệu Huy Thực đến hết đất ông Nguyễn Đức Ngọc	1,20
11.6	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất ông Mai Đồng Khanh	1,20
11.7	Từ hết đất ông Mai Đồng Khanh đến hết đất ông Đoàn Văn Tư	1,20
11.8	Từ nhà bà Ma Thị Thanh Huyền đến hết đất ông Nguyễn Hữu Trúc	1,20
11.9	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến giáp đất Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh	1,20
11.1	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến hết đất ông	1,20

	Nguyễn Văn Lợi	
11.1	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến hết Nguyễn Văn Huỳnh	1,20
12	Đường nhánh Tô 10	
12.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Ba (vào sau Hạt Kiểm lâm thành phố)	1,20
12.2	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Ba đến hết đất bà Âu Thị Hồng Thắm	1,20
12.3	Từ hết đất ông Nguyễn Hoàng Cương đến hết đất bà Trịnh Thị Thủy	1,20
12.4	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Cường	1,20
12.5	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Cường đến hết đất bà Nguyễn Thị Thanh	1,20
12.6	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Cường đến hết đất bà Lê Thị Hà	1,20
12.7	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Ma Doãn Hoàng	1,20
12.8	Từ hết đất ông Ma Doãn Hoàng đến giáp đất Trung tâm Huấn luyện Công an tỉnh	1,20
12.9	Từ hết đất ông Lưu Quý Ánh đến hết đất ông Lục Thanh Huân	1,20
12.1	Từ hết đất bà Trịnh Thị Yên đến hết đất ông Nguyễn Quang Trung	1,20
12.1	Từ hết đất ông Phạm Văn Phúc đến hết đất ông Chu Văn Sơn	1,20
12.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất bà Bùi Thị Thắm	1,20
12.1	Từ đất ông Ma Minh Sơn đến đất Trạm Phát sóng Viễn thông Bắc Kạn	1,20
13	Đường nhánh Tô 11 (khe Ngoại vụ)	
13.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên (QL3) 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Trường	1,20
13.2	Từ đất ông Nguyễn Văn Hữu đến hết đất ông Nguyễn Văn Nam	1,20
13.3	Từ giáp đất ông Nguyễn Văn Trường đến hết địa phận phường Phùng Chí Kiên	1,20
13.4	Từ hết đất bà Nguyễn Thị Đào đến hết đất ông Lê Như Vương	1,20
14	Đường nhánh Tô 12	
14.1	Từ đất bà Phan Thị Hằng đến hết đất ông Phạm Xuân Thường và hết đất bà Trần Thị Liên	1,20
14.2	Từ đất ông Phạm Văn Đồng đến hết đất ông Đỗ Thanh Giang	1,20
14.3	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Sánh	1,20
14.4	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Sánh đến hết đất ông Phạm Văn Điệt	1,20
14.5	Từ hết đất ông Bùi Việt Chung đến giáp địa phận xã Nông Thượng	1,20
14.6	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Sánh đến hết đất ông Bế Ngọc Phúc	1,20
14.7	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất bà Nguyễn Thị Nghĩa	1,20
14.8	Từ đất ông Nông Văn Huân đến hết đất ông Hà Như Hợi	1,20
14.9	Các đường nhánh trong khu đất của ông Phạm Quyết Thắng. ông Nguyễn Văn Minh Đắc. bà Lê Thị Cây (cũ)	1,20
14.1	Từ đất bà Nguyễn Thị Yên đến hết bà Vũ Thị Kim Oanh	1,20

14.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Thành	1,20
15	Đường dọc hai bên suối Tô 8A. Tô 8B. Tô 9	1,20
16	Các khu vực còn lại	1,50
PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI		
I	Trục đường chính	
1	Từ Cầu sắt Bắc Kạn đến ngã ba Lương thực (cũ)	1,67
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	
2.1	Đường từ ngã ba Lương thực (cũ) đến Cầu Bắc Kạn	1,30
2.2	Từ ngã ba Lương thực (cũ) đến cầu Pá Danh	1,30
2.3	Đoạn từ cầu Pá Danh đến giáp ngã ba giáp đường Chiến thắng Phù Thông	1,30
3	Đường Chiến thắng Phù Thông	
3.1	Đoạn từ ngã ba đường Chiến thắng Phù Thông đến công phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh	1,50
3.2	Từ công phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh đến hết đất địa phận Phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
4	Đường Hoàng Văn Thụ	
4.1	Đoạn từ ngã ba Nam Cao đến hết địa phận phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,20
4.2	Đoạn từ cầu Huyền Tung đến hết địa phận phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,83
II	Các trục đường nhánh	
1	Khu dân cư Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh lô 1	1,40
2	Khu dân cư Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh lô 2	1,30
3	Đoạn sau nhà ông Chu Minh Lê Tô 11 đến hết đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
4	Đoạn từ nhà ông Hoàng Thanh Sơn (cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m) đến hết đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
5	Đoạn cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m từ ngõ nhà ông Nguyễn Quốc Bích đến hết đất bà Nguyễn Thị Ái Vân	1,00
6	Từ cách lộ giới đường quốc lộ 3 20m đi dọc theo đường thoát úng của Bệnh viện Đa khoa cũ đến Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,33
7	Từ đất ông Nguyễn Gia Trường đến hết đất ông Hà Phúc Trọng	1,00
8	Từ đất bà Nguyễn Thị Ái Vân đến giáp đất ông Vũ Khánh Toàn	1,25
9	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến Ủy ban nhân dân phường + Khu dân cư Tô 9	1,00
10	Đường vào Trạm Y tế phường Nguyễn Thị Minh Khai cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến khu dân cư Tô 17	1,00
11	Đường nội bộ khu dân cư Bắc Sân bay Tô 17 có lộ giới 11.5m	1,00
12	Đường nội bộ khu dân cư Bắc Sân bay Tô 17 có lộ giới 6.0m	1,00
13	Các vị trí còn lại của Tô 4. Tô 5	1,00
14	Bưu điện phường Nguyễn Thị Minh Khai đi Nà Pèn	
14.1	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Hà Văn Đức	2,50

14.2	Từ giáp nhà ông Hà Văn Đức đến hết địa phận phường Nguyễn Thị Minh Khai	2,50
15	Từ Công an thành phố (cũ) đến hết đất ông Hoàng Hữu Hùng	1,00
16	Từ hết đất ông Hoàng Hữu Hùng đến hết địa phận Tổ 17. phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
17	Các vị trí còn lại của Tổ 15. 16. 17	1,00
18	Từ Công an thành phố (cũ) đến giáp đất ông Đặng Văn Toàn. Tổ 15	1,00
19	Đường trong khu dân cư Nà Cốc	1,00
20	Khu vực Tổ 2 cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Ngôn Văn Giai	1,00
21	Đường rẽ vào Tăng thiết giáp Tổ 14 (cách đường Chiến thắng Phú Thông là 20m)	1,00
22	Từ đất bà Đoàn Hồng Nhung đến Ngầm Bắc Kạn	1,00
23	Các vị trí còn lại của Tổ 7. 8. 9	1,00
-	Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Ái Vân đến cách lộ giới đường Tây Minh Khai 20m (Khu vực tổ 7)	2,14
-	Từ hết đất ông Hà Văn Chính đến hết địa bàn phường Nguyễn Thị Minh Khai (Khu vực tổ 7)	2,14
24	Đoạn đường Tổ 6 cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Nông Ngọc Tân	1,00
25	Khu vực còn lại Tổ 6	1,00
26	Các vị trí còn lại của Tổ: 11. 12. 13. 14	1,00
27	Đoạn từ nhà ông Triệu Văn Võ đến công phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh	1,00
28	Đoạn đường vào khu dân cư sau Nhà Văn hóa Tổ 10	1,00
29	Đoạn từ sau nhà ông Trần Văn Dần đến Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
30	Đoạn đường từ sau nhà ông Bùi Văn Cường đến công trường Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
31	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
31.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	1,72
31.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m	1,76
32	Các khu vực còn lại	1,00
	PHƯỜNG SÔNG CẦU	
I	Đường Võ Nguyên Giáp	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến ngã tư Đường Hùng Vương	1,30
2	Ngã tư Đường Hùng Vương đến Cầu Bắc Kạn	1,30
II	Đường Hùng Vương	1,30
III	Đường Đội Kỳ	
1	Từ ngã tư Đường Hùng Vương đến hết nhà bà Nguyễn Thị Loan	1,20
2	Từ đất ông Bùi Đình Nam đến ngã tư phố Quang Sơn	1,20
3	Từ ngã tư phố Quang Sơn đến gặp Đường Bàn Văn Hoan	1,20
IV	Đường Thanh niên	
1	Đoạn từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến giáp suối Nông Thượng	1,50

2	Từ suối Nông Thượng đến hết đất Tinh đoàn	1,50
3	Từ tiếp đất Tinh đoàn đến hết đường Thanh niên	1,50
V	Đường Hoàng Trường Minh	
1	Đoạn từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết đất bà Phạm Thị Thái	1,20
2	Từ hết đất bà Phạm Thị Thái đến giáp đất bà Đinh Thị Loan	1,67
3	Từ đất bà Đinh Thị Loan đến Cầu Đen	1,10
VI	Đường Nông Quốc Chấn	
1	Từ Cầu Đen đến hết đất Cửa hàng xăng dầu số 91	1,25
2	Từ hết đất Cửa hàng Xăng dầu số 91 đến hết đất bà Đỗ Thị Thanh	1,33
3	Từ giáp đất bà Đỗ Thị Thanh đến đất ông Nguyễn Hồng Thái	2,00
4	Từ đất ông Nguyễn Hồng Thái đến giáp đất ông Vũ Đức Cảnh	1,29
5	Từ đất ông Vũ Đức Cảnh đến hết đất ông Vũ Văn Vinh	2,00
6	Từ giáp đất ông Vũ Văn Vinh đến hết đất phường Sông Cầu	2,00
VII	Đường Nguyễn Văn Tố	1,30
VIII	Các trục đường phụ	
1	Đoạn từ Đường Hoàng Trường Minh đến cuối đường Thanh niên	
1.1	Từ ngã ba Đường Hoàng Trường Minh đến Trường Trung học cơ sở Bắc Kạn	1,20
1.2	Từ giáp Trường Trung học cơ sở Bắc Kạn đến cuối đường Thanh niên	1,20
2	Đường vào Trường Quân sự	
2.1	Từ ngã ba đường Thanh niên đến cầu Dương Quang	1,20
2.2	Từ cầu Dương Quang đến hết đất ông Nguyễn Duy Khánh	1,20
2.3	Từ giáp đất ông Nguyễn Duy Khánh đến hết địa phận phường Sông Cầu	1,20
3	Đường Bàn Văn Hoan	1,50
4	Tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Quang Sơn	1,50
5	Đường Đội Kỳ cũ	
5.1	Đoạn từ công sau Chợ Bắc Kạn đến Đầu Đội Kỳ	1,00
5.2	Từ Cầu Đội Kỳ đến gặp Đường Đội Kỳ	1,00
6	Đường từ ngã ba giao Đường Hùng Vương với Đường Đội Kỳ ra đường Thanh Niên	1,00
7	Từ giáp đất Tinh đoàn đến đất bà Trần Thị Duyên giáp đất lô 1 Đường Đội Kỳ	1,00
8	Đường vào nhà bà Hoàng Thị Duyên (đoạn cách lộ giới Đường Nông Quốc Chấn là 20m đến ao Trường Nội trú)	1,00
9	Đường vào Trường Nội trú: Tính từ giáp đất ông Hoàng Văn Trung đến hết đất bà Hà Thị Nha	1,00
10	Đường đi Nông Thượng cũ: Từ suối Nông Thượng (khu Trại giam cũ đến điểm gặp Đường Nguyễn Văn Tố)	1,00
11	Đoạn từ công sau Chợ Bắc Kạn. từ nhà ông Vũ Đình Viên đến giáp đất ông Vũ Văn Luân	1,00
12	Đoạn từ nhà bà Tống Thị Yến đến nhà ông Mừng Ngọc Tài	1,00
13	Đoạn từ nhà bà Sầm Thị Hương đến nhà bà Vũ Thị Mận	1,00
14	Đoạn từ nhà bà Tráng Thị Sỏi đến hết Nhà Văn hóa Tổ 2	1,00
15	Đoạn từ nhà ông Tống Anh Sơn đến suối Nông Thượng	1,00
16	Từ hết đất ông Đào Xuân Lệ đến đất bà Nguyễn Thị Đào	1,00

17	Đường từ ngã ba đường lên Tỉnh ủy đến Đường Nguyễn Văn Tố hết đất phường Sông Cầu	1,00
18	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m đến đường từ ngã ba đường lên Tỉnh ủy (đoạn quán Sáu dê)	1,00
19	Khu dân cư Tổ 13	
19.1	Trục đường chính (từ hết đất bà Tráng Thị Sỏi đến hết trục đường)	1,00
19.2	Các trục đường nhánh	1,00
IX	Các khu vực còn lại	
1	Khu vực còn lại của Tổ 1. Tổ 2. Tổ 3. Tổ 4. Tổ 5. Tổ 6. Tổ 7. Tổ 8. Tổ 9	1,00
-	Đường từ đường Võ Nguyên Giáp đi đường Thanh Niên	4,67
2	Khu vực còn lại của Tổ 12	1,00
3	Khu vực còn lại của Tổ 11A. 11B. 11C. Tổ 13	1,00
4	Khu vực còn lại của Tổ 10. Tổ 14. Tổ 15. Tổ 16. Tổ 17	1,00
5	Các khu vực còn lại Tổ 18. 19	1,00
	PHƯỜNG XUẤT HÓA	
I	Dọc đường Thái Nguyên (QL3)	
1	Từ giáp đất Nông Thượng đến hết đất bà Đặng Thị Tiên	1,20
2	Từ giáp đất bà Đặng Thị Tiên đến cầu Nà Kiệng	1,20
3	Từ cầu Nà Kiệng đến cầu Xuất Hóa	1,20
4	Từ cầu Xuất Hóa đến cầu Suối Viên	1,20
5	Từ cầu Suối Viên đến hết đất Xuất Hóa	1,20
6	Từ giáp cầu Xuất Hóa đến hết đất Xuất Hóa (đường đi Na Ri - Quốc lộ 3B)	2,00
7	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào trường tiểu học đến đầu đập tràn	1,20
II	Các tuyến đường nhánh	
1	Đường đi Tân Cư	
1.1	Cách lộ giới (QL3) 20m đi vào đường Tân Cư đến hết đất bà Hoàng Thị Du	1,00
1.2	Từ giáp đất bà Hoàng Thị Du đến ngã ba trường học cũ	1,00
2	Đường Tân Cư đi Khuổi Pái	
2.1	Từ ngã ba trường học cũ đi Khuổi Pái - phường Huyền Tung	1,00
2.2	Từ ngã ba trường học cũ đến nhà bà Nguyễn Thị Dịu	1,00
3	Khu vực bên kia suối của Tổ 1	1,00
4	Khu vực bên kia suối từ nhà ông Nguyễn Trọng Cảnh đến hết đất ông Hoàng Văn Đường	1,00
5	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào Kho K15 dọc hai bên đường đến cầu nhà ông Hà Quang Khải	1,00
6	Từ cầu nhà ông Hà Quang Khải đến nhà bà Nguyễn Thị Dịu	1,00
7	Tuyến đường từ công Làng Thanh niên văn hóa (Tổ 4) đến hết đất khu Đon Hin	1,00
8	Tuyến đường từ công Làng Thanh niên văn hóa (Tổ 4) đến hết đất ông Lương Văn Cập	1,00
9	Khu vực còn lại của Tổ 4	1,00
10	Từ nhà ông Hà Hữu Tung (Tổ 4) đến cầu ngầm Bàn Pjạt	
10.1	Khu vực từ nhà ông Hà Hữu Tung (Tổ 4) đến cầu nhà ông Đinh Văn Mạn. (Tổ 4) và khu nhà bà Triệu Thị Quyên	1,00

10.2	Từ cầu nhà ông Đinh Văn Mạn. (tổ 4) đến công Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa	1,00
10.3	Từ công Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa đến cầu ngầm Bản Pjạt	1,00
10.4	Khu vực từ nhà ông Hà Đức Hòe sau Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa đến nhà ông Triệu Văn Quyên	1,00
11	Tuyến đường Nà Bàn - Bản Rạo	
11.1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến cầu Nà Bàn	1,00
11.2	Từ cầu Nà Bàn đến hết đất ông Hứa Văn Hội	1,00
11.3	Từ hết đất ông Hứa Văn Hội đến hết tổ Bản Rạo	1,00
11.4	Từ hết đất ông Nông Văn Quý đi đến thôn Khuổi Trang (Nông Thượng)	1,00
11.5	Từ cầu Nà Bàn đến đất bà Lê Thị Thiên	1,00
12	Khu vực Nà Pên sau lô 1 Tổ 6	1,00
13	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào đến nhà ông Hoàng Văn Sơn Tổ 6	1,00
14	Tuyến đường đi Tân Sơn từ cách lộ giới (QL3B) 20m đến hết đất Xuất Hóa	1,00
15	Tuyến đường Khau Gia	
15.1	Từ cách lộ giới (QL3) 20m đến cầu Lũng Hoàn	1,00
15.2	Từ cầu Lũng Hoàn đến đất ông Nông Văn Lô (Tổ 5)	1,00
16	Các khu vực còn lại	1,00
	PHƯỜNG HUYỀN TỤNG	
1	Đường Chiến Thắng Phủ Thông	
1.1	Đoạn giáp ranh với Phường Nguyễn Thị Minh Khai đến Km160	1,50
1.2	Đoạn từ Km160 lên đến ngã ba tổ Khuổi Lặng	1,50
1.3	Từ ngã ba tổ Khuổi Lặng đến hết đất thành phố	1,67
2	Đường Hoàng Văn Thụ (địa phận phường Huyền Tụng)	1,83
3	Tuyến đường đi Phiêng My	
3.1	Tuyến đường đi Chí Lèn (Từ trụ sở Ủy ban nhân dân phường Huyền Tụng cũ đến hết đất ông Hà Chí Hoàng)	1,00
3.2	Từ hết đất ông Hà Chí Hoàng đến hết đất tổ Bản Cậu	1,00
3.3	Từ hết đất tổ Bản Cậu đến hết đất tổ Chí Lèn	1,00
3.4	Từ hết đất tổ Chí Lèn đến hết đất tổ Phiêng My	2,00
3.5	Các vị trí còn lại tổ Bản Cậu	1,00
3.6	Các vị trí còn lại tổ Chí Lèn	1,00
3.7	Các vị trí còn lại tổ Phiêng My	1,00
4	Tổ Nà Pam	1,00
5	Tổ Khuổi Hèo	1,00
6	Tuyến đường đi Mỹ Thanh	
6.1	Từ giáp Phường Đức Xuân đến hết tổ Bản Vèn	4,00
6.2	Các khu vực còn lại tổ Bản Vèn ngoài (cũ)	1,50
6.3	Từ hết đất tổ Bản Vèn đến hết đất tổ Tông Nặng	3,00
6.4	Các vị trí còn lại của tổ Tông Nặng	1,25
6.5	Từ hết đất tổ Tông Nặng đến hết địa giới phường Huyền Tụng	1,50
6.6	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Pái	1,50
7	Các khu vực còn lại của tổ Bản Vèn trong (cũ)	1,00

8	Tổ Pá Danh	
8.1	Từ nhà ông La Văn Tiến đến hết đất bà Hà Thị Phúc	1,00
8.2	Các khu vực còn lại của tổ Pá Danh	1,00
8.3	Khu vực Phiêng Vinh (thuộc tổ Pá Danh)	1,00
9	Tổ Xây Dựng	1,00
10	Tổ Nà Pèn	
10.1	Đường Nà Pèn - Pá Danh	1,00
10.2	Đoạn từ Nhà Văn hóa tổ Nà Pèn đến giáp khu tái định cư Khuổi Kén	1,00
10.3	Khu tái định cư Khuổi Kén	1,25
10.4	Các vị trí còn lại	1,00
11	Tổ Đon Tuần - Khuổi Dùm	
11.1	Từ giáp đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai đến hết đất ông Cao Việt Thắng	1,00
11.2	Các vị trí còn lại tổ Đon Tuần - Khuổi Dùm	1,00
12	Tổ Lâm Trường	
12.1	Từ sau lộ giới QL3 20m đến hết đất ông Nông Văn Thi	1,00
12.2	Các vị trí còn lại của tổ Lâm Trường	1,00
13	Tổ Giao Lâm	1,00
14	Tổ Nà Pài, tổ Khuổi Lặng	1,00
15	Tổ Khuổi Mật	
15.1	Đường đi tổ Khuổi Mật (đoạn từ cách lộ giới Đường Hoàng Văn Thụ là 20m đến hết đất bà Lý Thị Cói)	1,00
15.2	Từ nhà ông Đặng Văn Thành đến nhà ông Nguyễn Hữu Nga	1,00
15.3	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Mật	1,00
16	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Thuồm	1,00
17	Các khu vực còn lại chưa nêu ở trên	1,25
HUYỆN CHỢ MỚI		
I	Đường phố loại 1	
1	Trục đường Quốc lộ 3 từ Cầu Ô gà đến hết địa phận thị trấn Đồng Tâm	4,00
2	Tuyến đường QL3 mới Thái Nguyên - Chợ Mới: Từ hết địa giới hành chính xã Quảng Chu đến giáp đất xã Thanh Thịnh (Đường Thái nguyên)	1,70
II	Đường phố loại 2	
1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Phan Bá Thuận (đầu đường QH32m đến cuối đường QH32m)	1,70
2	Từ công Trung tâm Dạy nghề huyện đi qua chợ đến Cửa hàng Vật tư nông nghiệp (cách đường QH32m là 20m)	1,70
3	Từ giáp đất nhà ông Hoàng Đình Hoàn đến đường QH32m (cách lộ giới 20m) (Từ giáp trường THCS Đồng Tâm đến đường QH 32) (cũ)	1,50
4	Đường nhánh Tô 3 từ giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Lành đến hết đất nhà bà Bùi Thị Lộc	1,50
5	Đoạn từ công Ủy ban nhân dân cách lộ giới QL3 20m (Bảo hiểm cũ) đến giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Chút	1,50
6	Đoạn từ giáp đất nhà bà Tống Thị Liên đến lộ giới đường QH32m	1,50

	(đường nội thị Tô 1) (cũ)	
7	Đường nội thị Tô 6	1,50
8	Đường thị trấn Đồng Tâm - Bình Văn	
8.1	Từ ngã ba cách lộ giới QL3 là 20m. từ Chi nhánh điện đến cầu Yên Đĩnh	1,50
8.2	Từ cầu Yên Đĩnh đến hết đất thị trấn Đồng Tâm	1,50
9	Từ cách lộ giới QL3 là 20m (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đến công Bệnh viện	1,50
10	Đường dân sinh có chiều rộng mặt đường từ 02m trở lên (tại khu quy hoạch xã Yên Đĩnh cũ)	1,50
11	Từ lộ giới QL3 là 20m (từ nhà ông Vũ Minh Phú) đến đường cầu Yên Đĩnh	3,50
12	Từ cách lộ giới QL3 là 20m từ nhà ông Phạm Văn Tý đến công sau Bệnh viện	1,50
III	Các vị trí khác	
1	Đường nhánh đi Ba Luông (cách lộ giới QL3 là 20m) đến hết đất thị trấn Đồng Tâm	1,50
2	Đoạn từ cách lộ giới đường QH32m là 20m đến Sông Chu (đường nội thị Tô 2)	1,70
3	Đường vào Trạm Y tế thị trấn (Trạm y tế cũ)	1,70
4	Từ hết đất nhà bà Bùi Thị Lộc đến hết đất nhà bà Phạm Thị Nguyên	1,50
5	Đường nhánh Tô 5 đoạn từ giáp đất nhà ông Mã Ngọc Khanh đến hết đất nhà ông Nguyễn Đình Phú (cũ)	1,50
6	Đoạn từ giáp đất nhà ông Tạ Duy Cường đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Biên	1,50
7	Đường nhánh Tô 7 từ giáp đất Công an huyện (cũ) đến hết đất nhà ông Nguyễn Ngọc Chân (bờ Sông Chu)	1,50
8	Đoạn đường nhánh từ Tòa án đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Trung	1,50
9	Đoạn đường nhánh Tô 4 từ giáp đất nhà ông Đinh Khắc Tiến đến hết đất ông Vũ Đình Nghĩa (Sông Chu)	1,50
10	Đường liên xã thị trấn Đồng Tâm đi Quảng Chu	1,50
11	Các vị trí đất khác chưa nêu ở trên	1,50
12	Các vị trí đất khác trong khu quy hoạch xã Yên Đĩnh cũ	1,50
	HUYỆN CHỢ ĐỒN	
I	Tuyến đi Ba Bể (đọc hai bên đường)	
1	Từ ngã ba Kiềm lâm. nhà ông Phạm Văn Dịu. nhà ông Lê Quang Thiết đến Khách sạn Đức Mạnh	1,50
2	Từ Khách sạn Đức Mạnh đến hết nhà ông Luân Sỹ Thi	1,50
3	Từ tiếp đất nhà ông Luân Sỹ Thi đến công tiêu Cây xăng Tô 9	1,50
4	Từ Cây xăng Tô 9 đến công tràn Tô 10	1,20
5	Từ sau công tràn Tô 10 đến hết đất thị trấn	1,20
II	Tuyến đi Bắc Kạn (đọc hai bên đường)	
1	Từ ngã ba Kiềm lâm tiếp nhà ông Lê Quang Thiết đến hết đất ông Nguyễn Quốc Tuấn (karaoke Đức Mạnh)	1,50
2	Từ nhà ông Nguyễn Quốc Tuấn (karaoke Đức Mạnh) đến hết đình đèo Kéo Càng (Trạm Cấp nước)	1,20
3	Từ đình đèo Kéo Càng đến hết đất thị trấn	1,20

4	Từ Bưu điện đến hết đất nhà ông Phan Ngọc Tuấn (ngã ba Bệnh viện)	1,50
III	Tuyên đi Định Hóa	
1	Từ ngã ba Kiềm lâm. ranh giới nhà ông Phạm Văn Dịu đến hết nhà ông Hoàng Văn Lương	1,50
2	Từ tiếp đất nhà ông Hoàng Văn Lương đến hết đất ở nhà ông Nông Văn Nguyên	1,20
3	Từ tiếp đất nhà ông Nông Văn Nguyên đến hết đất thị trấn	1,20
IV	Các đường phụ (đọc hai bên đường)	
1	Từ đất nhà Dũng Cúc đến hết đường trục chính vào khu dân cư lương thực cũ	1,20
2	Các tuyến đường trong khu dân cư tự xây (Xưởng nông vụ và Khu lương thực cũ)	1,20
3	Từ nhà bà Thập Đoạt đến hết nhà ông Đỗ Đức Quảng	1,20
4	Từ tiếp đất nhà Hiền Cung đến mỏ nước	1,20
5	Từ đất nhà bà Lục Thị Toán đến hết đất nhà ông La Văn Siu	1,20
6	Từ đất nhà Hiền Cung đến hết đất nhà ông Bằng Văn So	1,50
7	Tiếp đất nhà ông Bằng Văn So đến hết đất nhà bà Đàm Thị Sơn	1,20
8	Tiếp đất bà Đàm Thị Sơn đến hết đất thị trấn	1,50
9	Từ hết đất Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Chợ Đồn đến đất Trường Mầm non thị trấn	1,20
10	Từ ngã ba Ban Quản lý dự án huyện đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Khâm. sau nhà ông Nguyễn Đức Thiêm	1,20
11	Từ tiếp giáp ngã ba Ban Quản lý dự án huyện đến hết đất nhà ông Lý Văn Hắt	1,20
12	Đoạn đường rẽ vào Trường Tiểu học thị trấn đến hết nhà ông Nông Quốc Thái	1,20
13	Từ ngã ba tiếp đất nhà ông Nông Quốc Thái đến Trường Hoàng Văn Thụ	1,20
14	Đường từ ngã ba Phòng Giáo dục đến nhà Tùng Vàng	1,20
15	Từ đất nhà Tùng Vàng đến công Trường Mầm non thị trấn	1,20
16	Đường phía sau chợ Bằng Lũng từ nhà ông Vũ Ngọc Khánh (tổ 2A) đến hết đất nhà ông Mạch Văn Dũng (Tổ 11A)	1,30
17	Đường phía Nam chợ Bằng Lũng (Tổ 11B) từ nhà ông Nguyễn Tiến Vừng đến hết đất nhà ông Bùi Văn Chúc	1,30
18	Các đường dân sinh có mặt đường lớn hơn hoặc bằng 02m	1,20
19	Các đường dân sinh có mặt đường nhỏ hơn 02m	1,10
20	Từ ngã ba Vật tư cách lộ giới ĐT254 20m đến Trường Dạy nghề và các tuyến nhánh trong khu dân cư Nông Cự	1,20
21	Từ ngã ba Kẹm Trinh đến hết đất nhà ông Phùng Văn Hương. thôn Bản Duồng II	1,20
22	Tiếp đất nhà ông Phùng Văn Hương đến hết đất thị trấn	1,10
V	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	1,20
HUYỆN NARI		
I	Trục đường từ xã Cường Lợi đi xã Sơn Thành	
1	Từ đất nhà ông Triệu Văn Hoan đến đầu cầu Hát Deng phía Bắc (tuyến chính)	1,00
2	Từ giáp đất ông Triệu Văn Hoan đến ngã ba đường đi Văn Vũ	1,00
3	Từ nhà ông Sinh đến đường vào nhà khách (tuyến nhánh)	1,00

4	Từ đầu cầu Hát Deng phía Nam đến đầu Cầu Tranh phía Bắc	1,00
5	Từ Cầu Tranh phía Nam đến đường rẽ vào nhà ông Chính (Nguyên)	1,00
6	Từ giáp đường rẽ vào nhà ông Chính (Nguyên) đến hết đất nhà ông Sơn	1,00
7	Từ giáp đất nhà ông Sơn đến hết đất nhà ông Quang (Thu)	1,00
8	Từ giáp đất nhà ông Quang (Thu) đến hết tường rào xây nhà ông Việt	1,00
9	Từ tường rào xây nhà ông Việt đến hết đất thị trấn Yên Lạc	1,00
II	Các trục đường phố cổ	
1	Từ đất nhà bà Vui (ngõ ngã ba Huyện ủy) đến hết đất nhà ông Hoan Hùng	1,00
2	Từ nhà bà Phây qua ngã ba đến công Trường Nội trú	1,00
3	Từ ngã tư phố cổ đến đầu cầu cứng Tà Pìn	1,00
4	Từ tuyến chính đường nội thị đến công xây nhà bà An	1,00
5	Từ công xây nhà bà An đến hết đất thị trấn (giáp Kim Lư)	1,00
6	Từ cầu cứng Tà Pìn đến đường rẽ đi động Nàng Tiên	1,00
7	Từ tuyến nhánh đường nội thị đến công Nhà Khách huyện	1,00
8	Từ tuyến chính nội thị đến hết đất khu dân cư phía Bắc cầu Hát Deng	1,00
9	Đoạn đường rẽ sau Bến xe khách	1,00
III	Trục đường vành đai	
1	Ngã tư đường nội thị đi qua đất Chi nhánh Điện đến giáp khu dân cư chợ cũ	1,00
2	Từ ngã ba đường nội thị qua sau Chi cục Thuế cũ đến ngã ba đường đi ngầm	1,00
3	Từ ngã tư đường nội thị qua sau Huyện đội đến công ngã ba nhà ông Linh	1,00
4	Từ công ngã ba nhà ông Linh đến hết đất Nhà Họp tổ nhân dân Pàn Châu	1,00
5	Từ giáp đất Nhà Họp tổ nhân dân Pàn Châu đến hết đất thị trấn Yên Lạc	1,00
6	Từ ngã ba nhà ông Linh đến ngã ba đường rẽ Ủy ban nhân dân huyện	1,00
7	Từ công Ủy ban nhân dân huyện ra đường nội thị	1,00
8	Từ đường nội thị (nhà ông Hiệp Bang) đến công Trường Tiểu học Yên Lạc	1,00
9	Từ công Trường Tiểu học Yên Lạc qua Trạm Lâm nghiệp đến chân cầu Hát Deng	1,00
10	Từ đường nội thị vào Bán Pò đến hết đất nhà ông Tuyến (ngã ba đường)	1,00
11	Từ hết đất nhà ông Tuyến (ngã ba đường) đến hết đất nhà bà Hồng	1,00
12	Từ đường nội thị đến nhà ông Đài Bằng (đường đi Thôm Phục)	1,00
13	Đường tránh QL3B đoạn qua thị trấn Yên Lạc (phía Bắc) (Đường tránh QL3B đoạn qua thị trấn Yên Lạc (phía Nam))	1,00
14	Đường tránh QL3B giáp đất Kim Lư đến hết đất nhà ông Lạc	1,00
15	Đường tránh QL3B từ đất nhà ông Lạc đến hết đất thị trấn	3,20
IV	Giá đất khu dân cư chợ cũ Yên Lạc	

1	Từ lô số 10 đến lô số 19. lô số 30 đến lô số 37. lô số 72 đến lô số 79. lô số 90 đến lô số 94. lô số 100 đến lô số 108	1,00
2	Từ lô số 20 đến lô số 29. lô số 80 đến lô số 89. lô số 109 đến lô số 113	1,00
3	Từ lô số 48 đến lô số 55. lô số 65 đến lô số 71. lô số 119 đến lô số 131	1,00
4	Từ lô số 05 đến lô số 09. lô số 38 đến lô số 47. lô số 56 đến lô số 64. lô số 95 đến lô số 99. lô số 114 đến lô số 118	1,00
5	Từ lô số 01 đến lô số 04	1,00
6	Từ lô số 132 đến lô số 145. và các lô số 57a. 59a. 60a	1,00
V	Các khu vực còn lại	
1	Từ giáp đất nhà bà Học Thu đến hết đất bà Lương Thị Thù	1,00
2	Ngã ba Khưa Slen đến Sân Vận động Pò Đôn	1,00
3	Từ ngã ba ông Lú đến cầu treo ông Thành (Nà Hin) và Trường Mầm non	1,00
4	Ngã ba Ủy ban nhân dân thị trấn đến Sân Vận động Pò Đôn	1,00
5	Ngã ba ông Trung đến hết nhà ông Trường (Đồn Tắm)	1,00
6	Đường vào Động Nàng Tiên	
6.1	Ngã ba đường đi Pác Muồng đến hết đất nhà ông Mã Thiêm Quyến	1,00
6.2	Từ giáp đất nhà ông Mã Thiêm Quyến đến sân Động Nàng Tiên	1,00
7	Đường Kim Lư - Sơn Thành	
7.1	Từ ngã ba đi Động Nàng Tiên đến cầu cứng Pác Muồng	1,00
7.2	Từ cầu cứng Pác Muồng đến hết đất nhà ông Triệu Tiên Thanh	1,00
8	Từ nhà ông Lương Thanh Luyện đến Trường Trung học cơ sở	1,00
9	Từ nhà ông Lý Văn Thanh và Nà Pằng đến nhà bà Hoàng Thị Chí thôn Nà Lặng	1,00
10	Các trục đường chưa nêu ở trên có mặt đường > 03m (thuộc địa phận thị trấn Yên Lạc cũ)	1,00
11	Các vị trí còn lại chưa nêu ở (thuộc địa phận thị trấn Yên Lạc cũ)	1,00
12	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên (thuộc địa phận thị xã Lương Hạ cũ)	1,00
-	Từ ngã ba ông Lú đến công Trạm cấp nước sinh hoạt	1,50
	HUYỆN BẠCH THÔNG	
I	Trục đường QL3	
1	Từ công Nà Hái (giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông) về phía Bắc đến hết khu dân cư Khuổi Nim	1,10
2	Từ tiếp giáp đất khu dân cư Khuổi Nim đến cầu Nà Món (bám dọc QL3)	1,10
3	Từ cầu Nà Món đến Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1 (bám dọc QL3)	1,10
4	Đoạn tiếp giáp Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1 đến Nhà Bia tưởng niệm Đèo Giàng (bám dọc QL3)	1,10
5	Từ công Nà Hái QL3 đoạn từ Điện lực Phú Thông vào đến hết Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông (trừ đất của các hộ bám trục mặt đường QL3)	1,10
6	Bám trục đường QL3 đoạn đường từ nhà bà Nguyễn Thị Loan lên đến Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông (trừ đất của các hộ bám trục mặt đường QL3)	1,10

7	Bám trục đường QL3 đoạn đường từ cửa hàng xăng dầu - số 32 Phú Thông lên đến hết đất Trường Mầm non Phương Thông (trừ các hộ bám trục mặt đường QL3)	1,10
8	Từ công Nà Hái (giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông) về phía Nam đến hết đất thị trấn Phú Thông (Km173 - QL3)	1,10
9	Từ cách lộ giới QL3 đường lên đến công Trường Trung học cơ sở Phú Thông đến hết nhà hộc thôn Khuổi Chàm cũ	1,00
II	Trục đường tỉnh lộ 258	
1	Từ ranh giới nhà ông Bùi Ngọc Dương và nhà ông Sái Văn Cường đến Cầu Đeng	1,10
2	Đường lên Trường Trung học phổ thông Phú Thông cách lộ giới đường 258 là 20m đến công Trường Trung học phổ thông Phú Thông	1,10
3	Đoạn từ nhà ông Hoàng Á Lợi và Bùi Ngọc Thông đến giáp suối Tà Giàng	1,00
III	Đất ở các khu vực khác trong địa bàn thị trấn Phú Thông (cũ)	1,00
IV	Đất ở các khu vực khác trong địa bàn xã Phương Linh (cũ)	4,00
HUYỆN BA BÈ		
I	Các trục đường chính (dọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ vào Lâm trường đến hết đất nhà ông Dương Văn Năm Tiêu khu 3	2,00
2	Tiếp đất nhà ông Dương Văn Năm đến hết đất thị trấn	2,00
3	Từ ngã ba Cầu Toong đi cầu treo Cốc Phát đến hết đất nhà ông Mông Văn Thiện	2,00
4	Tiếp hết đất nhà ông Mông Văn Thiện đến hết đất thị trấn	2,00
5	Từ đường rẽ vào Lâm trường Ba Bè đến công cạnh nhà ông Dương Văn Duy TK4	3,00
6	Từ tiếp công nhà ông Dương Văn Duy TK4 đến hết đất nhà ông Doãn Văn Đám TK4	3,00
7	Từ tiếp đất nhà ông Doãn Văn Đám TK4 đến hết đất nhà ông Dương Văn Hoàng (ngã tư TK2)	3,00
8	Từ đất ông Dương Văn Hoàng (ngã tư TK2) đến hết đất thị trấn (giáp xã Địa Linh)	2,50
9	Từ tiếp đất nhà ông Doãn Văn Đám TK4 đến công Phja Sen	3,50
10	Từ tiếp công Phja Sen đến hết đất nhà ông Hoàng Văn La (TK7)	4,00
11	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn La (TK7) đến đầu cầu Pác Co	3,50
12	Từ cầu Pác Co đến đầu cầu Tin Đồn	3,00
13	Từ cầu Pác Co đến ngã tư đường QL279 và đường 258A	3,00
14	Từ ngã tư đường QL279 và đường 258A đến công Loông Cại	2,50
15	Từ công Loông Cại đến hết đất thị trấn	2,50
16	Từ công ngang đường QL279 (dưới Lâm trường Ba Bè) đến ngã tư TK2	3,00
17	Đường QL279 nối từ TK3 đến công ngang đường QL279 (dưới Lâm trường Ba Bè)	2,00
18	Từ ngã tư đường QL279 giao với đường 258A (TK2) đến đầu cầu Tà Nghè (TK2)	3,00
19	Từ đầu cầu Tà Nghè (qua TK1) đến hết đất nhà ông Đông Minh Sơn TK1	3,00
20	Từ tiếp đất nhà bà Hoàng Thị Giới (TK1) đến hết đất nhà ông Bế Thiện Kiệm (TK11)	3,00

21	Từ giáp nhà ông Bê Thiện Kiệt (TK11) đến hết nhà ông Hoàng Lục Duyệt (TK10)	3,00
22	Từ tiếp đất Hoàng Lục Duyệt (TK10) đến hết đất thị trấn	3,00
II	Các trục đường phụ	
1	Từ tiếp đất Trung tâm Y tế đến Trường Trung học phổ thông Ba Bê	2,00
2	Từ tiếp đất nhà ông Tạ Trương Minh TK8 đến tiếp đất nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung TK8	1,50
3	Tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung (TK8) đến hết nhà ông Ma Nguyễn Tuấn TK8	1,50
4	Tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung TK8 đến hết nhà ông Hoàng Văn Quyết TK8	1,50
5	Tiếp đất nhà ông Vũ Minh Khoan TK9 đến hết đất thị trấn (đi Bản Pục)	1,50
6	Từ nhà bà Hà Thị Viêt đến đường QL279 dọc hai bên đường	1,50
7	Tiếp đường QL279 (đi Nà Săm) đến hết đất thị trấn	1,50
8	Tiếp nhà ông Đinh Anh Giao đến hết đất nhà ông Cao Việt Thủ TK4	1,50
9	Từ nhà bà Vi Thị Thâm TK2 đến hết đất nhà ông Lôi Huy Thục TK2	1,50
10	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã (TK4)	
10.1	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã Khu 1 (từ lô 22 đến lô 38 và từ lô 21 đến lô 39 và các lô 21, 39)	1,50
10.2	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã Khu 2, Khu 3 (từ lô 41 đến 51; từ lô 54 đến lô 63; từ lô 66 đến lô 73; từ lô 76 đến lô 82 và các lô 40, 52, 53, 64, 65, 74, 75, 83)	1,50
11	Từ ngã ba (đường giao giữa đường 279 với tuyến 258B mới) đôi diện nhà ông Khôi TK3 đến hết đất thị trấn	1,20
III	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	1,00
-	Khu TĐC QL279 (trừ các lô tiếp giáp mặt đường QL 279)	3,00
-	Khu vực giáp đường nội bộ khu TĐC (trừ các lô đất nằm trong dự án TĐC)	3,00
HUYỆN NGÂN SƠN		
I	QL3 (đi về phía Hiệp Lực)	
1	Đoạn từ nhà ông Bê Đình Thanh đến hết đất ông Ngọc Văn Trí	1,00
2	Tiếp hết đất nhà ông Ngọc Văn Trí đến hết đất nhà ông Đường Trung Tuấn	1,00
3	Từ hết đất nhà ông Đường Trung Tuấn đến hết cầu Nà Ha	1,00
4	Tiếp cầu Nà Ha đến hết đất thị trấn Nà Phặc	1,00
5	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến hết đất thôn Bó Danh	1,00
II	QL3 (đi về phía Vân Tùng)	1,00
1	Từ hết đất ở ông Bê Đình Thanh đến hết đất ở nhà ông Hoàng Văn Cẩn	1,00
2	Từ hết đất ở nhà ông Hoàng Văn Cẩn đến cầu Bản Mạch	1,00
3	Từ cầu Bản Mạch đến hết đất thị trấn Nà Phặc	1,00
4	Đường từ (QL3) cách 20m vào đến Phòng khám Đa khoa Nà Phặc (Đường từ QL3 cách 20m vào đến trạm y tế Nà Phặc)	1,00
5	Đường từ (QL3) vào đến cầu Nà Khoang	1,00
III	Đường đi Hà Hiệu (QL279)	1,00
1	Từ ngã ba Nà Phặc cách lộ giới QL3 20m đến hết đất nhà kho	1,00

	chứa vật liệu (ông Nông Văn Giang)	
2	Từ hết đất nhà kho chứa vật liệu (ông Nông Văn Giang) đến hết đất nhà bà Lý Thị Gấm	1,00
3	Từ hết đất nhà bà Lý Thị Gấm đến nhà ông Đồng Văn Tuấn	1,00
4	Từ hết đất nhà ông Đồng Văn Tuấn đến hết đất nhà bà Phạm Thị Sen	1,00
5	Từ hết đất nhà bà Phạm Thị Sen đến hết đất thị trấn Nà Phặc	1,00
6	Từ lộ giới đường QL279 cách 20m (đường Nà Duông - Khuổi Tinh)	1,00
7	Từ lộ giới QL 279 cách 20m theo trục đường tránh xử lý điểm đen đến QL3 cách lộ giới 20m	1,00
IV	Các vị trí xung quanh chợ Nà Phặc có khoảng cách là 100m trở lại	1,00
V	Các vị trí đất còn lại thuộc thị trấn	
1	Các thôn vùng cao: Cốc Xá, Mây Van, Lũng Lịa, Phịa Trang, Phịa Đẳng, Lũng Nhá	1,00
2	Các thôn vùng thấp còn lại	1,00
3	Đường Hồ Chí Minh đoạn Nà Phặc	1,00

VII. ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đơn vị hành chính /Vị trí /Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	PHƯỜNG ĐỨC XUÂN	
I	Đường Võ Nguyên Giáp	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến ngã tư Đường Hùng Vương	1,30
2	Từ ngã tư Đường Hùng Vương đến Cầu Bắc Kạn	1,30
3	Từ nhà bà Nguyễn Thị Nga đến cầu Thư viện tỉnh	1,30
II	Đường Trường Chinh	
	Từ ngã ba Điện lực tỉnh đến ngã tư giao với Đường Nguyễn Văn Thoát	1,40
III	Đường Hùng Vương	1,30
IV	Đường Trần Hưng Đạo	1,30
V	Đường Kon Tum	
1	Đoạn từ ngã ba giao với Đường Trần Hưng Đạo đến hết Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn (đường rẽ N3)	1,00
2	Đoạn từ giáp Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn đến giao với Đường Hùng Vương	1,00
3	Đoạn từ giao với Đường Hùng Vương đến sau đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn	1,00
4	Đoạn từ sau đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn đến đầu Cầu Bắc Kạn 1	1,43
5	Đoạn từ ngã ba giao với Đường Trần Hưng Đạo đến hết địa phận Phường Đức Xuân (giáp Phường Phùng Chí Kiên)	1,10

VI	Các trục đường phụ	
1	Đường rẽ đi Mỹ Thanh: Đoạn từ điểm cách lộ giới đường Kon Tum là 20m đến hết đất Tô 1A	1,75
2	Tuyến đường đi Ngâm Bắc Kạn	
2.1	Đoạn từ điểm cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến Ngâm Bắc Kạn	1,17
2.2	Từ Ngâm Bắc Kạn đến Ngã ba Vinh Ông Kiên (cách lộ giới đường Kon Tum là 20m)	1,20
3	Tuyến đường Bản Áng (đường vào Tô 12)	
3.1	Từ điểm cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến ngã ba đường rẽ Đồi Xoan	1,80
3.2	Từ ngã ba đường rẽ Đồi Xoan đến đường rẽ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ngọc Huy	1,80
3.3	Từ đường rẽ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ngọc Huy đến ngã ba bãi rác (cũ)	1,60
4	Tuyến đường lên Ban Chỉ huy Quân sự thành phố: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến công Ban Chỉ huy Quân sự thành phố	1,00
5	Tuyến đường cầu Thư viện tỉnh	
5.1	Từ cầu Thư viện tỉnh đến hết đất bà Nguyễn Thị Lương	2,00
5.2	Từ hết đất bà Nguyễn Thị Lương đến giáp lộ giới của Đường Trần Hưng Đạo	1,00
5.3	Từ nhà bà Trương Thị Mỹ đến gặp đường Ban Chỉ huy Quân sự thành phố (ngõ Nhà nghỉ Cường Hiền)	1,00
6	Đường phố Đức Xuân: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến cách lộ giới Đường Trường Chinh 20m	1,00
7	Ngõ 9 đường Trường Chinh (qua Khách sạn Núi Hoa): Từ cách lộ giới của Đường Trường Chinh là 20m đến cách lộ giới đường Kon Tum là 20m	1,20
8	Đường song song với đường Trường Chinh	1,00
9	Các tuyến dân cư Tô 1B. 2. 3	2,00
10	Đường vào khu tập thể các cơ quan tỉnh (tập thể Xưởng trúc cũ)	2,00
11	Tuyến đường Hàm thông tin: Từ nhà bà Hà Thị Minh đến Hàm thông tin (cách lộ giới Đường Trường Chinh là 20m)	1,00
12	Các tuyến đường trong Khu dân cư Đức Xuân I	
12.1	Các trục đường nội bộ có lộ giới 11.5m	1,33
12.2	Các trục đường nội bộ có lộ giới 13.5m	1,40
12.3	Ngõ 59. Đường Trường Chinh (trục đường N3) từ hết đất ông Bùi Văn Hương đến Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn	1,30
12.4	Đường 11.5m bao quanh Chợ Đức Xuân	1,30
13	Các tuyến đường trong Khu dân cư Đức Xuân II	
13.1	Trục đường nội bộ có lộ giới 15m	1,75
13.2	Các trục đường nội bộ còn lại	1,67
14	Khu vực còn lại của khu dân cư Sở Giao thông cũ	1,33
15	Đường nội bộ Khu dân cư Đức Xuân III	1,71
16	Khu Đô thị phía Nam thuộc địa phận Phường Đức Xuân	
16.1	Đường Nguyễn Văn Thoát	1,50
16.2	Tuyến Đường Dương Mạc Hiếu	1,50
16.3	Đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 11.5m	1,30

16.4	Các khu vực còn lại không thuộc vị trí nêu trên	1,50
17	Khu dân cư Tô 6 (Dược phẩm cũ)	1,00
18	Đường nội bộ khu dân cư đối diện bến xe	1,30
19	Đường xuống Bảo hiểm thành phố đến Nhà Văn hóa Tô 7A	1,00
20	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	
20.1	Riêng các vị trí thuộc địa phận Tô 11B. Tô 12	1,71
20.2	Tô 4. Tô 9A. Tô 11C	1,00
20.3	Tô 8A. Tô 10A	1,00
20.4	Tô 7A. Tô 5. Tô 6	1,00
20.5	Khu dân cư Tô 1A (đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn)	2,00
20.6	Các khu vực còn lại	1,00
21	Tuyến đường trên mặt công hộp từ Tô 1B. Tô 2 (từ đường đi Ngâm Bắc Kạn đến giáp Công ty Trách nhiệm hữu hạn May Bắc Kạn)	1,76
22	Tuyến đường trên mặt công hộp suối Tô 5. Tô 6	1,00
PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN		
I	Đường Võ Nguyên Giáp (đường Thành Công cũ)	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết đất trụ sở Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn (Sở Tài nguyên - Môi trường)	1,30
2	Từ hết đất trụ sở Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Bắc Kạn (Sở Tài nguyên - Môi trường) đến hết đường Võ Nguyên Giáp (đường Thành Công cũ)	1,30
II	Đường Phùng Chí Kiên	
1	Từ điểm đầu Đường Phùng Chí Kiên đến đường lên Đài Truyền hình	1,10
2	Từ hết đất đường lên Đài Truyền hình đến hết đất Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý và sửa chữa đường bộ 244	1,10
3	Từ hết đất Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý và sửa chữa đường bộ 244 đến ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố	1,10
III	Đường Thái Nguyên	
1	Từ ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố đến đất bà Vũ Thị Hương (thửa 52. tờ 47)	1,20
2	Từ đất bà Vũ Thị Hương (thửa 52. tờ 47) đến hết đất Phường Phùng Chí Kiên	1,20
IV	Đường Trường Chinh	
	Từ ngã tư Đường Nguyễn Văn Thoát đến ngã tư 244	1,40
V	Đường Kon Tum	
	Tiếp từ ngã tư 244 đến tiếp giáp địa phận Phường Đức Xuân	1,10
VI	Đường nội bộ Khu dân cư 244 (khu A + khu B)	1,20
VII	Khu Đô thị phía Nam và Khu tái định cư Đức Xuân thuộc địa phận Phường Phùng Chí Kiên	
1	Đường Nguyễn Văn Thoát	1,50
2	Đường Dương Mạc Hiếu (30A)	1,50
3	Các trục đường nội bộ Khu Đô thị phía Nam có lộ giới 11.5m	1,30
4	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Đức Xuân có lộ giới 11.5m	1,30
5	Các trục đường nội bộ Khu Đô thị phía Nam có lộ giới 16.5m	1,30

6	Các vị trí còn lại tại Khu Đô thị phía Nam (trừ vị trí lô 1 các tuyến đường bao quanh)	1,50
VIII	Đường Cứu quốc	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết quán Dũng Phụng	1,20
2	Từ hết đất quán Dũng Phụng đến hết địa phận Phường Phùng Chí Kiên	3,33
IX	Đường Nguyễn Văn Tố	1,30
X	Các trục đường phụ	
1	Từ đường rẽ Bưu điện đến hết đất ông Hùng Thế Hoàng	1,00
2	Đường lên Nhà khách Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh	1,00
3	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m (đường lên Tỉnh ủy) đến hết đất Phường Phùng Chí Kiên	1,00
4	Đường nhánh Tô 2	
4.1	Cách đường nhánh Bưu điện 20m đến chân kè Lâm Viên	1,00
4.2	Cách đường nhánh Bưu điện 20m đến hết đất ông Nguyễn Đắc Cần	1,00
4.3	Từ hết đất ông Nguyễn Đắc Cần đến hết nhà ông Phạm Văn Hùng	1,00
5	Đường nhánh Tô 3: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp (QL3) 20m đến hết đất khe Bà Nhị	1,00
6	Từ nhà ông Nguyễn Thế Thanh đến hết đất bà Hoàng Thị Xuân	1,00
7	Đường nhánh Tô 5: Từ cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất ông Nguyễn Việt Dũng	
7.1	Từ cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất quán Lá Cọ	1,00
7.2	Từ nhà ông Triệu Quang Bảo đến hết nhà ông Đàm Văn Nghị	1,00
7.3	Từ hết đất ông Đàm Văn Nghị đến hết đất ông Bùi Quốc Vương	1,20
8	Đường nhánh Tô 7	
8.1	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên đến hết khe Thiên thần	1,00
8.2	Từ cách Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất bà Hoàng Thị Sơn (thửa 33. tờ bản đồ số 16)	1,00
8.3	Từ hết đất bà Hoàng Thị Sơn đến hết đất ông Hoàng Xuân Hử	1,00
8.4	Từ cách Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất bà Hà Thị Yến	1,00
9	Đường nhánh Tô 8A	
9.1	Cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến cách lộ giới đường từ ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố đến ngã ba đường lên Tỉnh ủy 20m	1,50
9.2	Cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất ông Hà Văn Bình	1,50
10	Đường nhánh Tô 8B	
10.1	Cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất Nguyễn Văn Tài	1,20
10.2	Từ hết đất Nguyễn Văn Tài đến giáp đất Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy	1,20
10.3	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Tài đến hết đất bà Phạm Thị Dung	1,20
10.4	Từ hết đất bà Phạm Thị Dung đến hết đất ông Hoàng Đình Thuận và ông Nguyễn Thành Nam	1,20
10.5	Từ hết đất bà Hoàng Thị Phương Mai đến hết đất bà Bùi Thị Bích	1,20
10.6	Từ hết đất bà Bùi Thị Bích đến hết đất ông Lâm Ngọc Vĩnh	1,20
10.7	Từ đất ông Nông Văn Dũng đến hết đất bà Nguyễn Thanh Hòa	1,20
10.8	Từ hết đất ông Nông Văn Hương đến giáp đất ông Bùi Quốc	1,20

	Vương và đến giáp đất ông Nguyễn Văn Lực	
11	Đường nhánh Tổ 9	
11.1	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất bà Hoàng Thị Nga (phía sau Chi cục Thú y)	1,20
11.2	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất bà Hạ Thị Sự	1,20
11.3	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất Bảo hiểm xã hội tỉnh	1,20
11.4	Từ hết đất ông Nguyễn Huy Hồng đến đất ông Triệu Huy Thực	1,20
11.5	Từ hết đất ông Triệu Huy Thực đến hết đất ông Nguyễn Đức Ngọc	1,20
11.6	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất ông Mai Đồng Khanh	1,20
11.7	Từ hết đất ông Mai Đồng Khanh đến hết đất ông Đoàn Văn Tư	1,20
11.8	Từ nhà bà Ma Thị Thanh Huyền đến hết đất ông Nguyễn Hữu Trúc	1,20
11.9	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến giáp đất Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh	1,20
11.10	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Lợi	1,20
11.11	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến hết Nguyễn Văn Huỳnh	1,20
12	Đường nhánh Tổ 10	
12.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Ba (vào sau Hạt Kiểm lâm thành phố)	1,20
12.2	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Ba đến hết đất bà Âu Thị Hồng Thắm	1,20
12.3	Từ hết đất ông Nguyễn Hoàng Cương đến hết đất bà Trịnh Thị Thủy	1,20
12.4	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Cường	1,20
12.5	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Cường đến hết đất bà Nguyễn Thị Thanh	1,20
12.6	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Cường đến hết đất bà Lê Thị Hà	1,20
12.7	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Ma Doãn Hoàng	1,20
12.8	Từ hết đất ông Ma Doãn Hoàng đến giáp đất Trung tâm Huấn luyện Công an tỉnh	1,20
12.9	Từ hết đất ông Lưu Quý Ánh đến hết đất ông Lục Thanh Huân	1,20
12.1	Từ hết đất bà Trịnh Thị Yên đến hết đất ông Nguyễn Quang Trung	1,20
12.1	Từ hết đất ông Phạm Văn Phúc đến hết đất ông Chu Văn Sơn	1,20
12.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất bà Bùi Thị Thắm	1,20
12.1	Từ đất ông Ma Minh Sơn đến đất Trạm phát sóng Viễn thông Bắc Kạn	1,20
13	Đường nhánh Tổ 11 (khe Ngoại vụ)	
13.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên (QL3) 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Trường	1,20

13.2	Từ đất ông Nguyễn Văn Hữu đến hết đất ông Nguyễn Văn Nam	1,20
13.3	Từ giáp đất ông Nguyễn Văn Trường đến hết địa phận phường Phùng Chí Kiên	1,20
13.4	Từ hết đất bà Nguyễn Thị Đào đến hết đất ông Lê Như Vương	1,20
14	Đường nhánh Tô 12	
14.1	Từ đất bà Phan Thị Hằng đến hết đất ông Phạm Xuân Thường và hết đất bà Trần Thị Liên	1,20
14.2	Từ đất ông Phạm Văn Đông đến hết đất ông Đỗ Thanh Giang	1,20
14.3	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Sánh	1,20
14.4	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Sánh đến hết đất ông Phạm Văn Diệt	1,20
14.5	Từ hết đất ông Bùi Việt Chung đến giáp địa phận xã Nông Thượng	1,20
14.6	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Sánh đến hết đất ông Bế Ngọc Phúc	1,20
14.7	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất bà Nguyễn Thị Nghĩa	1,20
14.8	Từ đất ông Nông Văn Huân đến hết đất ông Hà Như Hợi	1,20
14.9	Các đường nhánh trong khu đất của ông Phạm Quyết Thắng, ông Nguyễn Văn Minh Đắc, bà Lê Thị Cậy (cũ)	1,20
14.1	Từ đất bà Nguyễn Thị Yên đến hết bà Vũ Thị Kim Oanh	1,20
14.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Thành	1,20
15	Đường dọc hai bên suối Tô 8A, Tô 8B, Tô 9	1,20
16	Các khu vực còn lại	1,50
PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI		
I	Trục đường chính	
1	Từ Cầu sắt Bắc Kạn đến ngã ba Lương thực (cũ)	1,67
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	
2.1	Đường từ ngã ba Lương thực (cũ) đến Cầu Bắc Kạn	1,30
2.2	Từ ngã ba Lương thực (cũ) đến cầu Pá Danh	1,30
2.3	Đoạn từ cầu Pá Danh đến giáp ngã ba giáp đường Chiến thắng Phù Thông	1,30
3	Đường Chiến thắng Phù Thông	
3.1	Đoạn từ ngã ba đường Chiến thắng Phù Thông đến công phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh	1,50
3.2	Từ công phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh đến hết đất địa phận phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
4	Đường Hoàng Văn Thụ	
4.1	Đoạn từ ngã ba Nam Cao đến hết địa phận phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,20
4.2	Đoạn từ cầu Huyền Tung đến hết địa phận phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,83
II	Các trục đường nhánh	
1	Khu dân cư Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh lô 1	1,40
2	Khu dân cư Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh lô 2	1,30
3	Đoạn sau nhà ông Chu Minh Lê Tô 11 đến hết đất phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
4	Đoạn từ nhà ông Hoàng Thanh Sơn (cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m) đến hết đất phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00

	Khai	
5	Đoạn cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m từ ngõ nhà ông Nguyễn Quốc Bích đến hết đất bà Nguyễn Thị Ái Vân	1,00
6	Từ cách lộ giới đường QL3 20m đi dọc theo đường thoát úng của Bệnh viện Đa khoa cũ đến Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,33
7	Từ đất ông Nguyễn Gia Trường đến hết đất ông Hà Phúc Trọng	1,00
8	Từ đất bà Nguyễn Thị Ái Vân đến giáp đất ông Vũ Khánh Toàn	1,25
9	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến Ủy ban nhân dân phường + Khu dân cư Tổ 9	1,00
10	Đường vào Trạm Y tế phường Nguyễn Thị Minh Khai cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến khu dân cư Tổ 17	1,00
11	Đường nội bộ khu dân cư Bắc Sơn bay Tổ 17 có lộ giới 11.5m	1,00
12	Đường nội bộ khu dân cư Bắc Sơn bay Tổ 17 có lộ giới 6.0m	1,00
13	Các vị trí còn lại của Tổ 4. Tổ 5	1,00
14	Buu điện phường Nguyễn Thị Minh Khai đi Nà Pèn	
14.1	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Hà Văn Đức	2,50
14.2	Từ giáp nhà ông Hà Văn Đức đến hết địa phận phường Nguyễn Thị Minh Khai	2,50
15	Từ Công an thành phố (cũ) đến hết đất ông Hoàng Hữu Hùng	1,00
16	Từ hết đất ông Hoàng Hữu Hùng đến hết địa phận Tổ 17. phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
17	Các vị trí còn lại của Tổ 15. 16. 17	1,00
18	Từ Công an thành phố (cũ) đến giáp đất ông Đặng Văn Toàn. Tổ 15	1,00
19	Đường trong khu dân cư Nà Cốc	1,00
20	Khu vực Tổ 2 cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Ngôn Văn Giai	1,00
21	Đường rẽ vào Tăng thiết giáp Tổ 14 (cách đường Chiến thắng Phù Thông là 20m)	1,00
22	Từ đất bà Đoàn Hồng Nhung đến Ngâm Bắc Kạn	1,00
23	Các vị trí còn lại của Tổ 7. 8. 9	1,00
-	Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Ái Vân đến cách lộ giới đường Tây Minh Khai 20m (Khu vực tổ 7)	2,14
-	Từ hết đất ông Hà Văn Chính đến hết địa bàn phường Nguyễn Thị Minh Khai (Khu vực tổ 7)	2,14
24	Đoạn đường Tổ 6 cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Nông Ngọc Tân	1,00
25	Khu vực còn lại Tổ 6	1,00
26	Các vị trí còn lại của Tổ: 11. 12. 13. 14	1,00
27	Đoạn từ nhà ông Triệu Văn Võ đến công phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh	1,00
28	Đoạn đường vào khu dân cư sau Nhà Văn hóa Tổ 10	1,00
29	Đoạn từ sau nhà ông Trần Văn Dần đến Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
30	Đoạn đường từ sau nhà ông Bùi Văn Cường đến công Trường Trường Tiểu học Minh Khai	1,00
31	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	

31.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	1,72
31.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m	1,76
32	Các khu vực còn lại	1,00
PHƯỜNG SÔNG CẦU		
I	Đường Võ Nguyên Giáp	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến ngã tư Đường Hùng Vương	1,30
2	Ngã tư Đường Hùng Vương đến Cầu Bắc Kạn	1,30
II	Đường Hùng Vương	1,30
III	Đường Đội Kỳ	
1	Từ ngã tư đường Hùng Vương đến hết nhà bà Nguyễn Thị Loan	1,20
2	Từ đất ông Bùi Đình Nam đến ngã tư phố Quang Sơn	1,20
3	Từ ngã tư phố Quang Sơn đến gặp Đường Bàn Văn Hoan	1,20
IV	Đường Thanh niên	
1	Đoạn từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến giáp suối Nông Thượng	1,50
2	Từ suối Nông Thượng đến hết đất Tinh đoàn	1,50
3	Từ tiếp đất Tinh đoàn đến hết đường Thanh niên	1,50
V	Đường Hoàng Trường Minh	
1	Đoạn từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết đất bà Phạm Thị Thái	1,20
2	Từ hết đất bà Phạm Thị Thái đến giáp đất bà Đinh Thị Loan	1,67
3	Từ đất bà Đinh Thị Loan đến Cầu Đen	1,10
VI	Đường Nông Quốc Chấn	
1	Từ Cầu Đen đến hết đất Cửa hàng Xăng dầu số 91	1,25
2	Từ hết đất Cửa hàng Xăng dầu số 91 đến hết đất bà Đỗ Thị Thanh	1,33
3	Từ giáp đất bà Đỗ Thị Thanh đến đất ông Nguyễn Hồng Thái	2,00
4	Từ đất ông Nguyễn Hồng Thái đến giáp đất ông Vũ Đức Cảnh	1,29
5	Từ đất ông Vũ Đức Cảnh đến hết đất ông Vũ Văn Vinh	2,00
6	Từ giáp đất ông Vũ Văn Vinh đến hết đất phường Sông Cầu	2,00
VII	Đường Nguyễn Văn Tố	1,30
VIII	Các trục đường phụ	
1	Đoạn từ Đường Hoàng Trường Minh đến cuối đường Thanh niên	
1.1	Từ ngã ba Đường Hoàng Trường Minh đến Trường Trung học cơ sở Bắc Kạn	1,20
1.2	Từ giáp Trường Trung học cơ sở Bắc Kạn đến cuối đường Thanh niên	1,20
2	Đường vào Trường Quân sự	
2.1	Từ ngã ba đường Thanh niên đến cầu Dương Quang	1,20
2.2	Từ cầu Dương Quang đến hết đất ông Nguyễn Duy Khánh	1,20
2.3	Từ giáp đất ông Nguyễn Duy Khánh đến hết địa phận phường Sông Cầu	1,20
3	Đường Bàn Văn Hoan	1,50
4	Tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Quang Sơn	1,50
5	Đường Đội Kỳ cũ	
5.1	Đoạn từ công sau Chợ Bắc Kạn đến Cầu Đội Kỳ	1,00
5.2	Từ Cầu Đội Kỳ đến gặp Đường Đội Kỳ	1,00
6	Đường từ ngã ba giao Đường Hùng Vương với Đường Đội Kỳ ra	1,00

	đường Thanh niên	
7	Từ giáp đất Tinh đoàn đến đất bà Trần Thị Duyên giáp đất lô 1 Đường Đội Kỳ	1,00
8	Đường vào nhà bà Hoàng Thị Duyên (đoạn cách lộ giới Đường Nông Quốc Chấn là 20m đến ao trường Nội trú)	1,00
9	Đường vào trường Nội trú: Tính từ giáp đất ông Hoàng Văn Trung đến hết đất bà Hà Thị Nha	1,00
10	Đường đi Nông Thượng cũ: Từ suối Nông Thượng (khu Trại giam cũ đến điểm gặp đường Nguyễn Văn Tố)	1,00
11	Đoạn từ công sau Chợ Bắc Kạn, từ nhà ông Vũ Đình Viên đến giáp đất ông Vũ Văn Luân	1,00
12	Đoạn từ nhà bà Tống Thị Yên đến nhà ông Mừng Ngọc Tài	1,00
13	Đoạn từ nhà bà Sâm Thị Hương đến nhà bà Vũ Thị Mận	1,00
14	Đoạn từ nhà bà Tráng Thị Sỏi đến hết Nhà Văn hóa Tổ 2	1,00
15	Đoạn từ nhà ông Tống Anh Sơn đến suối Nông Thượng	1,00
16	Từ hết đất ông Đào Xuân Lệ đến đất bà Nguyễn Thị Đào	1,00
17	Đường từ ngã ba đường lên Tinh ủy đến Đường Nguyễn Văn Tố hết đất phường Sông Cầu	1,00
18	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến đường từ ngã ba đường lên Tinh ủy (đoạn quán Sáu dê)	1,00
19	Khu dân cư Tổ 13	
19.1	Trục đường chính (từ hết đất bà Tráng Thị Sỏi đến hết trục đường)	1,00
19.2	Các trục đường nhánh	1,00
IX	Các khu vực còn lại	
1	Khu vực còn lại của Tổ 1. Tổ 2. Tổ 3. Tổ 4. Tổ 5. Tổ 6. Tổ 7. Tổ 8. Tổ 9	1,00
-	Đường từ đường Võ Nguyên Giáp đi đường Thanh Niên	4,67
2	Khu vực còn lại của Tổ 12	1,00
3	Khu vực còn lại của Tổ 11A. 11B. 11C. Tổ 13	1,00
4	Khu vực còn lại của Tổ 10. Tổ 14. Tổ 15. Tổ 16. Tổ 17	1,00
5	Các khu vực còn lại Tổ 18. 19	1,00
	PHƯỜNG XUẤT HÓA	
I	Đọc đường Thái Nguyên (QL3)	
1	Từ giáp đất Nông Thượng đến hết đất bà Đặng Thị Tiên	1,20
2	Từ giáp đất bà Đặng Thị Tiên đến cầu Nà Kiệng	1,20
3	Từ cầu Nà Kiệng đến cầu Xuất Hóa	1,20
4	Từ cầu Xuất Hóa đến cầu Suối Viên	1,20
5	Từ cầu Suối Viên đến hết đất Xuất Hóa	1,20
6	Từ giáp cầu Xuất Hóa đến hết đất Xuất Hóa (đường đi Na Rì - QL3B)	2,00
7	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào Trường Tiểu học đến đầu đập tràn	1,20
II	Các tuyến đường nhánh	
1	Đường đi Tân Cư	
1.1	Cách lộ giới (QL3) 20m đi vào đường Tân Cư đến hết đất bà Hoàng Thị Du	1,00
1.2	Từ giáp đất bà Hoàng Thị Du đến ngã ba trường học cũ	1,00
2	Đường Tân Cư đi Khuổi Pái	

2.1	Từ ngã ba trường học cũ đi Khuổi Pái - phường Huyền Tung	1,00
2.2	Từ ngã ba trường học cũ đến nhà bà Nguyễn Thị Dịu	1,00
3	Khu vực bên kia suối của Tô 1	1,00
4	Khu vực bên kia suối từ nhà ông Nguyễn Trọng Cảnh đến hết đất ông Hoàng Văn Đường	1,00
5	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào Kho K15 dọc hai bên đường đến cầu nhà ông Hà Quang Khải	1,00
6	Từ cầu nhà ông Hà Quang Khải đến nhà bà Nguyễn Thị Dịu	1,00
7	Tuyến đường từ cổng Làng Thanh niên văn hóa (Tổ 4) đến hết đất khu Đôn Hin	1,00
8	Tuyến đường từ cổng Làng Thanh niên văn hóa (Tổ 4) đến hết đất ông Lương Văn Cập	1,00
9	Khu vực còn lại của Tổ 4	1,00
10	Từ nhà ông Hà Hữu Tung (Tổ 4) đến cầu ngầm Bản Pjạt	
10.1	Khu vực từ nhà ông Hà Hữu Tung (Tổ 4) đến cầu nhà ông Đinh Văn Mạn. (Tổ 4) và khu nhà bà Triệu Thị Quyên	1,00
10.2	Từ cầu nhà ông Đinh Văn Mạn. (Tổ 4) đến cổng Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa	1,00
10.3	Từ cổng Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa đến cầu ngầm Bản Pjạt	1,00
10.4	Khu vực từ nhà ông Hà Đức Hòe sau Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa đến nhà ông Triệu Văn Quyên	1,00
11	Tuyến đường Nà Bán - Bản Rao	
11.1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến cầu Nà Bán	1,00
11.2	Từ cầu Nà Bán đến hết đất ông Hứa Văn Hội	1,00
11.3	Từ hết đất ông Hứa Văn Hội đến hết tổ Bản Rao	1,00
11.4	Từ hết đất ông Nông Văn Quý đi đến thôn Khuổi Trang (Nông Thượng)	1,00
11.5	Từ cầu Nà Bán đến đất bà Lê Thị Thiên	1,00
12	Khu vực Nà Pén sau lô 1 Tổ 6	1,00
13	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào đến nhà ông Hoàng Văn Sơn Tổ 6	1,00
14	Tuyến đường đi Tân Sơn từ cách lộ giới (QL3B) 20m đến hết đất Xuất Hóa	1,00
15	Tuyến đường Khau Gia	
15.1	Từ cách lộ giới (QL3) 20m đến cầu Lùng Hoàn	1,00
15.2	Từ cầu Lùng Hoàn đến đất ông Nông Văn Lô (Tổ 5)	1,00
16	Các khu vực còn lại	1,00
	PHƯỜNG HUYỀN TUNG	
1	Đường Chiến thắng Phù Thông	
1.1	Đoạn giáp ranh với phường Nguyễn Thị Minh Khai đến Km160	1,50
1.2	Đoạn từ Km160 lên đến ngã ba tổ Khuổi Lặng	1,50
1.3	Từ ngã ba tổ Khuổi Lặng đến hết đất thành phố	1,67
2	Đường Hoàng Văn Thụ (địa phận phường Huyền Tung)	1,83
3	Tuyến đường đi Phiêng My	
3.1	Tuyến đường đi Chí Lèn (Từ trụ sở Ủy ban nhân dân phường Huyền Tung cũ đến hết đất ông Hà Chí Hoàng)	1,00
3.2	Từ hết đất ông Hà Chí Hoàng đến hết đất tổ Bản Cẩu	1,00

3.3	Từ hết đất tổ Bàn Cẩu đến hết đất tổ Chí Lèn	1,00
3.4	Từ hết đất tổ Chí Lèn đến hết đất tổ Phiêng My	2,00
3.5	Các vị trí còn lại tổ Bàn Cẩu	1,00
3.6	Các vị trí còn lại tổ Chí Lèn	1,00
3.7	Các vị trí còn lại tổ Phiêng My	1,00
4	Tổ Nhà Pam	1,00
5	Tổ Khuổi Hèo	1,00
6	Tuyến đường đi Mỹ Thanh	
6.1	Từ giáp phường Đức Xuân đến hết tổ Bàn Vèn	4,00
6.2	Các khu vực còn lại tổ Bàn Vèn ngoài (cũ)	1,50
6.3	Từ hết đất tổ Bàn Vèn đến hết đất tổ Tổng Nèng	3,00
6.4	Các vị trí còn lại của tổ Tổng Nèng	1,25
6.5	Từ hết đất tổ Tổng Nèng đến hết địa giới phường Huyền Tung	1,50
6.6	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Pái	1,50
7	Các khu vực còn lại của tổ Bàn Vèn trong (cũ)	1,00
8	Tổ Pá Danh	
8.1	Từ nhà ông La Văn Tiến đến hết đất bà Hà Thị Phúc	1,00
8.2	Các khu vực còn lại của tổ Pá Danh	1,00
8.3	Khu vực Phiêng Vinh (thuộc tổ Pá Danh)	1,00
9	Tổ Xây Dựng	1,00
10	Tổ Nhà Pèn	
10.1	Đường Nhà Pèn - Pá Danh	1,00
10.2	Đoạn từ Nhà Văn hóa tổ Nhà Pèn đến giáp khu tái định cư Khuổi Kén	1,00
10.3	Khu tái định cư Khuổi Kén	1,25
10.4	Các vị trí còn lại	1,00
11	Tổ Đon Tuấn - Khuổi Dùm	
11.1	Từ giáp đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai đến hết đất ông Cao Việt Thắng	1,00
11.2	Các vị trí còn lại tổ Đon Tuấn – Khuổi Dùm	1,00
12	Tổ Lâm trường	
12.1	Từ sau lộ giới QL3 20m đến hết đất ông Nông Văn Thị	1,00
12.2	Các vị trí còn lại của tổ Lâm Trường	1,00
13	Tổ Giao Lâm	1,00
14	Tổ Nhà Pài, tổ Khuổi Lặng	1,00
15	Tổ Khuổi Mật	
15.1	Đường đi tổ Khuổi Mật (đoạn từ cách lộ giới Đường Hoàng Văn Thụ là 20m đến hết đất bà Lý Thị Cói)	1,00
15.2	Từ nhà ông Đặng Văn Thành đến nhà ông Nguyễn Hữu Nga	1,00
15.3	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Mật	1,00
16	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Thuôm	1,00
17	Các khu vực còn lại chưa nêu ở trên	1,25
HUYỆN CHỢ MỚI		
I	Đường phố loại 1	
1	Trục đường QL3 từ Cầu Ô gà đến hết địa phận thị trấn Đồng Tâm	4,00
2	Tuyến đường QL3 mới Thái Nguyên - Chợ Mới: Từ hết địa giới hành chính xã Quảng Chu đến giáp đất xã Thanh Thịnh (Đường	1,70

	Thái nguyên Chợ Mới)	
II	Đường phố loại 2	
1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Phan Bá Thuận (đầu đường QH32m đến cuối đường QH32m)	1,70
2	Từ công Trung tâm Dạy nghề huyện đi qua chợ đến Cửa hàng Vật tư nông nghiệp (cách đường QH32m là 20m)	1,70
3	Từ giáp đất nhà ông Hoàng Đình Hoàn đến đường QH32m (cách lộ giới 20m) (Từ giáp trường THCS Đồng Tâm đến đường QH 32) (cũ)	1,50
4	Đường nhánh Tô 3 từ giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Lành đến hết đất nhà bà Bùi Thị Lộc	1,50
5	Đoạn từ công Ủy ban nhân dân cách lộ giới QL3 20m (Bảo hiểm cũ) đến giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Chút	1,50
6	Đoạn từ giáp đất nhà bà Tống Thị Liên đến lộ giới đường QH32m (đường nội thị Tô 1) (cũ)	1,50
7	Đường nội thị Tô 6	1,50
8	Đường thị trấn Đồng tâm - Bình Văn	
8.1	Từ ngã ba cách lộ giới QL3 là 20m. từ Chi nhánh điện đến cầu Yên Đĩnh	1,50
8.2	Từ cầu Yên Đĩnh đến hết đất thị trấn Đồng tâm	1,50
9	Từ cách lộ giới QL3 là 20m (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đến công Bệnh viện	1,50
10	Đường dân sinh có chiều rộng mặt đường từ 02m trở lên (tại khu quy hoạch xã Yên Đĩnh cũ)	1,50
11	Từ lộ giới QL3 là 20m (từ nhà ông Vũ Minh Phú) đến đường cầu Yên Đĩnh	3,50
12	Từ cách lộ giới QL3 là 20m từ nhà ông Phạm Văn Tý đến công sau Bệnh viện	1,50
III	Các vị trí khác	
1	Đường nhánh đi Ba Luồng (cách lộ giới QL3 là 20m) đến hết đất thị trấn Đồng Tâm	1,50
2	Đoạn từ cách lộ giới đường QH32m là 20m đến Sông Chu (đường nội thị Tô 2)	1,70
3	Đường vào Trạm Y tế thị trấn (Trạm y tế cũ)	1,70
4	Từ hết đất nhà bà Bùi Thị Lộc đến hết đất nhà bà Phạm Thị Nguyên	1,50
5	Đường nhánh Tô 5 đoạn từ giáp đất nhà ông Mã Ngọc Khanh đến hết đất nhà ông Nguyễn Đình Phú (cũ)	1,50
6	Đoạn từ giáp đất nhà ông Tạ Duy Cường đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Biên	1,50
7	Đường nhánh Tô 7 từ giáp đất Công an huyện (cũ) đến hết đất nhà ông Nguyễn Ngọc Chân (bờ Sông Chu)	1,50
8	Đoạn đường nhánh từ Tòa án đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Trung	1,50
9	Đoạn đường nhánh Tô 4 từ giáp đất nhà ông Đinh Khắc Tiến đến hết đất ông Vũ Đình Nghĩa (Sông Chu)	1,50
10	Đường liên xã thị trấn Đồng Tâm đi Quảng Chu	1,50
11	Các vị trí đất khác chưa nêu ở trên	1,50

12	Các vị trí đất khác trong khu quy hoạch xã Yên Định cũ	1,50
HUYỆN CHỢ ĐỒN		
I	Tuyến đi Ba Bể (đọc hai bên đường)	
1	Từ ngã ba Kiểm lâm, nhà ông Phạm Văn Dịu, nhà ông Lê Quang Thiết đến Khách sạn Đức Mạnh	1,50
2	Từ Khách sạn Đức Mạnh đến hết nhà ông Luân Sỹ Thi	1,50
3	Từ tiếp đất nhà ông Luân Sỹ Thi đến công tiêu Cây xăng Tô 9	1,50
4	Từ Cây xăng Tô 9 đến công tràn Tô 10	1,20
5	Từ sau công tràn Tô 10 đến hết đất thị trấn	1,20
II	Tuyến đi Bắc Kạn (đọc hai bên đường)	
1	Từ ngã ba Kiểm lâm tiếp nhà ông Lê Quang Thiết đến hết đất ông Nguyễn Quốc Tuấn (karaoke Đức Mạnh)	1,50
2	Từ nhà ông Nguyễn Quốc Tuấn (karaoke Đức Mạnh) đến hết đình đèo Kéo Càng (Trạm Cấp nước)	1,20
3	Từ đình đèo Kéo Càng đến hết đất thị trấn	1,20
4	Từ Bưu điện đến hết đất nhà ông Phan Ngọc Tuấn (ngã ba Bệnh viện)	1,50
III	Tuyến đi Định Hóa	
1	Từ ngã ba Kiểm lâm, ranh giới nhà ông Phạm Văn Dịu đến hết nhà ông Hoàng Văn Lương	1,50
2	Từ tiếp đất nhà ông Hoàng Văn Lương đến hết đất ở nhà ông Nông Văn Nguyên	1,20
3	Từ tiếp đất nhà ông Nông Văn Nguyên đến hết đất thị trấn	1,20
IV	Các đường phụ (đọc hai bên đường)	
1	Từ đất nhà Dũng Cúc đến hết đường trục chính vào khu dân cư lương thực cũ	1,20
2	Các tuyến đường trong khu dân cư tự xây (Xưởng nông vụ và Khu lương thực cũ)	1,20
3	Từ nhà bà Thập Đoạt đến hết nhà ông Đỗ Đức Quảng	1,20
4	Từ tiếp đất nhà Hiền Cung đến mỏ nước	1,20
5	Từ đất nhà bà Lục Thị Toán đến hết đất nhà ông La Văn Siu	1,20
6	Từ đất nhà Hiền Cung đến hết đất nhà ông Bằng Văn So	1,50
7	Tiếp đất nhà ông Bằng Văn So đến hết đất nhà bà Đàm Thị Sơn	1,20
8	Tiếp đất bà Đàm Thị Sơn đến hết đất thị trấn	1,50
9	Từ hết đất Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Chợ Đồn đến đất Trường Mầm non thị trấn	1,20
10	Từ ngã ba Ban Quản lý dự án huyện đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Khâm, sau nhà ông Nguyễn Đức Thiêm	1,20
11	Từ tiếp giáp ngã ba Ban Quản lý dự án huyện đến hết đất nhà ông Lý Văn Hắt	1,20
12	Đoạn đường rẽ vào Trường Tiểu học thị trấn đến hết nhà ông Nông Quốc Thái	1,20
13	Từ ngã ba tiếp đất nhà ông Nông Quốc Thái đến Trường Hoàng Văn Thụ	1,20
14	Đường từ ngã ba Phòng Giáo dục đến nhà Tùng Vàng	1,20
15	Từ đất nhà Tùng Vàng đến công Trường Mầm non thị trấn	1,20
16	Đường phía sau chợ Bằng Lũng từ nhà ông Vũ Ngọc Khánh (tổ 2A) đến hết đất nhà ông Mạch Văn Dũng (Tổ 11A)	1,30

17	Đường phía Nam chợ Bằng Lũng (Tổ 11B) từ nhà ông Nguyễn Tiên Vùng đến hết đất nhà ông Bùi Văn Chúc	1,30
18	Các đường dân sinh có mặt đường lớn hơn hoặc bằng 02m	1,20
19	Các đường dân sinh có mặt đường nhỏ hơn 02m	1,10
20	Từ ngã ba Vật tư cách lộ giới ĐT254 20m đến Trường Dạy nghề và các tuyến nhánh trong khu dân cư Nông Cụ	1,20
21	Từ ngã ba Kẹm Trinh đến hết đất nhà ông Phùng Văn Hương, thôn Bản Duồng II	1,20
22	Tiếp đất nhà ông Phùng Văn Hương đến hết đất thị trấn	1,10
V	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	1,20
HUYỆN NA RÍ		
I	Trục đường từ xã Cường Lợi đi xã Sơn Thành	
1	Từ đất nhà ông Triệu Văn Hoan đến đầu cầu Hát Deng phía Bắc (tuyến chính)	1,00
2	Từ giáp đất ông Triệu Văn Hoan đến ngã ba đường đi Văn Vũ	1,00
3	Từ nhà ông Sinh đến đường vào nhà khách (tuyến nhánh)	1,00
4	Từ đầu cầu Hát Deng phía Nam đến đầu Cầu Tranh phía Bắc	1,00
5	Từ Cầu Tranh phía Nam đến đường rẽ vào nhà ông Chính (Nguyên)	1,00
6	Từ giáp đường rẽ vào nhà ông Chính (Nguyên) đến hết đất nhà ông Sơn	1,00
7	Từ giáp đất nhà ông Sơn đến hết đất nhà ông Quang (Thu)	1,00
8	Từ giáp đất nhà ông Quang (Thu) đến hết tường rào xây nhà ông Việt	1,00
9	Từ tường rào xây nhà ông Việt đến hết đất thị trấn Yên Lạc	1,00
II	Các trục đường phố cổ	
1	Từ đất nhà bà Vui (ngõ ngã ba Huyện ủy) đến hết đất nhà ông Hoan Hường	1,00
2	Từ nhà bà Phây qua ngã ba đến công Trường Nội trú	1,00
3	Từ ngã tư phố cổ đến đầu cầu cứng Tà Pìn	1,00
4	Từ tuyến chính đường nội thị đến công xây nhà bà An	1,00
5	Từ công xây nhà bà An đến hết đất thị trấn (giáp Kim Lư)	1,00
6	Từ cầu cứng Tà Pìn đến đường rẽ đi động Nàng Tiên	1,00
7	Từ tuyến nhánh đường nội thị đến công Nhà Khách huyện	1,00
8	Từ tuyến chính nội thị đến hết đất khu dân cư phía Bắc cầu Hát Deng	1,00
9	Đoạn đường rẽ sau Bến xe khách	1,00
III	Trục đường vành đai	
1	Ngã tư đường nội thị đi qua đất Chi nhánh Điện đến giáp khu dân cư chợ cũ	1,00
2	Từ ngã ba đường nội thị qua sau Chi cục Thuế cũ đến ngã ba đường đi ngầm	1,00
3	Từ ngã tư đường nội thị qua sau Huyện đội đến công ngã ba nhà ông Linh	1,00
4	Từ công ngã ba nhà ông Linh đến hết đất Nhà Họp tổ nhân dân Pàn Châu	1,00
5	Từ giáp đất Nhà Họp tổ nhân dân Pàn Châu đến hết đất thị trấn Yên Lạc	1,00
6	Từ ngã ba nhà ông Linh đến ngã ba đường rẽ Ủy ban nhân dân	1,00

	huyện	
7	Từ công Ủy ban nhân dân huyện ra đường nội thị	1,00
8	Từ đường nội thị (nhà ông Hiệp Bang) đến công Trường Tiểu học Yên Lạc	1,00
9	Từ công Trường Tiểu học Yên Lạc qua Trạm Lâm nghiệp đến chân cầu Hát Deng	1,00
10	Từ đường nội thị vào Bàn Pò đến hết đất nhà ông Tuyền (ngã ba đường)	1,00
11	Từ hết đất nhà ông Tuyền (ngã ba đường) đến hết đất nhà bà Hồng	1,00
12	Từ đường nội thị đến nhà ông Đài Bằng (đường đi Thôm Pục)	1,00
13	Đường tránh QL3B đoạn qua thị trấn Yên Lạc (phía Bắc) (Đường tránh QL3B đoạn qua thị trấn Yên Lạc (phía Nam))	1,00
14	Đường tránh QL3B giáp đất Kim Lư đến hết đất nhà ông Lạc	1,00
15	Đường tránh QL3B từ đất nhà ông Lạc đến hết đất thị trấn	3,20
IV	Giá đất khu dân cư chợ cũ Yên Lạc	
1	Từ lô số 10 đến lô số 19. lô số 30 đến lô số 37. lô số 72 đến lô số 79. lô số 90 đến lô số 94. lô số 100 đến lô số 108	1,00
2	Từ lô số 20 đến lô số 29. lô số 80 đến lô số 89. lô số 109 đến lô số 113	1,00
3	Từ lô số 48 đến lô số 55. lô số 65 đến lô số 71. lô số 119 đến lô số 131	1,00
4	Từ lô số 05 đến lô số 09. lô số 38 đến lô số 47. lô số 56 đến lô số 64. lô số 95 đến lô số 99. lô số 114 đến lô số 118	1,00
5	Từ lô số 01 đến lô số 04	1,00
6	Từ lô số 132 đến lô số 145. và các lô số 57a. 59a. 60a	1,00
V	Các khu vực còn lại	
1	Từ giáp đất nhà bà Học Thu đến hết đất bà Lương Thị Thù	1,00
2	Ngã ba Khưa Slen đến Sân Vận động Pò Đồn	1,00
3	Từ ngã ba ông Lú đến cầu treo ông Thành (Nà Hin) và Trường Mầm non	1,00
4	Ngã ba Ủy ban nhân dân thị trấn đến Sân Vận động Pò Đồn	1,00
5	Ngã ba ông Trung đến hết đất nhà ông Trường (Đồn Tầm)	1,00
6	Đường vào động Nàng Tiên	
6.1	Ngã ba đường đi Pác Muồng đến hết đất nhà ông Mã Thiêm Quyến	1,00
6.2	Từ giáp đất nhà ông Mã Thiêm Quyến đến sân Động Nàng Tiên	1,00
7	Đường Kim Lư - Sơn Thành	
7.1	Từ ngã ba đi Động Nàng Tiên đến cầu cứng Pác Muồng	1,00
7.2	Từ cầu cứng Pác Muồng đến hết đất nhà ông Triệu Tiến Thanh	1,00
8	Từ nhà ông Lương Thanh Luyện đến Trường Trung học cơ sở	1,00
9	Từ nhà ông Lý Văn Thanh và Nà Păng đến nhà bà Hoàng Thị Chí thôn Nà Lặng	1,00
10	Các trục đường chưa nêu ở trên có mặt đường > 03m (thuộc địa phận thị trấn Yên Lạc cũ)	1,00
11	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên (thuộc địa phận thị trấn Yên Lạc cũ)	1,00
12	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên (thuộc địa phận thị xã Lương Hạ cũ)	1,00
-	Từ ngã ba ông Lú đến công Trạm cấp nước sinh hoạt	1,50

HUYỆN BẠCH THÔNG		
I	Trục đường QL3	
1	Từ công Nà Hái (giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông) về phía Bắc đến hết Khu dân cư Khuổi Nim	1,10
2	Từ tiếp giáp đất khu dân cư Khuổi Nim đến cầu Nà Món (bám dọc QL3)	1,10
3	Từ cầu Nà Món đến Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1 (bám dọc QL3)	1,10
4	Đoạn tiếp giáp Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1 đến Nhà Bia tưởng niệm Đèo Giàng (bám dọc QL3)	1,10
5	Từ công Nà Hái QL3 đoạn từ Điện lực Phù Thông vào đến hết Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông (trừ đất của các hộ bám trục mặt đường QL3)	1,10
6	Bám trục đường QL3 đoạn đường từ nhà bà Nguyễn Thị Loan lên đến Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông (trừ đất của các hộ bám trục mặt đường QL3)	1,10
7	Bám trục đường QL3 đoạn đường từ Cửa hàng Xăng dầu - số 32 Phù Thông lên đến hết đất Trường Mầm non Phương Thông (trừ các hộ bám trục mặt đường QL3)	1,10
8	Từ công Nà Hái (giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông) về phía Nam đến hết đất thị trấn Phù Thông (Km173-QL3)	1,10
9	Từ cách lộ giới QL3 đường lên đến công Trường Trung học cơ sở Phù Thông đến hết nhà hòm thôn Khuổi Chàm cũ	1,00
II	Trục đường tỉnh lộ 258	
1	Từ ranh giới nhà ông Bùi Ngọc Dương và nhà ông Sái Văn Cường đến Cầu Đeng	1,10
2	Đường lên Trường Trung học phổ thông Phù Thông cách lộ giới đường 258 là 20m đến công Trường Trung học phổ thông Phù Thông	1,10
3	Đoạn từ nhà ông Hoàng Á Lợi và Bùi Ngọc Thông đến giáp suối Tà Giàng	1,00
III	Đất các khu vực khác trong địa bàn thị trấn Phù Thông (cũ)	1,00
IV	Đất các khu vực khác trong địa bàn xã Phương Linh (cũ)	4,00
HUYỆN BA BÈ		
I	Các trục đường chính (dọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ vào Lâm trường đến hết đất nhà ông Dương Văn Năm Tiêu khu 3	2,00
2	Tiếp đất nhà ông Dương Văn Năm đến hết đất thị trấn	2,00
3	Từ ngã ba Cầu Toòng đi cầu treo Cốc Phát đến hết đất nhà ông Mông Văn Thiện	2,00
4	Tiếp hết đất nhà ông Mông Văn Thiện đến hết đất thị trấn	2,00
5	Từ đường rẽ vào Lâm trường Ba Bè đến công cạnh nhà ông Dương Văn Duy TK4	3,00
6	Từ tiếp công nhà ông Dương Văn Duy TK4 đến hết đất nhà ông Doãn Văn Đàm TK4	3,00
7	Từ tiếp đất nhà ông Doãn Văn Đàm TK4 đến hết đất nhà ông Dương Văn Hoàng (ngã tư TK2)	3,00
8	Từ đất ông Dương Văn Hoàng (ngã tư TK2) đến hết đất thị trấn (giáp xã Địa Linh)	2,50

9	Từ tiếp đất nhà ông Doãn Văn Đàm TK4 đến công Phja Sen	3,50
10	Từ tiếp công Phja Sen đến hết đất nhà ông Hoàng Văn La (TK7)	4,00
11	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn La (TK7) đến đầu cầu Pác Co	3,50
12	Từ cầu Pác Co đến đầu cầu Tin Đồn	3,00
13	Từ cầu Pác Co đến ngã tư đường QL279 và đường 258A	3,00
14	Từ ngã tư đường QL279 và đường 258A đến công Loong Cại	2,50
15	Từ công Loong Cại đến hết đất thị trấn	2,50
16	Từ công ngang đường QL279 (dưới Lâm trường Ba Bè) đến ngã tư TK2	3,00
17	Đường QL279 nối từ TK3 đến công ngang đường QL279 (dưới Lâm trường Ba Bè)	2,00
18	Từ ngã tư đường QL279 giao với đường 258A (TK2) đến đầu cầu Tà Nghè (TK2)	3,00
19	Từ đầu cầu Tà Nghè (qua TK1) đến hết đất nhà ông Đồng Minh Sơn TK1	3,00
20	Từ tiếp đất nhà bà Hoàng Thị Giới (TK1) đến hết đất nhà ông Bê Thiện Kiệm (TK11)	3,00
21	Từ giáp nhà ông Bê Thiện Kiệm (TK11) đến hết nhà ông Hoàng Lục Duyện (TK10)	3,00
22	Từ tiếp đất Hoàng Lục Duyện (TK10) đến hết đất thị trấn	3,00
II	Các trục đường phụ	
1	Từ tiếp đất Trung tâm Y tế đến trường Trung học phổ thông Ba Bè	2,00
2	Từ tiếp đất nhà ông Tạ Trương Minh TK8 đến tiếp đất nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung TK8	1,50
3	Tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung (TK8) đến hết nhà ông Ma Nguyễn Tuấn TK8	1,50
4	Tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung TK8 đến hết nhà ông Hoàng Văn Quyết TK8	1,50
5	Tiếp đất nhà ông Vũ Minh Khoan TK9 đến hết đất thị trấn (đi Bản Pục)	1,50
6	Từ nhà bà Hà Thị Việt đến đường QL279 dọc hai bên đường	1,50
7	Tiếp đường QL279 (đi Nà Săm) đến hết đất thị trấn	1,50
8	Tiếp nhà ông Đinh Anh Giao đến hết đất nhà ông Cao Việt Thủ TK4	1,50
9	Từ nhà bà Vi Thị Thâm TK2 đến hết đất nhà ông Lôi Huy Thục TK2	1,50
10	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã (TK4)	
10.1	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã Khu 1 (từ lô 22 đến lô 38 và từ lô 21 đến lô 39 và các lô 21. 39)	1,50
10.2	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã khu 2. khu 3 (từ lô 41 đến 51; từ lô 54 đến lô 63; từ lô 66 đến lô 73; từ lô 76 đến lô 82 và các lô 40. 52. 53. 64. 65. 74. 75. 83)	1,50
11	Từ ngã ba (đường giao giữa đường 279 với tuyến 258B mới đổi diện nhà ông Khôi TK3 đến hết đất thị trấn	1,20
III	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	1,00
-	Khu TĐC QL279 (trừ các lô tiếp giáp mặt đường QL 279)	3,00
-	Khu vực giáp đường nội bộ khu TĐC (trừ các lô đất nằm trong dự	3,00

	án TDC)	
HUYỆN NGÂN SƠN		
I	QL3 (đi về phía Hiệp Lực)	
1	Đoạn từ nhà ông Bế Đình Thanh đến hết đất ông Ngọc Văn Trí	1,00
2	Tiếp hết đất nhà ông Ngọc Văn Trí đến hết đất nhà ông Đường Trung Tuấn	1,00
3	Từ hết đất nhà ông Đường Trung Tuấn đến hết cầu Nà Ha	1,00
4	Tiếp cầu Nà Ha đến hết đất thị trấn Nà Phặc	1,00
5	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến hết đất thôn Bó Danh	1,00
II	QL3 (đi về phía Vân Tùng)	
1	Từ hết đất ở ông Bế Đình Thanh đến hết đất ở nhà ông Hoàng Văn Cận	1,00
2	Từ hết đất ở nhà ông Hoàng Văn Cận đến cầu Bản Mạch	1,00
3	Từ cầu Bản Mạch đến hết đất thị trấn Nà Phặc	1,00
4	Đường từ (QL3) cách 20m vào đến Phòng khám Đa khoa Nà Phặc (Đường từ QL3 cách 20m vào đến trạm y tế Nà Phặc)	1,00
5	Đường từ (QL3) vào đến cầu Nà Khoang	1,00
III	Đường đi Hà Hiệu (QL279)	
1	Từ ngã ba Nà Phặc cách lộ giới QL3 20m đến hết đất nhà kho chứa vật liệu (ông Nông Văn Giang)	1,00
2	Từ hết đất nhà kho chứa vật liệu (ông Nông Văn Giang) đến hết đất nhà bà Lý Thị Gấm	1,00
3	Từ hết đất nhà bà Lý Thị Gấm đến nhà ông Đồng Văn Tuấn	1,00
4	Từ hết đất nhà ông Đồng Văn Tuấn đến hết đất nhà bà Phạm Thị Sen	1,00
5	Từ hết đất nhà bà Phạm Thị Sen đến hết đất thị trấn Nà Phặc	1,00
6	Từ lộ giới đường QL279 cách 20m (đường Nà Duồng - Khuổi Tinh)	1,00
7	Từ lộ giới QL279 cách 20m theo trục đường tránh xử lý điểm đen đến QL3 cách lộ giới 20m	1,00
IV	Các vị trí xung quanh chợ Nà Phặc có khoảng cách là 100m trở lại	1,00
V	Các vị trí đất còn lại thuộc thị trấn	
1	Các thôn vùng cao: Cốc Xả. Mây Van. Lũng Lịa. Phịa Trang. Phịa Đẳng. Lũng Nhá	1,00
2	Các thôn vùng thấp còn lại	1,00
3	Đường Hồ Chí Minh đoạn Nà Phặc	1,00

VIII. ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đơn vị hành chính /Vị trí /Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
THÀNH PHỐ BẮC KẠN		
PHƯỜNG ĐỨC XUÂN		
I	Đường Võ Nguyên Giáp	

1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến ngã tư Đường Hùng Vương	1,30
2	Từ ngã tư Đường Hùng Vương đến Cầu Bắc Kạn	1,30
3	Từ nhà bà Nguyễn Thị Nga đến cầu Thư viện tỉnh	1,30
II	Đường Trường Chinh	
	Từ ngã ba Điện lực tỉnh đến ngã tư giao với Đường Nguyễn Văn Thoát	1,40
III	Đường Hùng Vương	1,30
IV	Đường Trần Hưng Đạo	1,30
V	Đường Kon Tum	
1	Đoạn từ ngã ba giao với Đường Trần Hưng Đạo đến hết Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn (đường rẽ N3)	1,00
2	Đoạn từ giáp Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn đến giao với Đường Hùng Vương	1,00
3	Đoạn từ giao với Đường Hùng Vương đến sau đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn	1,00
4	Đoạn từ sau đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn đến đầu Cầu Bắc Kạn 1	1,43
5	Đoạn từ ngã ba giao với Đường Trần Hưng Đạo đến hết địa phận Phường Đức Xuân (giáp Phường Phùng Chí Kiên)	1,10
VI	Các trục đường phụ	
1	Đường rẽ đi Mỹ Thanh: Đoạn từ điểm cách lộ giới đường Kon Tum là 20m đến hết đất Tô 1A	1,75
2	Tuyến đường đi Ngâm Bắc Kạn	
2.1	Đoạn từ điểm cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến Ngâm Bắc Kạn	1,17
2.2	Từ Ngâm Bắc Kạn đến Ngã ba Vịnh ông Kiên (cách lộ giới đường Kon Tum là 20m)	1,20
3	Tuyến đường Bản Áng (đường vào Tô 12)	
3.1	Từ điểm cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến ngã ba đường rẽ Đồi Xoan	1,80
3.2	Từ ngã ba đường rẽ Đồi Xoan đến đường rẽ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ngọc Huy	1,80
3.3	Từ đường rẽ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ngọc Huy đến ngã ba bãi rác (cũ)	1,60
4	Tuyến đường lên Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Bắc Kạn: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến cổng Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Bắc Kạn	1,00
5	Tuyến đường cầu Thư viện tỉnh	
5.1	Từ cầu Thư viện tỉnh đến hết đất bà Nguyễn Thị Lương	2,00
5.2	Từ hết đất bà Nguyễn Thị Lương đến giáp lộ giới của Đường Trần Hưng Đạo	1,00
5.3	Từ nhà bà Trương Thị Mỹ đến gặp đường Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Bắc Kạn (ngõ Nhà nghỉ Cường Hiền)	1,00
6	Đường phố Đức Xuân: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến cách lộ giới Đường Trường Chinh 20m	1,00
7	Ngõ 9, Đường Trường Chinh (qua Khách sạn Núi Hoa): Từ cách lộ giới của Đường Trường Chinh là 20m đến cách lộ giới đường Kon Tum là 20m	1,20

8	Đường song song với Đường Trường Chinh	1,00
9	Các tuyến dân cư Tổ 1B. 2. 3	2,00
10	Đường vào khu tập thể các cơ quan tỉnh (tập thể Xưởng trúc cũ)	2,00
11	Tuyến đường Hầm thông tin: Từ nhà bà Hà Thị Minh đến Hầm thông tin (cách lộ giới Đường Trường Chinh là 20m)	1,00
12	Các tuyến đường trong Khu dân cư Đức Xuân I	
12.1	Các trục đường nội bộ có lộ giới 11.5m	1,33
12.2	Các trục đường nội bộ có lộ giới 13.5m	1,40
12.3	Ngõ 59. Đường Trường Chinh (trục đường N3) từ hết đất ông Bùi Văn Hương đến Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn	1,30
12.4	Đường 11.5m bao quanh Chợ Đức Xuân	1,30
13	Các tuyến đường trong khu dân cư Đức Xuân II	
13.1	Trục đường nội bộ có lộ giới 15m	1,75
13.2	Các trục đường nội bộ còn lại	1,67
14	Khu vực còn lại của khu dân cư Sở Giao thông cũ	1,33
15	Đường nội bộ Khu dân cư Đức Xuân III	1,71
16	Khu Đô thị phía Nam thuộc địa phận Phường Đức Xuân	
16.1	Đường Nguyễn Văn Thoát	1,50
16.2	Tuyến đường Dương Mạc Hiếu	1,50
16.3	Đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 11.5m	1,30
16.4	Các khu vực còn lại không thuộc vị trí nêu trên	1,50
17	Khu dân cư Tổ 6 (Dược phẩm cũ)	1,00
18	Đường nội bộ khu dân cư đôi diện bên xe	1,30
19	Đường xuống Bảo hiểm thành phố đến Nhà Văn hóa Tổ 7A	1,00
20	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	
20.1	Riêng các vị trí thuộc địa phận Tổ 11B. Tổ 12	1,71
20.2	Tổ 4. Tổ 9A. Tổ 11C	1,00
20.3	Tổ 8A. Tổ 10A	1,00
20.4	Tổ 7A. Tổ 5. Tổ 6	1,00
20.5	Khu dân cư tổ 1A (đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn)	2,00
20.6	Các khu vực còn lại	1,00
21	Tuyến đường trên mặt công hộp từ Tổ 1B. Tổ 2 (từ đường đi Ngầm Bắc Kạn đến giáp Công ty May)	1,76
22	Tuyến đường trên mặt công hộp suối Tổ 5. Tổ 6	1,00
	PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN	
I	Đường Võ Nguyên Giáp (đường Thành Công cũ)	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết đất trụ sở Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn (Sở Tài nguyên và Môi trường)	1,30
2	Từ hết đất trụ sở Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Bắc Kạn (Sở Tài nguyên và Môi trường) đến hết Đường Võ Nguyên Giáp (đường Thành Công cũ)	1,30
II	Đường Phùng Chí Kiên	
1	Từ điểm đầu Đường Phùng Chí Kiên đến đường lên Đài Truyền hình	1,10
2	Từ hết đất đường lên Đài Truyền hình đến hết đất Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý và sửa chữa đường bộ	1,10

	244	
3	Từ hết đất Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý và sửa chữa đường bộ 244 đến ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố	1,10
III	Đường Thái Nguyên	
1	Từ ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố đến đất bà Vũ Thị Hương (thửa 52. tờ 47)	1,20
2	Từ đất bà Vũ Thị Hương (thửa 52. tờ 47) đến hết đất phường Phùng Chí Kiên	1,20
IV	Đường Trường Chinh	
	Từ ngã tư Đường Nguyễn Văn Thoát đến ngã tư 244	1,40
V	Đường Kon Tum	
	Tiếp từ ngã tư 244 đến tiếp giáp địa phận Phường Đức Xuân	1,10
VI	Đường nội bộ khu dân cư 244 (Khu A + khu B)	1,20
VII	Khu Đô thị phía Nam và Khu tái định cư Đức Xuân thuộc địa phận Phường Phùng Chí Kiên	
1	Đường Nguyễn Văn Thoát	1,50
2	Đường Dương Mạc Hiếu (30A)	1,50
3	Các trục đường nội bộ Khu Đô thị phía Nam có lộ giới 11.5m	1,30
4	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Đức Xuân có lộ giới 11.5m	1,30
5	Các trục đường nội bộ Khu Đô thị phía Nam có lộ giới 16.5m	1,30
6	Các vị trí còn lại tại Khu Đô thị phía Nam (trừ vị trí lô 1 các tuyến đường bao quanh)	1,50
VIII	Đường Cúu quốc	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết quán Dững Phượng	1,20
2	Từ hết đất quán Dững Phượng đến hết địa phận phường Phùng Chí Kiên	3,33
IX	Đường Nguyễn Văn Tố	1,30
X	Các trục đường phụ	
1	Từ đường rẽ Bưu điện đến hết đất ông Hùng Thế Hoàng	1,00
2	Đường lên Nhà khách Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh	1,00
3	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m (đường lên Tỉnh ủy) đến hết đất Phường Phùng Chí Kiên	1,00
4	Đường nhánh Tô 2	
4.1	Cách đường nhánh Bưu điện 20m đến chân kè Lâm Viên	1,00
4.2	Cách đường nhánh Bưu điện 20m đến hết đất ông Nguyễn Đắc Càn	1,00
4.3	Từ hết đất ông Nguyễn Đắc Càn đến hết nhà ông Phạm Văn Hùng	1,00
5	Đường nhánh Tô 3: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp (QL3) 20m đến hết đất khe Bà Nhi	1,00
6	Từ nhà ông Nguyễn Thế Thanh đến hết đất bà Hoàng Thị Xuân	1,00
7	Đường nhánh Tô 5: Từ cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất ông Nguyễn Việt Dũng	
7.1	Từ cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất quán Lá Cọ	1,00
7.2	Từ nhà ông Triệu Quang Bảo đến hết nhà ông Đàm Văn Nghị	1,00
7.3	Từ hết đất ông Đàm Văn Nghị đến hết đất ông Bùi Quốc Vương	1,20
8	Đường nhánh Tô 7	

8.1	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên đến hết khe Thiên thần	1,00
8.2	Từ cách Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất bà Hoàng Thị Sơn (thửa 33. tờ bản đồ số 16)	1,00
8.3	Từ hết đất bà Hoàng Thị Sơn đến hết đất ông Hoàng Xuân Hừ	1,00
8.4	Từ cách Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất bà Hà Thị Yến	1,00
9	Đường nhánh Tổ 8A	
9.1	Cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến cách lộ giới đường từ ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố đến ngã ba đường lên Tỉnh ủy 20m	1,50
9.2	Cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất ông Hà Văn Bình	1,50
10	Đường nhánh Tổ 8B	
10.1	Cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất Nguyễn Văn Tài	1,20
10.2	Từ hết đất Nguyễn Văn Tài đến giáp đất Phòng Cảnh sát phòng cháy. chữa cháy	1,20
10.3	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Tài đến hết đất bà Phạm Thị Dung	1,20
10.4	Từ hết đất bà Phạm Thị Dung đến hết đất ông Hoàng Đình Thuận và ông Nguyễn Thành Nam	1,20
10.5	Từ hết đất bà Hoàng Thị Phương Mai đến hết đất bà Bùi Thị Bích	1,20
10.6	Từ hết đất bà Bùi Thị Bích đến hết đất ông Lâm Ngọc Vĩnh	1,20
10.7	Từ đất ông Nông Văn Dũng đến hết đất bà Nguyễn Thanh Hòa	1,20
10.8	Từ hết đất ông Nông Văn Hường đến giáp đất ông Bùi Quốc Vương và đến giáp đất ông Nguyễn Văn Lực	1,20
11	Đường nhánh Tổ 9	
11.1	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất bà Hoàng Thị Nga (phía sau Chi cục Thú y)	1,20
11.2	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất bà Hà Thị Sự	1,20
11.3	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất Bảo hiểm xã hội tỉnh	1,20
11.4	Từ hết đất ông Nguyễn Huy Hồng đến đất ông Triệu Huy Thực	1,20
11.5	Từ hết đất ông Triệu Huy Thực đến hết đất ông Nguyễn Đức Ngọc	1,20
11.6	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất ông Mai Đồng Khanh	1,20
11.7	Từ hết đất ông Mai Đồng Khanh đến hết đất ông Đoàn Văn Tư	1,20
11.8	Từ nhà bà Ma Thị Thanh Huyền đến hết đất ông Nguyễn Hữu Trúc	1,20
11.9	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến giáp đất Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh	1,20
11.1	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Lợi	1,20
11.1	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến hết đất Nguyễn Văn Huỳnh	1,20
12	Đường nhánh Tổ 10	
12.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Ba (vào sau Hạt Kiểm lâm thành phố)	1,20
12.2	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Ba đến hết đất bà Âu Thị Hồng	1,20

	Thăm	
12.3	Từ hết đất ông Nguyễn Hoàng Cường đến hết đất bà Trịnh Thị Thủy	1,20
12.4	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Cường	1,20
12.5	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Cường đến hết đất bà Nguyễn Thị Thanh	1,20
12.6	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Cường đến hết đất bà Lê Thị Hà	1,20
12.7	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Ma Doãn Hoàng	1,20
12.8	Từ hết đất ông Ma Doãn Hoàng đến giáp đất Trung tâm Huấn luyện Công an tỉnh	1,20
12.9	Từ hết đất ông Lưu Quý Ánh đến hết đất ông Lục Thanh Huân	1,20
12.1	Từ hết đất bà Trịnh Thị Yên đến hết đất ông Nguyễn Quang Trung	1,20
12.1	Từ hết đất ông Phạm Văn Phúc đến hết đất ông Chu Văn Sơn	1,20
12.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất bà Bùi Thị Thắm	1,20
12.1	Từ đất ông Ma Minh Sơn đến đất Trạm Phát sóng Viễn thông Bắc Kạn	1,20
13	Đường nhánh Tổ 11 (khe Ngoại vụ)	
13.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên (QL3) 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Trường	1,20
13.2	Từ đất ông Nguyễn Văn Hữu đến hết đất ông Nguyễn Văn Nam	1,20
13.3	Từ giáp đất ông Nguyễn Văn Trường đến hết địa phận Phường Phùng Chí Kiên	1,20
13.4	Từ hết đất bà Nguyễn Thị Đào đến hết đất ông Lê Như Vương	1,20
14	Đường nhánh Tổ 12	
14.1	Từ đất bà Phan Thị Hằng đến hết đất ông Phạm Xuân Thường và hết đất bà Trần Thị Liên	1,20
14.2	Từ đất ông Phạm Văn Đồng đến hết đất ông Đỗ Thanh Giang	1,20
14.3	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Sánh	1,20
14.4	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Sánh đến hết đất ông Phạm Văn Diệt	1,20
14.5	Từ hết đất ông Bùi Việt Chung đến giáp địa phận xã Nông Thượng	1,20
14.6	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Sánh đến hết đất ông Bé Ngọc Phúc	1,20
14.7	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất bà Nguyễn Thị Nghĩa	1,20
14.8	Từ đất ông Nông Văn Huân đến hết đất ông Hà Như Hợi	1,20
14.9	Các đường nhánh trong khu đất của ông Phạm Quyết Thắng, ông Nguyễn Văn Minh Đặc, bà Lê Thị Cây (cũ)	1,20
14.1	Từ đất bà Nguyễn Thị Yên đến hết đất bà Vũ Thị Kim Oanh	1,20
14.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Thành	1,20
15	Đường dọc hai bên suối Tổ 8A, Tổ 8B, Tổ 9	1,20
16	Các khu vực còn lại	1,50
	PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI	

I	Trục đường chính	
1	Từ cầu sắt Bắc Kạn đến ngã ba Lương thực (cũ)	1,67
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	
2.1	Đường từ ngã ba Lương thực (cũ) đến Cầu Bắc Kạn	1,30
2.2	Từ ngã ba Lương thực (cũ) đến cầu Pá Danh	1,30
2.3	Đoạn từ cầu Pá Danh đến giáp ngã ba giáp đường Chiến thắng Phủ Thông	1,30
3	Đường Chiến thắng Phủ Thông	
3.1	Đoạn từ ngã ba đường Chiến thắng Phủ Thông đến công phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh	1,50
3.2	Từ công phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh đến hết đất địa phận phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
4	Đường Hoàng Văn Thụ	
4.1	Đoạn từ ngã ba Nam Cao đến hết địa phận phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,20
4.2	Đoạn từ cầu Huyền Tung đến hết địa phận phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,83
II	Các trục đường nhánh	
1	Khu dân cư Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh lô 1	1,40
2	Khu dân cư Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh lô 2	1,30
3	Đoạn sau nhà ông Chu Minh Lê Tổ 11 đến hết đất phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
4	Đoạn từ nhà ông Hoàng Thanh Sơn (cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m) đến hết đất phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
5	Đoạn cách lộ giới đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m từ ngõ nhà ông Nguyễn Quốc Bích đến hết đất bà Nguyễn Thị Ái Vân	1,00
6	Từ cách lộ giới đường QL3 20m đi dọc theo đường thoát úng của Bệnh viện Đa khoa cũ đến Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,33
7	Từ đất ông Nguyễn Gia Trường để hết đất ông Hà Phúc Trọng	1,00
8	Từ đất bà Nguyễn Thị Ái Vân đến giáp đất ông Vũ Khánh Toàn	1,25
9	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến Ủy ban nhân dân phường + Khu dân cư Tổ 9	1,00
10	Đường vào Trạm Y tế phường Nguyễn Thị Minh Khai cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến khu dân cư Tổ 17	1,00
11	Đường nội bộ khu dân cư Bắc Sân bay Tổ 17 có lộ giới 11.5m	1,00
12	Đường nội bộ khu dân cư Bắc Sân bay Tổ 17 có lộ giới 6.0m	1,00
13	Các vị trí còn lại của Tổ 4. Tổ 5	1,00
14	Bru điện Minh Khai đi Nà Pèn	
14.1	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Hà Văn Đức	2,50
14.2	Từ giáp nhà ông Hà Văn Đức đến hết địa phận phường Nguyễn Thị Minh Khai	2,50
15	Từ Công an thành phố (cũ) đến hết đất ông Hoàng Hữu Hùng	1,00
16	Từ hết đất ông Hoàng Hữu Hùng đến hết địa phận Tổ 17. phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
17	Các vị trí còn lại của Tổ 15. 16. 17	1,00

18	Từ Công an thành phố (cũ) đến giáp đất ông Đặng Văn Toàn. Tô 15	1,00
19	Đường trong khu dân cư Nà Cốc	1,00
20	Khu vực Tô 2 cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Ngôn Văn Giai	1,00
21	Đường rẽ vào Tàng thiết giáp Tô 14 (cách đường Chiến thắng Phủ Thông là 20m)	1,00
22	Từ đất bà Đoàn Hồng Nhung đến Ngâm Bắc Kạn	1,00
23	Các vị trí còn lại của Tô 7. 8. 9	1,00
-	Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Ai Vân đến cách lộ giới đường Tây Minh Khai 20m (Khu vực tô 7)	2,14
-	Từ hết đất ông Hà Văn Chính đến hết địa bàn phường Nguyễn Thị Minh Khai (Khu vực tô 7)	2,14
24	Đoạn đường Tô 6 cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Nông Ngọc Tân	1,00
25	Khu vực còn lại Tô 6	1,00
26	Các vị trí còn lại của Tô: 11. 12. 13. 14	1,00
27	Đoạn từ nhà ông Triệu Văn Võ đến công phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh	1,00
28	Đoạn đường vào khu dân cư sau Nhà Văn hóa Tô 10	1,00
29	Đoạn từ sau nhà ông Trần Văn Dần đến Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
30	Đoạn đường từ sau nhà ông Bùi Văn Cường đến công trường Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
31	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
31.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	1,72
31.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m	1,76
32	Các khu vực còn lại	1,00
	PHƯỜNG SÔNG CẦU	
I	Đường Võ Nguyên Giáp	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến ngã tư Đường Hùng Vương	1,30
2	Ngã tư Đường Hùng Vương đến Cầu Bắc Kạn	1,30
II	Đường Hùng Vương	1,30
III	Đường Đội Kỳ	
1	Từ ngã tư Đường Hùng Vương đến hết nhà bà Nguyễn Thị Loan	1,20
2	Từ đất ông Bùi Đình Nam đến ngã tư phố Quang Sơn	1,20
3	Từ ngã tư phố Quang Sơn đến gặp Đường Bàn Văn Hoan	1,20
IV	Đường Thanh niên	
1	Đoạn từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến giáp suối Nông Thượng	1,50
2	Từ suối Nông Thượng đến hết đất Tinh đoàn	1,50
3	Từ tiếp đất Tinh đoàn đến hết đường Thanh niên	1,50
V	Đường Hoàng Trường Minh	
1	Đoạn từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết đất bà Phạm Thị Thái	1,20
2	Từ hết đất bà Phạm Thị Thái đến giáp đất bà Đình Thị Loan	1,67
3	Từ đất bà Đình Thị Loan đến Cầu Đen	1,10

VI	Đường Nông Quốc Chấn	
1	Từ cầu Đen đến hết đất Cửa hàng Xăng dầu số 91	1,25
2	Từ hết đất Cửa hàng Xăng dầu số 91 đến hết đất bà Đỗ Thị Thanh	1,33
3	Từ giáp đất bà Đỗ Thị Thanh đến đất ông Nguyễn Hồng Thái	2,00
4	Từ đất ông Nguyễn Hồng Thái đến giáp đất ông Vũ Đức Cảnh	1,29
5	Từ đất ông Vũ Đức Cảnh đến hết đất ông Vũ Văn Vinh	2,00
6	Từ giáp đất ông Vũ Văn Vinh đến hết đất phường Sông Cầu	2,00
VII	Đường Nguyễn Văn Tố	1,30
VIII	Các trục đường phụ	
1	Đoạn từ Đường Hoàng Trường Minh đến cuối đường Thanh niên	
1.1	Từ ngã ba Đường Hoàng Trường Minh đến Trường Trung học cơ sở Bắc Kạn	1,20
1.2	Từ giáp Trường Trung học cơ sở Bắc Kạn đến cuối đường Thanh niên	1,20
2	Đường vào Trường Quân sự	
2.1	Từ ngã ba đường Thanh niên đến cầu Dương Quang	1,20
2.2	Từ cầu Dương Quang đến hết đất ông Nguyễn Duy Khánh	1,20
2.3	Từ giáp đất ông Nguyễn Duy Khánh đến hết địa phận phường Sông Cầu	1,20
3	Đường Bàn Văn Hoan	1,50
4	Tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Quang Sơn	1,50
5	Đường Đội Kỳ cũ	
5.1	Đoạn từ công sau Chợ Bắc Kạn đến Cầu Đội Kỳ	1,00
5.2	Từ Cầu Đội Kỳ đến gặp Đường Đội Kỳ	1,00
6	Đường từ ngã ba giao Đường Hùng Vương với Đường Đội Kỳ ra đường Thanh niên	1,00
7	Từ giáp đất tinh Đoàn đến đất bà Trần Thị Duyên giáp đất lô 1 Đường Đội Kỳ	1,00
8	Đường vào nhà bà Hoàng Thị Duyên (đoạn cách lộ giới Đường Nông Quốc Chấn là 20m đến ao Trường Nội trú)	1,00
9	Đường vào Trường Nội trú: Tính từ giáp đất ông Hoàng Văn Trung đến hết đất bà Hà Thị Nha	1,00
10	Đường đi Nông Thượng cũ: Từ suối Nông Thượng (khu Trại giam cũ đến điểm gặp đường Nguyễn Văn Tố)	1,00
11	Đoạn từ công sau chợ Bắc Kạn. từ nhà ông Vũ Đình Viên đến giáp đất ông Vũ Văn Luân	1,00
12	Đoạn từ nhà bà Tống Thị Yên đến nhà ông Mừng Ngọc Tài	1,00
13	Đoạn từ nhà bà Sâm Thị Hương đến nhà bà Vũ Thị Mận	1,00
14	Đoạn từ nhà bà Tráng Thị Sỏi đến hết Nhà Văn hóa Tổ 2	1,00
15	Đoạn từ nhà ông Tống Anh Sơn đến suối Nông Thượng	1,00
16	Từ hết đất ông Đào Xuân Lệ đến đất bà Nguyễn Thị Đào	1,00
17	Đường từ ngã ba đường lên Tỉnh ủy đến Đường Nguyễn Văn Tố hết đất phường Sông Cầu	1,00
18	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m đến đường từ ngã ba đường lên Tỉnh ủy (đoạn quán Sáu dê)	1,00
19	Khu dân cư Tổ 13	

19.1	Trục đường chính (từ hết đất bà Tráng Thị Sỏi đến hết trục đường)	1,00
19.2	Các trục đường nhánh	1,00
IX	Các khu vực còn lại	
1	Khu vực còn lại của Tổ 1. Tổ 2. Tổ 3. Tổ 4. Tổ 5. Tổ 6. Tổ 7. Tổ 8. Tổ 9	1,00
-	Đường từ đường Võ Nguyên Giáp đi đường Thanh Niên	4,67
2	Khu vực còn lại của Tổ 12	1,00
3	Khu vực còn lại của Tổ 11A. 11B. 11C. Tổ 13	1,00
4	Khu vực còn lại của Tổ 10. Tổ 14. Tổ 15. Tổ 16. Tổ 17	1,00
5	Các khu vực còn lại Tổ 18. 19	1,00
	PHƯỜNG XUẤT HÓA	
I	Đọc đường Thái Nguyên (QL3)	
1	Từ giáp đất Nông Thượng đến hết đất bà Đặng Thị Tiên	1,20
2	Từ giáp đất bà Đặng Thị Tiên đến cầu Nà Kiêng	1,20
3	Từ cầu Nà Kiêng đến cầu Xuất Hóa	1,20
4	Từ cầu Xuất Hóa đến cầu Suối Viên	1,20
5	Từ cầu Suối Viên đến hết đất Xuất Hóa	1,20
6	Từ giáp cầu Xuất Hóa đến hết đất Xuất Hóa (đường đi Na Rì - QL3B)	2,00
7	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào Trường Tiểu học đến đầu đập tràn	1,20
II	Các tuyến đường nhánh	
1	Đường đi Tân Cư	
1.1	Cách lộ giới (QL3) 20m đi vào đường Tân Cư đến hết đất bà Hoàng Thị Du	1,00
1.2	Từ giáp đất bà Hoàng Thị Du đến ngã ba trường học cũ	1,00
2	Đường Tân Cư đi Khuổi Pái	
2.1	Từ ngã ba trường học cũ đi Khuổi Pái - phường Huyền Tung	1,00
2.2	Từ ngã ba trường học cũ đến nhà bà Nguyễn Thị Dịu	1,00
3	Khu vực bên kia suối của Tổ 1	1,00
4	Khu vực bên kia suối từ nhà ông Nguyễn Trọng Cảnh đến hết đất ông Hoàng Văn Đường	1,00
5	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào Kho K15 dọc hai bên đường đến cầu nhà ông Hà Quang Khải	1,00
6	Từ cầu nhà ông Hà Quang Khải đến nhà bà Nguyễn Thị Dịu	1,00
7	Tuyến đường từ công Làng Thanh niên văn hóa (Tổ 4) đến hết đất khu Đon Hin	1,00
8	Tuyến đường từ công Làng Thanh niên văn hóa (Tổ 4) đến hết đất ông Lương Văn Cập	1,00
9	Khu vực còn lại của Tổ 4	1,00
10	Từ nhà ông Hà Hữu Tung (Tổ 4) đến cầu ngầm Bản Pjạt	
10.1	Khu vực từ nhà ông Hà Hữu Tung (Tổ 4) đến cầu nhà ông Đinh Văn Mạn. (Tổ 4) và khu nhà bà Triệu Thị Quyến	1,00
10.2	Từ cầu nhà ông Đinh Văn Mạn. (Tổ 4) đến công Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa	1,00
10.3	Từ công Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa đến cầu ngầm Bản Pjạt	1,00
10.4	Khu vực từ nhà ông Hà Đức Hòa sau Trường Trung học cơ sở	1,00

	Xuất Hóa đến nhà ông Triệu Văn Quyền	
11	Tuyến đường Nà Bán - Bán Rạo	
11.1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến cầu Nà Bán	1,00
11.2	Từ cầu Nà Bán đến hết đất ông Hứa Văn Hội	1,00
11.3	Từ hết đất ông Hứa Văn Hội đến hết tổ Bán Rạo	1,00
11.4	Từ hết đất ông Nông Văn Quý đi đến thôn Khuổi Trang (Nông Thượng)	1,00
11.5	Từ cầu Nà Bán đến đất bà Lê Thị Thiên	1,00
12	Khu vực Nà Pèn sau lô 1 Tổ 6	1,00
13	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào đến nhà ông Hoàng Văn Sơn Tổ 6	1,00
14	Tuyến đường đi Tân Sơn từ cách lộ giới (QL3B) 20m đến hết đất Xuất Hóa	1,00
15	Tuyến đường Khau Gia	
15.1	Từ cách lộ giới (QL3) 20m đến cầu Lũng Hoàn	1,00
15.2	Từ cầu Lũng Hoàn đến đất ông Nông Văn Lô (Tổ 5)	1,00
16	Các khu vực còn lại	1,00
	PHƯỜNG HUYỀN TỤNG	
1	Đường Chiến thắng Phù Thông	
1.1	Đoạn giáp ranh với phường Nguyễn Thị Minh Khai đến Km160	1,50
1.2	Đoạn từ Km160 lên đến ngã ba tổ Khuổi Lặng	1,50
1.3	Từ ngã ba tổ Khuổi Lặng đến hết đất thành phố	1,50
2	Đường Hoàng Văn Thụ (địa phận phường Huyền Tụng)	1,83
3	Tuyến đường đi Phiêng My	
3.1	Tuyến đường đi Chí Lèn (từ trụ sở Ủy ban nhân dân phường Huyền Tụng cũ đến hết đất ông Hà Chí Hoàng)	1,00
3.2	Từ hết đất ông Hà Chí Hoàng đến hết đất tổ Bàn Cẩu	1,00
3.3	Từ hết đất tổ Bàn Cẩu đến hết đất tổ Chí Lèn	1,00
3.4	Từ hết đất tổ Chí Lèn đến hết đất tổ Phiêng My	2,00
3.5	Các vị trí còn lại tổ Bàn Cẩu	1,00
3.6	Các vị trí còn lại tổ Chí Lèn	1,00
3.7	Các vị trí còn lại tổ Phiêng My	1,00
4	Tổ Nà Pam	1,00
5	Tổ Khuổi Hèo	1,00
6	Tuyến đường đi Mỹ Thanh	
6.1	Từ giáp Phường Đức Xuân đến hết tổ Bàn Vèn	4,00
6.2	Các khu vực còn lại tổ Bàn Vèn ngoài (cũ)	1,50
6.3	Từ hết đất tổ Bàn Vèn đến hết đất tổ Tổng Nặng	3,00
6.4	Các vị trí còn lại của tổ Tổng Nặng	1,25
6.5	Từ hết đất tổ Tổng Nặng đến hết địa giới phường Huyền Tụng	1,50
6.6	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Pải	1,50
7	Các khu vực còn lại của tổ Bàn Vèn trong (cũ)	1,00
8	Tổ Pá Danh	
8.1	Từ nhà ông La Văn Tiến đến hết đất bà Hà Thị Phúc	1,00
8.2	Các khu vực còn lại của tổ Pá Danh	1,00
8.3	Khu vực Phiêng Vinh (thuộc tổ Pá Danh)	1,00
9	Tổ Xây Dựng	1,00

10	Tổ Nà Pèn	
10.1	Đường Nà Pèn - Pá Danh	1,00
10.2	Đoạn từ Nhà Văn hóa tổ Nà Pèn đến giáp khu tái định cư Khuổi Kén	1,00
10.3	Khu tái định cư Khuổi Kén	1,25
10.4	Các vị trí còn lại	1,00
11	Tổ Đon Tuấn - Khuổi Dùm	
11.1	Từ giáp đất phường Nguyễn Thị Minh Khai đến hết đất ông Cao Việt Thắng	1,00
11.2	Các vị trí còn lại tổ Đon Tuấn - Khuổi Dùm	1,00
12	Tổ Lâm Trường	
12.1	Từ sau lộ giới QL3 20m đến hết đất ông Nông Văn Thị	1,00
12.2	Các vị trí còn lại của tổ Lâm Trường	1,00
13	Tổ Giao Lâm	1,00
14	Tổ Nà Pài, tổ Khuổi Lặng	1,00
15	Tổ Khuổi Mật	
15.1	Đường đi tổ Khuổi Mật (đoạn từ cách lộ giới Đường Hoàng Văn Thụ là 20m đến hết đất bà Lý Thị Cói)	1,00
15.2	Từ nhà ông Đặng Văn Thành đến nhà ông Nguyễn Hữu Nga	1,00
15.3	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Mật	1,00
16	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Thuôm	1,00
17	Các khu vực còn lại chưa nêu ở trên	1,25
HUYỆN CHỢ MỚI		
I	Đường phố loại 1	
1	Trục đường QL3 từ Cầu Ô gà đến hết địa phận thị trấn Đồng Tâm	4,00
2	Tuyến đường QL3 mới Thái Nguyên - Chợ Mới: Từ hết địa giới hành chính xã Quảng Chu đến giáp đất xã Thanh Thịnh (Đường Thái nguyên)	1,70
II	Đường phố loại 2	
1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Phan Bá Thuận (đầu đường QH32m đến cuối đường QH32m)	1,70
2	Từ công Trung tâm Dạy nghề huyện đi qua chợ đến Cửa hàng Vật tư nông nghiệp (cách đường QH32m là 20m)	1,70
3	Từ giáp đất nhà ông Hoàng Đình Hoàn đến đường QH32m (cách lộ giới 20m) (Từ giáp trường THCS Đồng Tâm đến đường QH 32) (cũ)	1,50
4	Đường nhánh Tô 3 từ giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Lành đến hết đất nhà bà Bùi Thị Lộc	1,50
5	Đoạn từ công Ủy ban nhân dân cách lộ giới QL3 20m (Bảo hiểm cũ) đến giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Chút	1,50
6	Đoạn từ giáp đất nhà bà Tông Thị Liên đến lộ giới đường QH32m (đường nội thị Tô 1) (cũ)	1,50
7	Đường nội thị Tô 6	1,50
8	Đường thị trấn Đồng tâm - Bình Văn	
8.1	Từ ngã ba cách lộ giới QL3 là 20m. từ Chi nhánh điện đến cầu Yên Đĩnh	1,50

8.2	Từ cầu Yên Đĩnh đến hết đất thị trấn Đồng tâm	1,50
9	Từ cách lộ giới QL3 là 20m (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đến công Bệnh viện	1,50
10	Đường dân sinh có chiều rộng mặt đường từ 02m trở lên (tại khu quy hoạch xã Yên Đĩnh cũ)	1,50
11	Từ lộ giới QL3 là 20m (từ nhà ông Vũ Minh Phú) đến đường cầu Yên Đĩnh	3,50
12	Từ cách lộ giới QL3 là 20m từ nhà ông Phạm Văn Tý đến công sau Bệnh viện	1,50
III	Các vị trí khác	
1	Đường nhánh đi Ba Luồng (cách lộ giới QL3 là 20m) đến hết đất thị trấn Đồng Tâm	1,50
2	Đoạn từ cách lộ giới đường QH32m là 20m đến Sông Chu (đường nội thị Tô 2)	1,70
3	Đường vào Trạm Y tế thị trấn (Trạm y tế cũ)	1,70
4	Từ hết đất nhà bà Bùi Thị Lộc đến hết đất nhà bà Phạm Thị Nguyên	1,50
5	Đường nhánh Tô 5 đoạn từ giáp đất nhà ông Mã Ngọc Khanh đến hết đất nhà ông Nguyễn Đình Phú (cũ)	1,50
6	Đoạn từ giáp đất nhà ông Tạ Duy Cường đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Biên	1,50
7	Đường nhánh Tô 7 từ giáp đất Công an huyện (cũ) đến hết đất nhà ông Nguyễn Ngọc Chân (bờ Sông Chu)	1,50
8	Đoạn đường nhánh từ Tòa án đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Trung	1,50
9	Đoạn đường nhánh Tô 4 từ giáp đất nhà ông Đinh Khắc Tiên đến hết đất ông Vũ Đình Nghĩa (Sông Chu)	1,50
10	Đường liên xã thị trấn Đồng Tâm đi Quảng Chu	1,50
11	Các vị trí đất khác chưa nêu ở trên	1,50
12	Các vị trí đất khác trong khu quy hoạch xã Yên Đĩnh cũ	1,50
HUYỆN CHỢ ĐỒN		
I	Tuyến đi Ba Bể (đọc hai bên đường)	
1	Từ ngã ba Kiềm lâm. nhà ông Phạm Văn Dịu. nhà ông Lê Quang Thiết đến Khách sạn Đức Mạnh	1,50
2	Từ Khách sạn Đức Mạnh đến hết nhà ông Luân Sỹ Thi	1,50
3	Từ tiếp đất nhà ông Luân Sỹ Thi đến công tiêu Cây xăng Tô 9	1,50
4	Từ Cây xăng Tô 9 đến công tràn Tô 10	1,20
5	Từ sau công tràn Tô 10 đến hết đất thị trấn	1,20
II	Tuyến đi Bắc Kạn (đọc hai bên đường)	
1	Từ ngã ba Kiềm lâm tiếp nhà ông Lê Quang Thiết đến hết đất ông Nguyễn Quốc Tuấn (karaoke Đức Mạnh)	1,50
2	Từ nhà ông Nguyễn Quốc Tuấn (karaoke Đức Mạnh) đến hết đình đèo Kéo Càng (Trạm cấp nước)	1,20
3	Từ đình đèo Kéo Càng đến hết đất thị trấn	1,20
4	Từ Bru điện đến hết đất nhà ông Phan Ngọc Tuấn (ngã ba Bệnh viện)	1,50
III	Tuyến đi Định Hóa	
1	Từ ngã ba Kiềm lâm. ranh giới nhà ông Phạm Văn Dịu đến hết nhà ông Hoàng Văn Lương	1,50
2	Từ tiếp đất nhà ông Hoàng Văn Lương đến hết đất ở nhà ông	1,20

	Nông Văn Nguyên	
3	Từ tiếp đất nhà ông Nông Văn Nguyên đến hết đất thị trấn	1,20
IV	Các đường phụ (đọc hai bên đường)	
1	Từ đất nhà Dũng Cúc đến hết đường trục chính vào khu dân cư lương thực cũ	1,20
2	Các tuyến đường trong khu dân cư tự xây (Xường nông vụ và Khu lương thực cũ)	1,20
3	Từ nhà bà Thập Đoạt đến hết nhà ông Đỗ Đức Quảng	1,20
4	Từ tiếp đất nhà Hiền Cung đến mỏ nước	1,20
5	Từ đất nhà bà Lục Thị Toán đến hết đất nhà ông La Văn Siu	1,20
6	Từ đất nhà Hiền Cung đến hết đất nhà ông Bằng Văn So	1,50
7	Tiếp đất nhà ông Bằng Văn So đến hết đất nhà bà Đàm Thị Sơn	1,20
8	Tiếp đất bà Đàm Thị Sơn đến hết đất thị trấn	1,50
9	Từ hết đất Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Chợ Đồn đến đất Trường Mầm non thị trấn	1,20
10	Từ ngã ba Ban Quản lý dự án huyện đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Khâm. sau nhà ông Nguyễn Đức Thiêm	1,20
11	Từ tiếp giáp ngã ba Ban Quản lý dự án huyện đến hết đất nhà ông Lý Văn Hắt	1,20
12	Đoạn đường rẽ vào Trường Tiểu học thị trấn đến hết nhà ông Nông Quốc Thái	1,20
13	Từ ngã ba tiếp đất nhà ông Nông Quốc Thái đến Trường Hoàng Văn Thụ	1,20
14	Đường từ ngã ba Phòng Giáo dục đến nhà Tùng Vàng	1,20
15	Từ đất nhà Tùng Vàng đến công Trường mầm non Thị Trấn	1,20
16	Đường phía sau chợ Bằng Lũng từ nhà ông Vũ Ngọc Khánh (Tổ 2A) đến hết đất nhà ông Mạch Văn Dũng (Tổ 11A)	1,30
17	Đường phía Nam chợ Bằng Lũng (Tổ 11B) từ nhà ông Nguyễn Tiến Vững đến hết đất nhà ông Bùi Văn Chúc	1,30
18	Các đường dân sinh có mặt đường lớn hơn hoặc bằng 02m	1,20
19	Các đường dân sinh có mặt đường nhỏ hơn 02m	1,10
20	Từ ngã ba Vật tư cách lộ giới ĐT254 20m đến Trường Dạy nghề và các tuyến nhánh trong khu dân cư Nông Cụ	1,20
21	Từ ngã ba Kẹm Trinh đến hết đất nhà ông Phùng Văn Hương. thôn Bản Duồng II	1,20
22	Tiếp đất nhà ông Phùng Văn Hương đến hết đất thị trấn	1,10
V	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	1,20
HUYỆN NÀ RÍ		
I	Trục đường từ xã Cường Lợi đi xã Sơn Thành	
1	Từ đất nhà ông Triệu Văn Hoan đến đầu cầu Hát Deng phía Bắc (tuyến chính)	1,00
2	Từ giáp đất ông Triệu Văn Hoan đến ngã ba đường đi Văn Vũ	1,00
3	Từ nhà ông Sinh đến đường vào nhà khách (tuyến nhánh)	1,00
4	Từ đầu cầu Hát Deng phía Nam đến đầu Cầu Tranh phía Bắc	1,00
5	Từ Cầu Tranh phía Nam đến đường rẽ vào nhà ông Chính (Nguyên)	1,00
6	Từ giáp đường rẽ vào nhà ông Chính (Nguyên) đến hết đất nhà ông Sơn	1,00
7	Từ giáp đất nhà ông Sơn đến hết đất nhà ông Quang (Thu)	1,00

8	Từ giáp đất nhà ông Quang (Thu) đến hết tường rào xây nhà ông Việt	1,00
9	Từ tường rào xây nhà ông Việt đến hết đất thị trấn Yên Lạc	1,00
II	Các trục đường phố cổ	
1	Từ đất nhà bà Vui (ngõ ngã ba Huyện ủy) đến hết đất nhà ông Hoan Hùng	1,00
2	Từ nhà bà Phây qua ngã ba đến cổng Trường Nội trú	1,00
3	Từ ngã tư phố cổ đến đầu cầu cứng Tà Pin	1,00
4	Từ tuyến chính đường nội thị đến cổng xây nhà bà An	1,00
5	Từ cổng xây nhà bà An đến hết đất thị trấn (giáp Kim Lư)	1,00
6	Từ cầu cứng Tà Pin đến đường rẽ đi động Nàng Tiên	1,00
7	Từ tuyến nhánh đường nội thị đến cổng Nhà Khách huyện	1,00
8	Từ tuyến chính nội thị đến hết đất khu dân cư phía Bắc cầu Hát Deng	1,00
9	Đoạn đường rẽ sau Bến xe khách	1,00
III	Trục đường vành đai	
1	Ngã tư đường nội thị đi qua đất Chi nhánh Điện đến giáp khu dân cư chợ cũ	1,00
2	Từ ngã ba đường nội thị qua sau Chi cục Thuế cũ đến ngã ba đường đi ngầm	1,00
3	Từ ngã tư đường nội thị qua sau Huyện đội đến cổng ngã ba nhà ông Linh	1,00
4	Từ cổng ngã ba nhà ông Linh đến hết đất Nhà Họp tổ nhân dân Pàn Châu	1,00
5	Từ giáp đất Nhà Họp tổ nhân dân Pàn Châu đến hết đất thị trấn Yên Lạc	1,00
6	Từ ngã ba nhà ông Linh đến ngã ba đường rẽ Ủy ban nhân dân huyện	1,00
7	Từ cổng Ủy ban nhân dân huyện ra đường nội thị	1,00
8	Từ đường nội thị (nhà ông Hiệp Bang) đến cổng Trường Tiểu học Yên Lạc	1,00
9	Từ cổng Trường Tiểu học Yên Lạc qua Trạm Lâm nghiệp đến chân cầu Hát Deng	1,00
10	Từ đường nội thị vào Bàn Pò đến hết đất nhà ông Tuyền (ngã ba đường)	1,00
11	Từ hết đất nhà ông Tuyền (ngã ba đường) đến hết đất nhà bà Hồng	1,00
12	Từ đường nội thị đến nhà ông Đài Bằng (đường đi Thôn Pục)	1,00
13	Đường tránh QL3B đoạn qua thị trấn Yên Lạc (phía Bắc) (Đường tránh QL3B đoạn qua thị trấn Yên Lạc (phía Nam))	1,00
14	Đường tránh QL3B giáp đất Kim Lư đến hết đất nhà ông Lạc	1,00
15	Đường tránh QL3B từ đất nhà ông Lạc đến hết đất thị trấn	3,20
IV	Giá đất khu dân cư chợ cũ Yên Lạc	
1	Từ lô số 10 đến lô số 19. lô số 30 đến lô số 37. lô số 72 đến lô số 79. lô số 90 đến lô số 94. lô số 100 đến lô số 108	1,00
2	Từ lô số 20 đến lô số 29. lô số 80 đến lô số 89. lô số 109 đến lô số 113	1,00
3	Từ lô số 48 đến lô số 55. lô số 65 đến lô số 71. lô số 119 đến lô	1,00

	số 131	
4	Từ lô số 05 đến lô số 09. lô số 38 đến lô số 47. lô số 56 đến lô số 64. lô số 95 đến lô số 99. lô số 114 đến lô số 118	1,00
5	Từ lô số 01 đến lô số 04	1,00
6	Từ lô số 132 đến lô số 145. và các lô số 57a. 59a. 60a	1,00
V	Các khu vực còn lại	
1	Từ giáp đất nhà bà Học Thu đến hết đất bà Lương Thị Thử	1,00
2	Ngã ba Khưa Slen đến Sân Vận động Pò Đôn	1,00
3	Từ ngã ba ông Lú đến cầu treo ông Thành (Nà Hin) và Trường Mầm non	1,00
4	Ngã ba Ủy ban nhân dân thị trấn đến Sân Vận động Pò Đôn	1,00
5	Ngã ba ông Trung đến hết nhà ông Trường (Đòn Tắm)	1,00
6	Đường vào động Nàng Tiên	
6.1	Ngã ba đường đi Pác Muồng đến hết đất nhà ông Mã Thiêm Quyền	1,00
6.2	Từ giáp đất nhà ông Mã Thiêm Quyền đến sân Động Nàng Tiên	1,00
7	Đường Kim Lư - Sơn Thành	
7.1	Từ ngã ba đi Động Nàng Tiên đến cầu cứng Pác Muồng	1,00
7.2	Từ cầu cứng Pác Muồng đến hết đất nhà ông Triệu Tiến Thanh	1,00
8	Từ nhà ông Lương Thanh Luyện đến Trường Trung học cơ sở	1,00
9	Từ nhà ông Lý Văn Thanh và Nà Pằng đến nhà bà Hoàng Thị Chí thôn Nà Lặng	1,00
10	Các trục đường chưa nêu ở trên có mặt đường > 03m (thuộc địa phận thị trấn Yên Lạc cũ)	1,00
11	Các vị trí còn lại chưa nêu ở (thuộc địa phận thị trấn Yên Lạc cũ)	1,00
12	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên (thuộc địa phận thị xã Lương Hạ cũ)	1,00
-	Từ ngã ba ông Lú đến công Trạm cấp nước sinh hoạt	1,50
HUYỆN BẠCH THÔNG		
I	Trục đường QL3	
1	Từ công Nà Hái (giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông) về phía Bắc đến hết Khu dân cư Khuổi Nim	1,10
2	Từ tiếp giáp đất khu dân cư Khuổi Nim đến cầu Nà Món (bám dọc QL3)	1,10
3	Từ cầu Nà Món đến Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1 (bám dọc QL3)	1,10
4	Đoạn tiếp giáp Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1 đến Nhà Bia tưởng niệm Đèo Giàng (bám dọc QL3)	1,10
5	Từ công Nà Hái QL3 đoạn từ Điện lực Phù Thông vào đến hết Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông (trừ đất của các hộ bám trục mặt đường QL3)	1,10
6	Bám trục đường QL3 đoạn đường từ nhà bà Nguyễn Thị Loan lên đến Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông (trừ đất của các hộ bám trục mặt đường QL3)	1,10
7	Bám trục đường QL3 đoạn đường từ Cửa hàng Xăng dầu - số 32 Phù Thông lên đến hết đất Trường Mầm non Phương Thông (trừ các hộ bám trục mặt đường QL3)	1,10

8	Từ cổng Nà Hái (giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông) về phía Nam đến hết đất thị trấn Phú Thông (Km173-QL3)	1,10
9	Từ cách lộ giới QL3 đường lên đến cổng trường Trung học cơ sở Phú Thông đến hết nhà hóp thôn Khuổi Chàm cũ	1,00
II	Trục đường tỉnh lộ 258	
1	Từ ranh giới nhà ông Bùi Ngọc Dương và nhà ông Sái Văn Cường đến Cầu Deng	1,10
2	Đường lên Trường Trung học phổ thông Phú Thông cách lộ giới đường 258 là 20m đến cổng Trường Trung học phổ thông Phú Thông	1,10
3	Đoạn từ nhà ông Hoàng Á Lợi và Bùi Ngọc Thông đến giáp suối Tà Giàng	1,00
III	Đất các khu vực khác trong địa bàn thị trấn Phú Thông (cũ)	1,00
IV	Đất các khu vực khác trong địa bàn xã Phương Linh (cũ)	4,00
HUYỆN BA BÈ		
I	Các trục đường chính (đọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ vào Lâm trường đến hết đất nhà ông Dương Văn Năm Tiểu khu 3	2,00
2	Tiếp đất nhà ông Dương Văn Năm đến hết đất thị trấn	2,00
3	Từ ngã ba Cầu Toong đi cầu treo Cốc Phát đến hết đất nhà ông Mông Văn Thiện	2,00
4	Tiếp hết đất nhà ông Mông Văn Thiện đến hết đất thị trấn	2,00
5	Từ đường rẽ vào Lâm trường Ba Bè đến cổng cạnh nhà ông Dương Văn Duy TK4	3,00
6	Từ tiếp cổng nhà ông Dương Văn Duy TK4 đến hết đất nhà ông Doãn Văn Đàm TK4	3,00
7	Từ tiếp đất nhà ông Doãn Văn Đàm TK4 đến hết đất nhà ông Dương Văn Hoàng (ngã tư TK2)	3,00
8	Từ đất ông Dương Văn Hoàng (ngã tư TK2) đến hết đất thị trấn (giáp xã Địa Linh)	2,50
9	Từ tiếp đất nhà ông Doãn Văn Đàm TK4 đến cổng Phja Sen	3,50
10	Từ tiếp cổng Phja Sen đến hết đất nhà ông Hoàng Văn La (TK7)	4,00
11	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn La (TK7) đến đầu cầu Pác Co	3,50
12	Từ cầu Pác Co đến đầu cầu Tin Đồn	3,00
13	Từ cầu Pác Co đến ngã tư đường QL279 và đường 258A	3,00
14	Từ ngã tư đường QL279 và đường 258A đến cổng Lòong Cại	2,50
15	Từ cổng Lòong Cại đến hết đất thị trấn	2,50
16	Từ cổng ngang đường QL279 (dưới Lâm trường Ba Bè) đến ngã tư TK2	3,00
17	Đường QL279 nối từ TK3 đến cổng ngang đường QL279 (dưới Lâm trường Ba Bè)	2,00
18	Từ ngã tư đường QL279 giao với đường 258A (TK2) đến đầu cầu Tà Nghè (TK2)	3,00
19	Từ đầu cầu Tà Nghè (qua TK1) đến hết đất nhà ông Đồng Minh Sơn TK1	3,00
20	Từ tiếp đất nhà bà Hoàng Thị Giới (TK1) đến hết đất nhà ông Bế Thiện Kiệm (TK11)	3,00

21	Từ giáp nhà ông Bế Thiện Kiệm (TK11) đến hết nhà ông Hoàng Lục Duyên (TK10)	3,00
22	Từ tiếp đất Hoàng Lục Duyên (TK10) đến hết đất thị trấn	3,00
II	Các trục đường phụ	
1	Từ tiếp đất Trung tâm Y tế đến Trường Trung học phổ thông Ba Bê	2,00
2	Từ tiếp đất nhà ông Tạ Trương Minh TK8 đến tiếp đất nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung TK8	1,50
3	Tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung (TK8) đến hết nhà ông Ma Nguyễn Tuấn TK8	1,50
4	Tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung TK8 đến hết nhà ông Hoàng Văn Quyết TK8	1,50
5	Tiếp đất nhà ông Vũ Minh Khoan TK9 đến hết đất thị trấn (đi Bán Pục)	1,50
6	Từ nhà bà Hà Thị Việt đến đường QL279 dọc hai bên đường	1,50
7	Tiếp đường QL279 (đi Nà Sầm) đến hết đất thị trấn	1,50
8	Tiếp nhà ông Đinh Anh Giao đến hết đất nhà ông Cao Viết Thủ TK4	1,50
9	Từ nhà bà Vi Thị Thắm TK2 đến hết đất nhà ông Lôi Huy Thục TK2	1,50
10	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã (TK4)	
10.1	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã Khu 1 (từ lô 22 đến lô 38 và từ lô 21 đến lô 39 và các lô 21. 39)	1,50
10.2	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã Khu 2. Khu 3 (từ lô 41 đến 51; từ lô 54 đến lô 63; từ lô 66 đến lô 73; từ lô 76 đến lô 82 và các lô 40. 52. 53. 64. 65. 74. 75. 83)	1,50
11	Từ ngã ba (đường giao giữa đường 279 với tuyến 258B mới đổi diện nhà ông Khôi TK3 đến hết đất thị trấn	1,20
III	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	1,00
-	Khu TĐC QL279 (trừ các lô tiếp giáp mặt đường QL 279)	3,00
-	Khu vực giáp đường nội bộ khu TĐC (trừ các lô đất nằm trong dự án TĐC)	3,00
HUYỆN NGÂN SƠN		
I	QL3 (đi về phía Hiệp Lực)	
1	Đoạn từ nhà ông Bế Đình Thanh đến hết đất ông Ngọc Văn Trí	1,00
2	Tiếp hết đất nhà ông Ngọc Văn Trí đến hết đất nhà ông Đường Trung Tuấn	1,00
3	Từ hết đất nhà ông Đường Trung Tuấn đến hết cầu Nà Ha	1,00
4	Tiếp cầu Nà Ha đến hết đất thị trấn Nà Phặc	1,00
5	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến hết đất thôn Bó Danh	1,00
II	QL3 (đi về phía Vân Tùng)	
1	Từ hết đất ở ông Bế Đình Thanh đến hết đất ở nhà ông Hoàng Văn Cẩn	1,00
2	Từ hết đất ở nhà ông Hoàng Văn Cẩn đến cầu Bán Mạch	1,00
3	Từ cầu Bán Mạch đến hết đất thị trấn Nà Phặc	1,00
4	Đường từ (QL3) cách 20m vào đến Phòng khám Đa khoa Nà Phặc	1,00
5	Đường từ (QL3) vào đến cầu Nà Khoang	1,00

III	Đường đi Hà Hiệu (QL279)	
1	Từ ngã ba Nà Phặc cách lộ giới QL3 20m đến hết đất nhà kho chứa vật liệu (ông Nông Văn Giang)	1,00
2	Từ hết đất nhà kho chứa vật liệu (ông Nông Văn Giang) đến hết đất nhà bà Lý Thị Gấm	1,00
3	Từ hết đất nhà bà Lý Thị Gấm đến nhà ông Đồng Văn Tuấn	1,00
4	Từ hết đất nhà ông Đồng Văn Tuấn đến hết đất nhà bà Phạm Thị Sen	1,00
5	Từ hết đất nhà bà Phạm Thị Sen đến hết đất thị trấn Nà Phặc	1,00
6	Từ lộ giới đường QL279 cách 20m (đường Nà Duông - Khuổi Tinh)	1,00
7	Từ lộ giới QL279 cách 20m theo trục đường tránh xử lý điểm đen đến QL3 cách lộ giới 20m	1,00
IV	Các vị trí xung quanh chợ Nà Phặc có khoảng cách là 100m trở lại	1,00
V	Các vị trí đất còn lại thuộc thị trấn	
1	Các thôn vùng cao: Cốc Xá. Mây Van. Lũng Lạ. Phịa Trang. Phịa Đẳng. Lũng Nhà	1,00
2	Các thôn vùng thấp còn lại	1,00
3	Đường Hồ Chí Minh đoạn Nà Phặc	1,00

IX. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

STT	Tên đơn vị hành chính /Vị trí /Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
	XÃ NÔNG THƯỢNG	
I	Tuyến đường Nông Thượng - Thanh Vận (ĐT259)	
1	Cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến cầu Nà Điều	1,00
2	Từ hết cầu Nà Điều đến cầu Cốc Muông	1,30
3	Từ hết cầu Cốc Muông đến cầu Nà Vịt	1,00
4	Từ cầu Nà Vịt đến hết đất ông Hoàng Văn Rận	1,00
5	Từ giáp đất ông Rận đến giáp đất Thanh Vận	1,00
II	Tuyến đường Nông Thượng - Tân Thành - Thái Nguyên	
1	Từ giáp đất ông Lộc Văn Lực đến hết đất ông Nông Văn Lựu	1,00
2	Từ giáp đất ông Nông Văn Lựu đến cầu Pác Cóp (thôn Khuổi Cuông)	1,00
3	Từ cầu Pác Cóp đến hết đất bà Lương Thị Thời	1,00
4	Từ hết đất bà Lương Thị Thời đến cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m	1,00
III	Đường Thái Nguyên (QL3) đoạn từ giáp đất Phường Phùng Chí Kiên đến giáp đất Xuất Hóa	1,20
IV	Đường Nguyễn Văn Tố từ giáp đất phường Sông Cầu đến giáp đất phường Phùng Chí Kiên	1,30
V	Các trục đường nhánh	
1	Từ nhà ông La Hữu Huân đến hết đất ông Đỗ Văn Song	1,00

2	Đường vào Kho K97	
2.1	Từ sau 20m đường Thái Nguyên (QL3) vào 100m Kho K97	1,00
2.2	Từ sau 100m đường vào Kho K97	1,00
3	Đường vào thôn Thôm Luông	1,00
4	Từ hết đất ông Mai Văn Độ vào thôn Nà Chuông	1,00
5	Từ giáp đất ông Phương Tài Long đến giáp đất thôn Khuổi Chang	1,00
6	Từ giáp Trường Trung cấp Nghề đến hết đất ông Hà Đức Sơn. thôn Nà Bản	1,00
7	Từ hết nhà ông Hà Đức Sơn đến thôn Nà Bản	1,00
8	Đường vào khu Khuổi Mài đến nhà ông Lộc Thị Bẹ	1,00
9	Đường từ thôn Thôm Luông (nhà ông Thái) đến đường Tân Thành (khu vực Nà Bon)	1,00
10	Đường từ thôn Thôm Luông (nhà ông Bình) đến thôn Cốc Muông	1,00
11	Các khu vực còn lại	1,00
XÃ DƯƠNG QUANG		
1	Đường Bàn Văn Hoan (từ cầu Dương Quang đến hết đất ông Hoàng Văn Chính)	1,00
2	Từ nhà ông Hoàng Văn Chính đến đầu cánh đồng Nà Pài	1,00
3	Từ hết đất ông Nguyễn Triệu Khiết đến đập tràn Hồ chứa nước Nặm Cắt	3,33
4	Các khu vực còn lại thôn Nà Oì	1,00
5	Khu vực thôn Phặc Tràng	
5.1	Từ hết đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai đến hết đất ông Nguyễn Hữu Khiết	3,00
5.2	Các khu vực còn lại của thôn Phặc Tràng	2,50
5.3	Khu tái định cư Khuổi Kén thuộc Dự án Hồ chứa nước Nặm Cắt	1,25
5.4	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
5.4.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	1,72
5.4.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16.5m	1,76
5.5	Các khu vực còn lại	1,00
6	Khu trục đường Đôn Phong - Bản Chiêng	1,00
7	Khu trục đường liên thôn Nà Oì - Quan Nưa	1,00
8	Khu trục đường liên thôn Nà Pài	1,00
9	Khu đường Nà Cườm	
9.1	Từ hết địa phận phường Sông Cầu đến hết Trường Quân sự tỉnh	1,00
9.2	Từ giáp tTrường Quân sự tỉnh đến hết khu Nà Cườm	1,00
10	Từ ngã ba cầu Quan Nưa đến hết đất ông Đặng Phúc Tài	1,00
11	Trục đường Bản Cẩu - Bản Trang	1,00
12	Trục đường Quan Nưa - Bản Giềng	1,00
13	Các vị trí còn lại của thôn Quan Nưa. Nà Rì	1,00
14	Các khu vực còn lại	1,25

-	Khu tái định cư Bàn Bung	2,00
HUYỆN CHỢ MỚI		
1	Trục đường QL3 (xã Thanh Thịnh. Nông Hạ. Cao Kỳ. Hòa Mục)	
1.1	Xã Thanh Thịnh	
-	Từ hết địa giới hành chính thị trấn Đồng Tâm đến giáp đất nhà bà Đinh Thị Rư	1,40
-	Từ đất nhà bà Đinh Thị Rư đến hết đất nhà ông Hà Bảo Tâm	1,40
-	Từ hết đất nhà ông Hà Bảo Tâm đến giáp đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mường Khe Còn)	1,40
-	Từ đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mường Khe Còn) đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương	1,40
-	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương đến giáp đất xã Nông Hạ	1,40
-	Từ đất nhà bà Đinh Thị Rư đến hết đất nhà ông Trần Văn Lượng	1,40
-	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (đất ở dãy 1)	1,40
-	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (đất ở các dãy còn lại)	1,40
-	Khu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Bình	1,40
-	Tuyến đường QL3 mới Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn): Từ hết địa giới hành chính thị trấn Đồng Tâm đến giáp đất Khu công nghiệp Thanh Bình	1,40
-	Đất ở tại nông thôn thuộc các tuyến đường trục thôn. đường liên thôn; đất ở tại nông thôn trên địa bàn xã Thanh Thịnh	1,40
1.2	Xã Nông Hạ	
-	Từ đất nhà bà Nguyễn Thị Tố Nữ .thôn Nà Mấy đến hết đất nhà ông Trần Đại Thảo. thôn 62	1,40
-	Từ hết đất nhà ông Trần Đại Thảo đến giáp đất xã Cao Kỳ	1,30
-	Đường Nông Hạ - Thanh Vận: Từ nhà ông Hà Văn Huấn. thôn Reo Dài đến hết đất nhà ông Phạm Văn Sử. thôn Cao Thanh	1,30
-	Từ hết đất nhà bà Nguyễn Thị Tố Nữ đến cầu Khe Thi	1,30
1.3	Xã Cao Kỳ	
-	Từ đất nhà ông Hoàng Văn Huế (thôn Nà Cà) đến hết đất Đội Thuế Cao Kỳ	1,40
1.4	Xã Hòa Mục	
-	Từ đất nhà bà Hà Thị Thu (cầu Hòa Mục) đến hết đất nhà ông Hoàng Hữu Lâm	1,20
-	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Hà Hữu Hùng (Bản Chang)	1,20
-	Từ giáp đất thành phố theo đường QL3 về phía Thái Nguyên 300m	1,20
1.5	Các vị trí còn lại của Trục QL3 chưa nêu ở trên	1,30
2	Trục QL3B (xã Tân Sơn)	1,10
3	Đất ở các xã	
3.1	Xã Yên Cư	
-	Từ đất nhà ông Ma Văn Luân (thôn Nà Hoáng) đến hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng)	1,40
-	Từ hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng) đến hết đất	1,30

	nhà ông Ma Văn Tuyên (thôn Phiêng Dương)	
-	Từ hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng) theo tỉnh lộ 256 đến hết đất xã Yên Cư	1,30
-	Đoạn từ hết đất nhà ông Ma Văn Tuyên (thôn Phiêng Dương) đến hết đất thôn Bản Cháo. xã Yên Cư	1,40
3.2	Xã Yên Hân	
-	Từ giáp đất Yên Cư đến hết Nhà Văn hóa thôn Chợ Tinh II	1,30
-	Từ Nhà Văn hóa thôn Chợ Tinh II đến cầu Thôm Châu	1,20
-	Từ cầu Thôm Châu đến cầu Kéo Kít	1,20
3.3	Xã Bình Văn	
-	Từ cổng Thôm Lùng (Thôm Bó) đến đỉnh đèo Kéo Kít (Nà Mố)	1,40
3.4	Xã Như Cồ	
-	Trục tỉnh lộ 256 đoạn từ đất nhà ông Trịnh Viết Minh (thôn Nà Tào) đến hết đất nhà bà Lương Thị Thanh (cầu Khuổi Dân) và từ đất nhà ông Nguyễn Văn Viên đến hết đất nhà bà Hà Thị Thập (chân đèo Bắc Dạt)	1,40
-	Từ đất thuộc địa phận xã Như Cồ đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng	1,30
-	Các vị trí còn lại bám trục đường tỉnh lộ 256	1,30
3.5	Xã Quảng Chu	
-	Từ cầu treo đến đường QL3	1,40
-	Trục đường QL3 mới từ giáp xã Yên Lạc. tỉnh Thái Nguyên đến hết địa phận thôn Nà Choọng. xã Quảng Chu	1,40
3.6	Xã Thanh Vận	
-	Từ nhà ông Bùi Văn Mạnh (thôn Phiêng Khảo) đến hết đất nhà ông Phạm Văn Út (thôn Chùa Lại)	1,00
3.7	Xã Mai Lạp	
-	Từ đất nhà ông Trần Văn Giới (thôn Bản Pá) đến hết đất nhà bà Lương Thị Châm (thôn Khau Tông)	1,00
-	Từ đất nhà ông Nguyễn Hà Ba (thôn Khau Tông) đến hết đất nhà ông Đỗ Văn Toàn (thôn Nà Điếng)	1,00
-	Từ đất nhà ông Đàm Văn Hưng đến hết đất nhà ông Đàm Văn Chuyên (thôn Khau Ràng) sau chợ	1,00
-	Từ đất nhà ông Hà Văn Dân đến hết đất nhà ông Hà Văn Tài (thôn Khau Tông)	1,00
-	Từ đường tràn gần nhà ông Trần Văn Giới đến hết đất nhà ông Hà Văn Triển (thôn Bản Pá)	1,00
-	Từ đất nhà ông Lưu Đình Thứ đến hết đất nhà ông Trần Mạnh Huân (thôn Bản Rá)	1,00
-	Từ đất nhà ông Phạm Văn Đại đến đất nhà ông Phạm Văn Hậu (thôn Bản Ruộc)	1,00
-	Từ hết đất nhà ông Đàm Văn Chuyên đến hết đất nhà ông Lý Văn Bảo (thôn Khau Ràng; đường Pác Cộp - Bản Vá)	1,00
-	Từ hết đất nhà ông Trần Văn Giới đến hết đất nhà ông Trần Văn Hòa (thôn Bản Pá; đường Pán Pá - Tông Vụ)	1,00
-	Đất ở nông thôn còn lại	1,00
3.8	Xã Thanh Mai	
-	Từ đất nhà ông Lương Văn Khoa đến hết đất nhà ông Hà Đức Trí	1,20

3.9	Xã Tân Sơn	
-	Từ đất nhà bà Quý Mụi (Khuổi Đeng 2) đến hết đất nhà ông Bàn Phúc Vạn (Khuổi Đeng 1)	1,00
4	Các vị trí còn lại bám trục đường liên xã chưa nêu ở trên (áp dụng cho tất cả các xã)	1,30
5	Các trục đường liên thôn (áp dụng cho tất cả các xã)	1,60
6	Đất ở nông thôn của các xã	
6.1	Đất ở nông thôn còn lại thị trấn Đồng Tâm và xã Thanh Thịnh	1,30
6.2	Đất ở nông thôn còn lại các xã Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ	1,38
6.3	Đất ở nông thôn còn lại của các xã Mai Lạp, Như Cồ, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vạn, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân	1,30
HUYỆN CHỢ ĐÓN		
I	Trục đường Quốc lộ 3B (qua các xã Đồng Thắng, Phương Viên)	
1	Từ công chợ và trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đồng Thắng có khoảng cách 100m đi về hai phía	1,20
2	Ngã ba thôn Nà Tãi xã Đồng Thắng có khoảng cách 100m đi về hai phía	1,20
3	Xung quanh chợ Phương Viên	
3.1	Từ nhà ông Nông Văn Khải đến ngã ba đường rẽ Bằng Phúc	1,20
3.2	Từ ngã ba đường rẽ Bằng Phúc đến nhà ông Phạm Văn Chức	1,20
3.3	Từ mẫu giáo thôn Nà Dao đến công trản	1,20
4	Các vị trí khác của đường QL3B chưa nêu ở trên	1,20
II	Trục đường QL3C (qua các xã: Bình Trung, Nghĩa Tá, Lương Bằng, Bằng Lãng, Ngọc Phái, Quảng Bạch, Đồng Lạc, Nam Cường)	
1	Chợ Nam Cường: Từ đường lên Trạm Y tế xã Nam Cường đến hết đất nhà ông Ban Văn Thạch	1,50
2	Trung tâm các chợ xã, trụ sở Ủy ban nhân dân các xã có trục đường đi qua khoảng cách 100m đi về hai phía; từ đường rẽ vào trường Trung học phổ thông Bình Trung đi về phía thị trấn Bằng Lũng 100m	1,20
3	Khu tái định cư trường Trung học phổ thông Bình Trung	1,20
4	Trung tâm Ủy ban nhân dân các xã không có chợ có khoảng cách từ 100m đi về hai phía	1,20
5	Từ ranh giới hết đất nhà ông Trần Văn Sinh Tổ 10 (Bằng Lũng), ranh giới đất Ngọc Phái đến khe Tát Ma	1,10
6	Khu tái định cư thôn Phiêng Liêng	1,20
7	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	1,20
III	Trục đường ĐT254B (đi qua các xã: Đồng Thắng, Đại Sảo, Yên Mỹ, Yên Phong, Bình Trung)	
1	Đoạn chợ Yên Phong	
1.1	Từ nhà ông Hà Sỹ Quỳnh đến hết nhà bà Triệu Thị Cách	1,50
1.2	Từ nhà ông Ma Văn Thị đến hết nhà ông Lý Văn Tân	1,50
2	Từ quán nhà ông Ma Văn Tùng đến nhà ông Nguyễn Văn Hoàng	1,10
3	Đường Yên Mỹ đi Mai Lạp (259B)	
3.1	Từ ngã ba Yên Mỹ đến đường rẽ sang Trường Phổ thông cơ sở xã	1,20

	Yên Mỹ	
3.2	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	1,10
4	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	1,10
IV	Trục đường Quốc lộ 3B (đi qua các xã Ngọc Phái. Yên Thượng. Yên Thịnh) và trục đường ĐT255B	
1	Từ đường rẽ Ba Bò đến đất vườn rừng nhà ông Nông Văn Trường (xã Ngọc Phái)	1,20
2	Từ ngã ba Ba Bò (nhà ông Triệu Văn Trọng) đến Nhà Văn hóa thôn Bản Bậy. xã Yên Thượng	1,20
3	Từ Trạm Y tế xã Yên Thịnh đến đầu cầu treo Bản Cậu	1,50
4	Từ ngã ba cầu trần đến hết đất Yên Thịnh (đường vào Mỏ chì kẽm Chợ Điền)	1,10
5	Đường ĐT255B qua thôn Nà Mềm. Nà Nham. xã Yên Thượng	1,10
6	Từ ngã ba Bản Đôn đến Trạm Y tế xã Yên Thịnh	1,20
7	Từ cầu treo Bản Cậu đến hết đất Yên Thịnh	1,10
8	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	1,10
9	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên (Yên Thượng)	1,10
V	Thị tứ Bản Thi	
1	Từ địa phận giáp đất Yên Thịnh đến ngậm tràn đường rẽ Kéo Nàng	1,10
2	Từ ngậm tràn đường rẽ Kéo Nàng đến chân dốc đá Thâm Tàu	1,10
VI	Các trục đường liên xã	
1	Đường liên xã từ Bản Bậy xã Yên Thượng đến hết đất xã Yên Thượng	1,10
2	Đường Phương Viên - Bằng Phúc ĐT257B	
2.1	Từ ngã ba ĐT257 đi Bằng Phúc đến hết nhà ông Ma Văn Hòa	1,20
2.2	Từ dây nhà ông Phạm Văn Phụng đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Ân	1,10
2.3	Từ dây nhà ông Phạm Văn Phụng đến hết đất nhà ông Vi Văn Hoàn	1,10
2.4	Trung tâm Ủy ban nhân dân xã Phương Viên có khoảng cách 100m về hai phía	1,20
2.5	Từ công Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc đến Đập Thủy điện	1,10
2.6	Từ công Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc đến đường rẽ vào Trường Tiểu học xã Bằng Phúc	1,50
2.7	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	1,10
3	Đường Đồng Lạc - Xuân Lạc	
3.1	Từ trụ sở cũ đến trường cấp 2	1,20
3.2	Từ khu hộ Tiều Văn Tham đến khu Nà Lộ	1,20
3.3	Từ trụ sở cũ đến khu hộ Hà Văn Lư	1,20
4	Đường Quảng Bạch - Tân Lập	1,10
5	Đường Bằng Lũng - Đại Sảo	1,10
6	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên	1,10
VII	Các tuyến đường khác	
1	QL3C Bằng Lãng - Yên Phong	1,20
2	QL3C Bình Trung - Yên Phong	1,20
3	QL3C Nghĩa Tá - Bằng Lãng	1,20
4	QL3C Bằng Lãng - Khu C	1,10
5	QL3C Bằng Lãng lên Bản Tàn đoạn qua Bản Lắc	1,50

6	QL3C Bằng Lăng đi Bàn Nhi sang xã Yên Phong	1,10
7	Từ ngã ba QL3C đến từ ngã ba đường đi Búc Duộng	1,20
8	Từ ngã ba thôn Tham Thầu đến chợ Pác Be	1,20
9	Đường từ ngã ba Búc Duộng đi xã Linh Phú. huyện Chiêm Hóa	1,10
VIII	Đất ở nông thôn còn lại	1,10
HUYỆN NA RÌ		
A	Khu vực giáp ranh với thị trấn	
I	Xã Kim Lư	
1	Từ ngã ba công phụ Bệnh viện đến hết đất nhà ông Kinh (QL3B)	1,00
2	Từ cầu cứng Kim Lư đến hết đất Kim Lư (hướng đi Bắc Kạn)	1,00
3	Từ nhà ông Ích Bán Chàng đến ngã ba đường Lùng Cào	1,00
4	Từ ngã ba đường Lùng Cào đến công Pò Sâu (Phiêng Đốc)	1,00
5	Từ công Pò Sâu (Phiêng Đốc) đến công Sọ Trào (Phiêng Đốc)	1,00
6	Từ công Sọ Trào (Phiêng Đốc) đến hết đường bê tông	1,00
7	Từ đầu cầu cứng Kim Lư đến hết đất Kim Lư (QL3B) đến Thôm Thia	1,00
8	Từ ngã ba Pò Khiến đi Khuổi Ít đến công mương Co Tào	1,00
9	Từ ngã ba công phụ Bệnh viện đi Mò Lềng đến giáp QL3B	1,00
10	Các trục đường liên thôn còn lại trong xã	1,00
II	Xã Sơn Thành	
1	Trục QL3B	
1.1	Tiếp đất thị trấn đến cầu Cốc Phát	3,00
1.2	Từ cầu Cốc Phát đến cầu Tà Pải	1,00
1.3	Từ cầu Tà Pải đến công xây nhà ông Thành (xường cưa)	1,00
1.4	Từ công xây nhà ông Thành (xường cưa) đến Kéo Cặp hết đất Sơn Thành	1,00
1.5	Ngã ba nhà ông Luật đi Kim Lư	2,30
2	Quốc lộ 279	
2.1	Từ ngã tư Sơn Thành đến Km13	1,00
2.2	Từ Km13 đến rọ kê đá Nà Khon	1,00
2.3	Từ rọ kê đá Nà Khon đến đường rẽ cầu treo (nhà ông Thăng)	1,00
2.4	Từ đường rẽ cầu treo (nhà ông Thăng) đến hết đất Sơn Thành	1,00
2.5	Từ ngã tư Sơn Thành (đi Khuổi Luông) đến hết nhà ông Tam	1,00
3	Các trục đường khác	
3.1	Ngã ba ông Luật đến công đường rẽ nhà ông Hùng (đường đi Nà Nôm)	1,00
3.2	Tiếp từ công nhà ông Thanh đến cầu Khuổi Diêm (thuộc tuyến Kim Lư - Sơn Thành)	1,00
3.3	Tiếp từ cầu Khuổi Diêm đến QL279	1,00
3.4	Các trục đường trong xã chưa nêu ở trên	1,00
B	Các trung tâm cụm xã	
I	Trung tâm xã Cường Lợi	
1	Từ Kéo Sliéc đến công xây nhà ông Thảo	1,00
2	Công xây nhà ông Thảo đến công trường tiểu học	1,00
3	Từ công trường tiểu học đến công thủy lợi Bó Nạc (Nà Chè)	1,00
4	Từ công Bó Nạc đến chân đập Pác Giáo (Nà Nưa)	1,00
5	Từ công trường tiểu học đến đường rẽ nhà ông Bằng (đường đi Khau Khem)	1,00

6	Từ ngã ba trung học cơ sở đến hết Trạm Y tế	1,00
7	Từ Trạm Y tế đến công Nà Lùng (Pò Nim)	1,00
8	Từ công Nà Lùng đến nhà bà Lả (Pò Nim)	1,00
9	Từ nhà bà Lả đến ngã ba Nà Nura (nhà ông Cẩm)	1,00
10	Từ ngã ba Nà Tăng đến công Thôm Bon (đường đi Văn Vũ)	1,00
11	Công Thôm Bon đến cầu Nà Khưa	1,00
12	Đoạn từ cầu Nà Khưa đến nhà ông Thường	1,00
13	Đoạn từ cầu Nà Khưa đến giáp ranh xã Văn Vũ	1,00
14	Từ Khau Khem đến đường rẽ nhà ông Bằng (Cường Lợi)	1,00
15	Từ chân đập Pác Giáo đi thôn Nặm Dăm hết đất xã Cường Lợi	1,00
16	Từ Nà Piat đến hết đất Cường Lợi giáp ranh xã Kim Lư	1,00
17	Từ ngã ba đường đi Văn Vũ đi xã Cường Lợi đến hết đất nhà ông Chương	1,60
18	Từ giáp đất nhà ông Chương đến khe suối sau nhà ông Hiền	1,60
19	Từ khe sau nhà ông Hiền đến hết đất nhà ông Cẩm	1,00
20	Từ khe suối nhà ông Cẩm đến Kéo Sliéc	1,00
21	Ngã ba đường rẽ đi Văn Vũ đến đỉnh Kéo Hiền (Nà Khun)	3,00
22	Đỉnh Kéo Hiền đến Khau Trường hết đất Cường Lợi	1,00
23	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	1,00
II	Xã Văn Lang	
1	Khu định cư Khuổi Sáp - Nà Hiu	1,00
2	Từ ngã ba QL279 vào chợ cũ đến hết nhà ông Lượng	1,00
3	Từ cầu Khuổi Slúng đến nhà Toàn Oanh (đi Hiệp Lực)	1,50
4	Từ ngã ba QL279 đến hết tường rào trường Phổ thông cơ sở Lạng Sơn (cũ)	1,00
5	Từ QL279 đi Khau Lạ đến gốc Trám	1,00
6	Từ giáp đất Sơn Thành đến cầu Khuổi Slúng	1,00
7	Từ nhà Toàn Oanh đến hết đất Văn Lang (đi Hiệp Lực)	1,00
8	Từ Bó Cốc Mười (Nà Lặng) đến ngã ba thôn Nà Dương	1,00
9	Các trục đường chưa nêu ở trên	1,00
III	Trung tâm xã Xuân Dương	
1	Từ cầu Cốc Càng đến hết nhà cửa hàng vật tư	1,00
2	Từ Cầu Cốc Càng đi xã Dương Sơn đến hết đất xã Xuân Dương	1,00
3	Từ cửa hàng vật tư đến giáp đất xã Liêm Thủy	1,00
4	Từ đường tỉnh 256 thôn Nà Dăm đến hết đất thôn Nà Tuồng giáp đất thôn Nà Lù. xã Thiện Long. huyện Bình Gia. tỉnh Lạng Sơn	1,00
5	Từ đường tỉnh 256 thôn Khu Chợ đến hết đất thôn Bắc Sen. giáp đất thôn Khuổi Tây B. xã Liêm Thủy và thôn Nặm Giàng. xã Đồng Xá	1,00
6	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	1,00
IV	Trung tâm xã Cư Lễ	
1	Trục QL 3B	
1.1	Từ công bi thủy lợi Pò Rì đến cầu Cư Lễ II	1,50
1.2	Từ cầu Cư Lễ II đến cầu Cư Lễ I	1,00
1.3	Từ Kéo Cặp đến công Pò Rì (Cư Lễ)	1,00
1.4	Từ cầu Cư Lễ I đến hết địa phận Cư Lễ giáp xã Trần Phú	1,00
2	Trục QL279	
2.1	Từ ngã ba QL3B đến công Sọ Ngừ (đường đi Lạng Sơn)	1,00

2.2	Từ công Sọ Ngủ đến công của Văng Héo	1,00
2.3	Từ công của Văng Héo đến hết đất Cư Lễ giáp Lạng Sơn	1,00
3	Các trục đường còn lại chưa nêu ở trên	1,00
V	Xã Trần Phú	
1	Từ địa phận Trần Phú đến cầu Văng Mười	1,00
2	Từ cầu Văng Mười đến đầu cầu cứng	1,10
3	Từ đầu cầu cứng đến hết địa phận xã Trần Phú	1,11
4	Hai đầu cầu cứng Trần Phú xuống ngầm	1,11
5	Đường 256 đoạn từ cầu Pác A đến công dưới nhà ông Cười. thôn Nà Chót	1,11
6	Đường liên thôn Nà Liêng. Nà Đầu. Nà Coong từ nhà bà Len. thôn Nà Liêng đến công dưới nhà ông Kiêm. thôn Nà Coong	1,00
7	Từ đường 256 vào thôn Khuổi A đến đường rẽ vào nhà ông Chấn	1,00
8	Từ QL 3B vào đến công xây Quan Làng	1,00
9	Từ công xây Quan Làng đến Suối Phai Cốc Lôm (Từ công xây Quan Làng đến nhà họp thôn Phiêng Put)	1,00
10	Từ đường rẽ Trường Phổ thông cơ sở đến hết đất trụ sở Ủy ban nhân dân xã Trần Phú (Từ đường rẽ Trường Phổ thông cơ sở đến đường vào nhà họp thôn Nà Mới)	1,00
C	Các trục đường liên xã	
1	Các đường liên xã trong huyện	
1.1	Từ ngã ba (QL3B) Cư Lễ đến cầu Pác Ban (Văn Minh)	1,00
1.2	Các đường liên xã còn lại	1,00
2	Các đường liên xã đi qua trung tâm các xã	
2.1	Xã Đồng Xá	
-	Từ đường rẽ đi Nà Vạng đến đập tràn dưới nhà ông Tuấn	1,00
-	Từ đầu đập tràn dưới nhà ông Tuấn đến đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã	1,00
-	Từ đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã đến ngầm dưới nhà ông Đệ	1,00
-	Từ đường rẽ vào Ủy ban nhân dân xã đến công trường học	1,00
2.2	Xã Liêm Thủy	
-	Từ ngã ba Lũng Deng đến hết nhà ông Thật	1,00
-	Từ nhà ông Thật (Na Pi) đến giáp đất Yên Cư (Chợ Mới)	1,00
-	Từ đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã đến Trạm Hạ thế Khuổi Dân	1,00
-	Từ ngã ba Lũng Deng đến giáp xã Xuân Dương	1,00
2.3	Xã Dương Sơn	
-	Từ công cạnh nhà ông Trích đến cầu Nà Giàu	1,00
-	Từ nhà ông Trích đến giáp xã Xuân Dương	1,00
-	Từ cầu Nà Giàu đến giáp đất Trần Phú	1,00
-	Đường liên thôn Rầy Oi - Khuổi Kheo	1,00
2.4	Xã Văn Minh	
-	Từ cầu treo Hát Sao đến công cạnh nhà ông Hỷ	1,00
-	Từ giáp đất Lam Sơn (cũ) đến giáp ranh xã Lương Thành (cũ)	1,00
2.5	Xã Văn Vũ	
-	Từ cầu Nà Bua đến Trạm Hạ thế số 01	1,43
-	Từ Trạm Hạ thế số 01 đến cầu Nà Tà	1,43
-	Từ ngầm Khuổi Khuông đến hết nhà ông Cang (Thôn Khinh)	1,50

-	Từ ngàm Khuồi Khuông đi xã Cường Lợi đến hết đất xã Văn Vũ	1,00
-	Từ giáp đất nhà ông Cang (Thôn Khinh) đến đất nhà ông Hoàng Văn Giang, thôn Chang Ngòa	1,00
-	Từ Chợ Văn Vũ đến cầu Bắc Ái, thôn Khuồi Vạc	1,00
2.6	Xã Kim Hỷ	
-	Từ khe nước Khuồi Trà qua trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết đất Nhà Văn hóa thôn Bản Vèn	1,00
-	Từ giáp đất Lương Thượng đến hết đất Kim Hỷ (QL279)	1,00
2.7	Xã Côn Minh	
-	Từ ngã ba Chợ B đi xã Cao Sơn đến hết thôn Chợ B	1,00
-	Từ Nà Làng đến địa phận thôn Bản Cuôn	1,00
-	Từ địa phận thôn Bản Cuôn đến hết thôn Bản Cào	1,00
-	Từ địa phận xã Côn Minh đến cầu Khuồi Măng	1,00
-	Từ cầu Khuồi Măng đến công bi (ao ông Đạo)	1,00
-	Từ công bi (ao ông Đạo) đến hết đất Côn Minh giáp đất Chợ Mới	1,00
2.8	Xã Quang Phong	
-	Từ QL3B đến hết địa phận Quang Phong đi Đồng Xá	1,00
-	Từ địa phận Quang Phong đến công Nà Lay (Quang Phong)	1,00
-	Từ công Nà Lay đến cầu Khuồi Can (Quang Phong)	1,00
-	Từ cầu Khuồi Can đến hết địa phận Quang Phong giáp xã Côn Minh	1,00
-	Từ nhà ông Hoàng Văn Tường thôn Ka Đoóng đến công ao ông Hoàng Hoa Lư (hết địa phận thôn Ka Đoóng)	1,00
-	Từ nhà bà Hằng, thôn Quan Làng đi thôn Nà Vả đến công Trường Mầm non xã Quang Phong	1,00
-	Từ công Trường Mầm non đi thôn Nà Cà đến công Khuồi Muông	1,00
-	Từ công Khuồi Muông đi thôn Tham Không đến cầu bê tông Khuồi Thiến	1,00
2.9	Xã Lương Thượng	
-	Từ giáp đất xã Văn Lang đến cầu Nà Làng	1,00
-	Từ cầu Nà Làng đến giáp đất xã Kim Hỷ	1,00
D	Các vị trí chưa nêu ở trên	1,00
-	Từ cầu cứng sang thôn Khuồi Sluôn đến cầu cứng sang thôn Nà Giàu (xã Dương Sơn)	1,67
-	Từ cầu cứng sang thôn Khuồi Sluôn đến giáp xã Xuân Dương (xã Dương Sơn)	1,17
-	Từ cầu Nà Giàu đến giáp đất xã Trần Phú (xã Dương Sơn)	1,17
-	Từ đường QL 3B đến suối Khuồi Khiếu (xã Trần Phú)	1,33
HUYỆN BẠCH THÔNG		
A	Khu vực các xã	
1	Đoạn từ hết đất Nhà Bia tưởng niệm Đèo Giàng (đường Sỹ Bình - Vũ Muộn - Cao Sơn) đến hết địa phận huyện Bạch Thông	1,00
2	Từ tiếp giáp đất thị trấn Phủ Thông đến hết đất nhà ông Hà Văn Thập	1,80
3	Tiếp giáp từ nhà ông Hà Văn Thập đến công Ba Phường, xã Cẩm Giàng (bám dọc QL3)	1,10
4	Đoạn từ Cầu Đeng đến hết đất thị trấn Phủ Thông (bám dọc đường 258)	1,00
5	Đoạn từ giáp ranh đất thành phố Bắc Kạn đến hết địa giới đất	1,21

	Quang Thuận (bám dọc đường QL3B)	
6	Từ giáp ranh đất xã Quang Thuận đến hết địa phận xã Dương Phong (bám dọc đường QL3B)	1,10
7	Từ giáp ranh đất thị trấn Phù Thông bám dọc tỉnh lộ 258 đến hết đất xã Vi Hương	1,00
8	Đường trục chính liên xã Quân Hà, Lục Bình, Tân Tú, Vi Hương, thị trấn Phù Thông giáp tỉnh lộ 258	1,10
9	Từ ngã ba Bru điện Tân Tú (thông Pò Đeng) ra QL3	1,00
10	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Lục Bình đến nhà ông Lao Văn Huân	1,20
11	Từ cầu thôn Khau Mạ đến cầu Tả Liên thôn Nà Phả, xã Quân Hà	1,00
12	Đất ở trung tâm Ủy ban nhân dân các xã (cũ, mới) có khoảng cách 100m	1,20
13	Các đường trục xã và liên xã còn lại	1,00
14	Đất ở nông thôn còn lại trong huyện	1,50
B	Đất khu vực xã Cẩm Giàng và dọc đường QL3	
1	Đoạn từ công Ba Phường đến đường rẽ Nhà máy Gạch Tuynel Cẩm Giàng	1,10
2	Các ô đất lô 2 khu tái định cư luyện gang Cẩm Giàng và lô 2 khu Chợ cũ Cẩm Giàng	1,00
3	Đoạn từ hết đường rẽ vào Nhà máy Gạch Tuynel đến giáp đất thành phố Bắc Kạn (bám dọc trục QL3)	1,10
4	Đoạn từ cách lộ giới QL3 20m lên công Trường Trung học cơ sở Cẩm Giàng (Trừ lô 2 khu chợ cũ)	1,00
	HUYỆN BA BÈ	
	Đất khu du lịch, đất ven các trục đường giao thông, các khu trung tâm Ủy ban nhân dân xã, trung tâm chợ, đất ở nông thôn	
I	Đất khu du lịch	
1	Từ hết đất ông Vũ Kim Quy, thôn Dài Khao, xã Thượng Giáo đến hết đất ở nhà bà Hoàng Thị Diễm thôn Bản Nàn, xã Khang Ninh (dọc hai bên đường)	2,50
2	Từ tiếp đất ở nhà bà Hoàng Thị Diễm đến hết thôn Nà Mắm xã Khang Ninh (dọc hai bên đường ĐT258)	2,50
3	Từ đập tràn Bó Lù đến hết thôn Pác Ngòi, xã Nam Mẫu	3,00
4	Khu vực Bến phà (bờ Bắc)	3,00
5	Khu vực nhà nghỉ Công ty Cổ phần Sài Gòn - Ba Bè	3,00
6	Từ Trụ sở xã Nam Mẫu xuống bến phà (bờ Nam)	3,00
7	Khu động Hua Mạ từ trung tâm đường rẽ lên động bán kính 100m	1,50
8	Từ ngã ba đường 258A (thôn Bản Vài) rẽ đi Cao Thượng (khu di tích lịch sử Đài Tiếng nói Việt Nam) đến nhà ông Dương Văn Hoàng, thôn Bản Vài (bên tả ly dương)	1,50
II	Đất ở dọc trục đường ĐT258 (dọc hai bên đường)	
1	Từ tiếp đất thị trấn đến công cạnh nhà bà Hoàng Thị Chiến, thôn Nà Mô, xã Địa Linh	1,20
2	Từ tiếp công cạnh nhà bà Hoàng Thị Chiến đến nhà ông La Dương Nước ngã ba đường rẽ vào Bản Vàng, xã Địa Linh	1,20
3	Tiếp từ ngã ba đường rẽ vào Bản Vàng, xã Địa Linh đi về phía	1,20

	Phủ Thông (đọc hai bên đường ĐT258) đến hết đất huyện Ba Bể	
4	Từ tiếp đất thị trấn đến hết đất ông Vũ Kim Quy. thôn Dài Khao xã Thượng Giáo	1,20
5	Đường ĐT258 từ đầu Cầu Trù cũ đi qua thôn Pù Mát (xã Chu Hương)	1,20
III	Đường QL279 (đọc hai bên đường)	
1	Từ nhà ông Lý Văn Kiệm thôn Bản Mới. xã Hà Hiệu đến hết nhà ông Đàm Văn Vụ. thôn Nà Ma. xã Hà Hiệu	1,50
2	Từ hết đất nhà ông Đàm Văn Vụ đến đầu cầu treo sang trường học Hà Hiệu	1,20
3	Từ đầu cầu treo sang trường học Hà Hiệu đến hết đất Ba Bể (đi thị trấn Nà Phặc)	1,20
4	Từ hết đất nhà ông Lý Văn Kiệm thôn Bản Mới. xã Hà Hiệu đến cầu treo Bản Hon. xã Bành Trạch	1,20
5	Từ cầu treo Bản Hon đến tiếp giáp đất thị trấn	1,20
6	Từ tiếp đất thị trấn qua Phiêng Chi đến cầu Kéo Mất xã Thượng Giáo	1,20
7	Từ cầu Kéo Mất xã Thượng Giáo đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Cường đi Cao Tân	1,20
8	Tiếp đất xã Thượng Giáo (hết đất nhà ông Đặng Văn Nhất. thôn Nà Chả xã Thượng Giáo) đến hết đất xã Cao Thượng đi Tuyên Quang.	1,20
IV	Đường ĐT253 (212)	
1	Từ ngã ba cầu Bản Mới đến hết đất nhà ông Nguyễn Đạt Tuấn (thôn Bản Mới. xã Hà Hiệu)	1,05
2	Từ hết đất nhà ông Nguyễn Đạt Tuấn đến hết đất xã Hà Hiệu	1,05
3	Từ tiếp đất xã Hà Hiệu đến hết đất nhà ông Lý Văn Mến. thôn Thiêng Diễm. xã Phúc Lộc.	1,05
4	Từ tiếp đất nhà ông Lý Văn Mến đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Nam. thôn Nà Hoi. xã Phúc Lộc	1,05
5	Từ tiếp đất nhà ông Hoàng Văn Nam đến hết đất nhà ông Hoàng Văn La. thôn Nà Hoi. xã Phúc Lộc	1,05
V	Đường ĐT258B	
1	Từ đầu cầu Tin Đồn đến công Kéo Ngay (đường đi Pác Nặm)	1,05
2	Từ công Kéo Ngay đến nhà ông Hà Văn Thuận (thôn Nà Ché)	1,05
3	Từ nhà ông Hà Văn Thuận đến hết đất Ba Bể	1,05
VI	Các trục đường phụ	
1	Tiếp đất thị trấn đến cầu treo Cốc Phát (theo đường từ ngã ba Cầu Toòng)	1,05
2	Từ đất nhà bà Đinh Thị Vĩ TK9 đến hết đất nhà ông Triệu Huy Toàn thôn Nà Hán (theo đường vào Bản Pục)	1,05
3	Từ đầu cầu Tin Đồn đến hết nhà ông Nguyễn Đỗ Kim (cũ) đi về phía thôn Phiêng Toàn. xã Thượng Giáo	1,10
4	Từ tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Kim (cũ) đến cầu Kéo Mất. xã Thượng Giáo	1,10
5	Từ ngã ba rẽ đi Hoàng Trĩ đến ngã ba rẽ lên Đồn Đền. xã Quảng Khê	1,50
6	Đường từ Thượng Giáo (ngã ba kéo Giả Eng) đi Đồn Đền	1,50
7	Từ giáp đất xã Quảng Khê đến thác Tát Mạ. xã Hoàng Trĩ	1,10

8	Từ ngã ba đường 279 đến bến xuồng Pác Shai. xã Cao Thượng	1,10
9	Từ tiếp đất Thị Trấn đến ngã ba đường giao với đường từ nhà ông Mông Văn Thiện đến cầu treo Cốc Phát	1,10
10	Từ ngã ba thôn Thiêng Điem (Phúc Lộc) đến ngã ba đường 279 thôn Nà Khao	1,10
VII	Đất ở xung quanh trụ sở UBND xã (mới, cũ), xung quanh Bru điện xã, chợ và trường học (trường chính) có khoảng cách 200m (ngoài các vị trên)	1,50
VIII	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	1,05
-	Xã Quảng Khê	
	Tuyến đường xã Nam Mẫu - Quảng Khê đến ngã ba đường rẽ xã Hoàng Trĩ	2,50
	Từ ngã ba đường lên Đồn Đền đến giáp đất xã Đồng Phúc	2,08
	Từ ngã ba đường lên Đồn Đền đến tiếp giáp đất xã Khang Ninh	2,08
-	Xã Khang Ninh	
	Đoạn đường từ ngã ba Cáp Trạng đến Ngã tư nhà nghỉ Hợp Hồng thuộc địa phận thôn thôn Nà Nầm xã Khang Ninh	2,50
	Đất dọc trục đường Đồn Đền	2,50
	Khu ĐC Đồn Đền - Khuổi Luông	2,50
HUYỆN NGÂN SƠN		
A	Xã Hiệp Lực	
I	Trục QL3 (về phía Bạch Thông)	
1	Từ công Bó Lếch đến hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy	
1.1	Từ công Bó Lếch đến hết đất nhà ông Vương	1,00
1.2	Từ hết đất nhà ông Vương đến hết đất nhà ông Tiến	1,00
1.3	Từ hết đất nhà ông Tiến đến hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy đến hết đất Ngân Sơn (giáp huyện Bạch Thông)	1,00
3	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu Slam Pác	1,00
4	Từ cầu Slam Pác đến QL279	1,00
5	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu Bàn Khét	1,00
6	Từ cầu Bàn Khét đến trường học thôn Khuổi Luông	1,00
II	Đi về phía thị trấn Nà Phặc	
1	Từ công Bó Lếch đến hết đất Hiệp Lực (giáp thị trấn Nà Phặc)	1,00
III	Tuyến QL279	
1	Từ ngã ba cách lộ giới (QL3) là 20m đến đường rẽ lên thôn Nà Vài	1,00
2	Từ đường rẽ lên thôn Nà Vài đến hết đất Hiệp Lực	1,00
3	Từ cách lộ giới QL279 20m đến thôn Bó Tỉnh	1,00
4	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đàm Văn Kiến. thôn Nậm Nầu đến đất nhà bà Long Thị Hương	1,00
5	Từ đất nhà bà Long Thị Hương đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Thắng	1,00
6	Từ nhà ông Địch Xuân Bồng đến thôn Bàn Cẩu (đường liên thôn có mặt đường $\geq 03m$)	1,00
7	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thắng đến nhà ông Hoàng Văn Tự thôn Nà Nạc	1,00
IV	Xung quanh chợ Hiệp Lực (khoảng cách là 100m trở lại)	1,00

B	Khu vực xã Vân Tùng	
I	Trục QL3 (đi về phía Nam) dọc hai bên đường	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến hết đất nhà ông Lương Văn Thành	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Lương Văn Thành đến công Trường Tiểu học Vân Tùng	1,00
3	Từ hết Trường Tiểu học Vân Tùng đến nhà bà Hoàng Thị Quế (Từ hết Trường tiểu học Vân Tùng đến ngã ba QL3 đường Hồ Chí Minh)	
3.1	Khu đầu giá quyền sử dụng đất	1,00
3.2	Các khu vực còn lại	1,00
4	Từ hết đất nhà Hoàng Thị Quế đến nhà bà Hoàng Thị Duyên (đường rẽ Lăng Đồn) (Từ Ngã ba QL3 đường Hồ Chí Minh đến nhà bà Hoàng Thị Duyên)	1,00
5	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Duyên (Lăng Đồn) đến đường rẽ thôn Cốc Lùng	1,00
6	Từ đường rẽ thôn Cốc Lùng đến hết đất Cây xăng Đèo Gió	1,00
7	Từ hết đất Cây xăng Đèo Gió đến giáp đất thị trấn Nà Phặc	1,00
II	Trục QL3 (đi về phía Bắc dọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến đường rẽ nhà ông Triệu Văn Ni	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Triệu Văn Ni đến hết địa phận xã Vân Tùng (giáp đất xã Đức Vân)	1,00
III	Các trục đường khác	
1	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên trường nội trú	1,00
2	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến Trạm Truyền hình và trường Trung học phổ thông Ngân Sơn	1,00
3	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến hết đất trụ sở Lâm trường	1,00
4	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m đến hết đất ông Hoàng Văn Cầm (khu I)	1,00
5	Từ hết đất ông Hoàng Văn Cầm đến hết đất ông Hoàng Văn Chức (lô 69. khu II)	1,00
6	Từ hết đất ông Hoàng Văn Chức (lô 69. khu II) đến ngã ba nhà ông Triệu Văn Ni (cách lộ giới QL3 20m)	1,00
7	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Cốc Đán) đến thôn Nà Lạn	1,00
8	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Thượng Quan) đến đất nhà ông Dương	1,00
9	Từ đất nhà ông Dương đến cách lộ giới đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng là 20m	1,00
10	Xung quanh chợ Ngân Sơn (cách chợ là 100m)	1,00
11	Từ cách chợ Ngân Sơn 100m đến nhà ông Nguyễn Đức Bê	1,00
12	Đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng	1,00
C	Xã Đức Vân	
1	Từ địa phận xã Đức Vân (giáp đất xã Vân Tùng) đến hết đất nhà ông Lê Hữu Mười	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Lê Hữu Mười đến đất nhà bà Nông Thị Chanh	1,00
3	Từ đất nhà Nông Thị Chanh đến hết đất Trường Tiểu học xã Đức Vân	1,00
4	Từ hai bên đường QL3 giáp đất Trường Tiểu học Đức Vân đến	1,00

	hết địa phận Đức Vân (giáp xã Bằng Vân)	
5	Từ cách lộ giới QL3 20m đến hết đất nhà ông Lý Văn Nái (ĐT252)	1,00
6	Từ cách lộ giới QL3 20m đến hết đất thôn Bàn Duôi (giáp xã Bằng Vân)	1,00
D	Khu vực xã Bằng Vân	
I	Trục đường QL3 về phía Cao Bằng	
1	Từ ngã ba rẽ khu A. B đến đường rẽ đi xã Cốc Đán	1,00
2	Từ đường rẽ xã Cốc Đán đến đường rẽ mỏ đá (Pù Mò)	1,00
3	Từ đường rẽ mỏ đá đến cua Bật Bông	1,00
4	Từ cua Bật Bông đến hết đất Bằng Vân	
4.1	Từ cua Bật Bông đến hết đất nhà ông Đặng Tuấn Dương	1,00
4.2	Từ hết đất nhà ông Đặng Tuấn Dương đến hết đất Bằng Vân	1,00
5	Từ ngã ba rẽ khu A. B đến thôn Bàn Duôi (xã Đức Vân)	1,00
6	Đường từ (QL3) cách 20m đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bằng Vân (Chợ mới)	1,00
II	Trục đường QL3 về phía Đức Vân	
1	Từ đường rẽ khu A. B đến hết đất nhà ông Ngô Văn Chung	1,00
2	Từ tiếp hết đất nhà ông Ngô Văn Chung đến hết đất xã Bằng Vân	1,00
3	Xung quanh chợ Bằng Vân (cách 200m) (Xung quanh chợ cũ Bằng Vân (cách 200m))	1,00
4	Từ ngã ba rẽ đi Cốc Đán đến hết thôn Cốc Lái	1,00
5	Từ ngã ba cách lộ giới QL3 20m rẽ vào Đông Chót đến nhà ông Đỗ Văn Vinh	1,00
Đ	Xã Thuận Mang	
1	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đinh Thiện Út đến Cây xăng Sáng Thế (Đường QL279 đoạn từ nhà ông Chu Văn Hương đến cây xăng Sáng Thế)	1,00
2	Đoạn từ đường QL279 cách 20m đến hết đường trung tâm nội bộ xã Thuận Mang	1,00
3	Từ Cây xăng Sáng Thế đến nhà ông Bế Đình Hùng (QL279) và đến cầu sắt Bản Giang (ĐT252)	1,11
4	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Bế Đình Hùng đến cầu Nà Chúa	1,00
5	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đinh Thiện Út đến hết đất nhà ông Nông Văn Tý (Đường QL279 đoạn từ nhà ông Chu Văn Hương đến hết đất nhà ông Nông Văn Tý)	1,11
6	Từ tiếp hết đất nhà ông Nông Văn Tý đến cầu sắt thôn Nà Mu (QL279)	1,00
7	Đường QL279 đoạn từ cầu sắt Nà Mu đến nhà ông Triệu Văn Tàn (Thôn Khuôi Tục)	1,00
8	Đường Khu Chợ - Bản Bằng đoạn từ đất nhà ông Đinh Thiện Lạng đến nhà ông Đinh Thiện Bình (Đường khu chợ - Bản Bằng đoạn từ công chợ đến nhà ông Đinh Thiện Ngọc)	1,00
9	Đường Khu Chợ - Bản Bằng đoạn từ cầu Bản Bằng đến nhà bà Đinh Thị Xuyên (thôn Bản Bằng)	1,00
E	Khu vực các xã còn lại	
1	Khu vực trung tâm các xã (gần trụ sở Ủy ban nhân dân xã và chợ có khoảng cách 200m)	1,00

2	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên	1,00
3	Các trục đường liên thôn có mặt đường $\geq 03m$	1,00
4	Đất ở nông thôn các xã còn lại chưa nêu ở trên	1,00
-	Đường trục xã từ QL3 - Nghĩa Trang - Lâm Trường - Nà Slác xã Vân Tùng	3,33
-	Đường từ QL3 cách 50m đến UBND xã Hiệp Lực mới	1,11
HUYỆN PẮC NẠM		
I	Đất ở tại trung tâm xã Bộc Bó	
1	Từ đầu công Kha Mu đến cầu Bó Lục	1,09
2	Từ cầu Bó Lục đến giáp đất nhà ông Đoàn Văn Tiến	1,00
3	Từ đất nhà ông Đoàn Văn Tiến đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Lý (ngã ba Nà Diều)	1,00
4	Tiếp nhà ông Hoàng Văn Lý (ngã ba Nà Diều) đến hết đất nhà ông Nông Văn Viết	1,20
5	Tiếp nhà ông Nông Văn Viết đến công qua đường cạnh nhà bà Liên	1,30
6	Từ công qua đường cạnh nhà bà Liên đến đầu cầu Pác Cóp đi Bằng Thành	1,00
7	Từ ngã ba Nà Diều theo trục đường 258B đến hết nhà bà Dương Thị Hoa (đường lên trường tiểu học)	1,20
8	Từ ngã tư đường đi Nhạn Môn đến đầu đập tràn Nà Sla	1,06
9	Từ đập tràn Nà Sla (nhà ông Quách Văn Doanh) đến đường rẽ đi Khâu Đàng	1,43
10	Từ đường rẽ lên Khâu Đàng đến công Cốc Lái (trục đường Bộc Bó - Nhạn Môn)	1,00
11	Từ ngã ba Điện lực dọc theo đường vào Khôi Nội chính đến đầu ngã ba (Nhà thi đấu đa năng)	1,00
12	Từ ngã ba bắt đầu từ công qua công trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện đến hết ngã tư chợ	1,10
13	Từ ngã ba Nà Diều (đường giao thông nông thôn Đông Léo) đến công phụ Trường Tiểu học Bộc Bó	1,00
14	Đất ở vị trí khác chưa nêu ở trên trong khu trung tâm huyện	1,00
15	Đất ở lô 2 khu dân cư xã Bộc Bó	1,30
16	Từ ngã ba bắt đầu từ công. dọc theo tường rào Ủy ban nhân dân huyện đến hết tường rào Huyện ủy (đường đi Khâu Vai)	1,30
17	Từ tường rào Huyện ủy đến hết nhà ở ông Quách Văn Giai	1,00
18	Từ nhà ông Quách Văn Giai đến ngã ba đường Bộc Bó - Cồ Linh	1,00
19	Từ ngã ba Bưu điện (đất ở dọc trục đường 27m) đến đất nhà ông Đỗ Đình Ba	1,30
20	Tiếp đất nhà ông Đỗ Đình Ba đến công Trường Nội trú	1,20
21	Từ công Trường Nội trú đến đầu cầu treo đường đi Nà Phầy	1,37
22	Từ đầu cầu treo đường đi Nà Phầy đến đập tràn Nậm Mây	1,04
23	Từ đường 258B đến khu dân cư Nà Lặng	1,00
24	Đất ở các tuyến đường cắt ngang đường 27m vào khu vực Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện	1,30
25	Từ ngã ba đường rẽ Khâu Đàng đến cầu treo Tả Quang	1,00
26	Đường thuộc dự án hạ tầng khu dân cư (sau Kho bạc. song song đường 27m)	1,50

27	Đường từ Thăm Ân đến đầu cầu treo Tả Quang	1,00
28	Từ ngã ba Năm Mây (đường Bộc Bó - Cồ Linh) đến hết nhà ông Dương Văn Dur	1,00
II	Đất ở các vị trí khác thuộc trục đường tỉnh lộ 258B (trừ đất ở xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch)	1,00
1	Xã Nghiên Loan	
1.1	Từ Trạm Kiểm lâm đến nhà ông Lý Văn Năm (thôn Khuổi Muồng)	1,00
1.2	Từ nhà ông Hứa Văn Thánh (thôn Khuổi Muồng) đến nhà ông Nông Văn Tới (thôn Nà Vài)	1,00
1.3	Từ nhà ông Lô Văn Lưu (thôn Nà Vài) đến đình Đèo Yêu (giáp đất xã Xuân La)	1,00
2	Xã Xuân La	
2.1	Từ đình Đèo Yêu (giáp đất xã Nghiên Loan) đến cổng Lông Pạo (thôn Thôm Mèo)	1,00
2.2	Từ cổng Lông Pạo thôn Thôm Mèo đến đầu đường rẽ vào thôn Khuổi Khi	1,00
2.3	Từ ngã ba đầu đường rẽ thôn Khuổi Khi đến đình đèo Kéo Pjáo (giáp đất xã Bộc Bó)	1,00
3	Đất ở các xã còn lại	1,00
III	Các trục đường liên xã	
1	Đất ở thuộc các trục đường liên xã	1,00
2	Từ cầu Pác Cóp đi Bằng Thành đến hết đất nhà ông Ma Văn Chấn (xã Bộc Bó)	1,00
3	Đất ở xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (thuộc trục đường tỉnh lộ 258B)	1,00
4	Đất ở xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (các trục đường còn lại)	1,00
IV	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	
1	Xã Bộc Bó	1,00
2	Xã Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Xuân La	1,00
3	Xã An Thắng, Bằng Thành, Cao Tân, Cồ Linh, Nhạn Môn, Công Bằng	1,00

X. ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

STT	Tên Đơn Vị Hành Chính /Vị trí /Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	XÃ NÔNG THƯỢNG	
I	Tuyến đường Nông Thượng - Thanh Vận (ĐT259)	

1	Cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến cầu Nà Diều	1,00
2	Từ hết cầu Nà Diều đến cầu Cốc Muồng	1,30
3	Từ hết cầu Cốc Muồng đến cầu Nà Vịt	1,00
4	Từ cầu Nà Vịt đến hết đất ông Hoàng Văn Rận	1,00
5	Từ giáp đất ông Rận đến giáp đất Thanh Vân	1,00
II	Tuyến đường Nông Thượng - Tân Thành - Thái Nguyên	
1	Từ giáp đất ông Lộc Văn Lục đến hết đất ông Nông Văn Lựu	1,00
2	Từ giáp đất ông Nông Văn Lựu đến cầu Pác Cốp (thôn Khuổi Cuồng)	1,00
3	Từ cầu Pác Cốp đến hết đất bà Lương Thị Thời	1,00
4	Từ hết đất bà Lương Thị Thời đến cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m	1,00
III	Đường Thái Nguyên (QL3) đoạn từ giáp đất Phường Phùng Chí Kiên đến giáp đất Xuất Hóa	1,20
IV	Đường Nguyễn Văn Tố từ giáp đất phường Sông Cầu đến giáp đất Phường Phùng Chí Kiên	1,30
V	Các trục đường nhánh	
1	Từ nhà ông La Hữu Huân đến hết đất ông Đỗ Văn Song	1,00
2	Đường vào Kho K97	
2.1	Từ sau 20m đường Thái Nguyên (QL3) vào 100m Kho K97	1,00
2.2	Từ sau 100m đường vào Kho K97	1,00
3	Đường vào thôn Thôm Luông	1,00
4	Từ hết đất ông Mai Văn Độ vào thôn Nà Chuông	1,00
5	Từ giáp đất ông Phụng Tài Long đến giáp đất thôn Khuổi Chang	1,00
6	Từ giáp Trường Trung cấp Nghề đến hết đất ông Hà Đức Sơn. thôn Nà Bàn	1,00
7	Từ hết nhà ông Hà Đức Sơn đến thôn Nà Bàn	1,00
8	Đường vào khu Khuổi Mài đến nhà ông Lộc Thị Bẹ	1,00
9	Đường từ thôn Thôm Luông (nhà ông Thái) đến đường Tân Thành (khu vực Nà Bon)	1,00
10	Đường từ thôn Thôm Luông (nhà ông Bình) đến thôn Cốc Muồng	1,00
11	Các khu vực còn lại	1,00
	XÃ DƯƠNG QUANG	
1	Đường Bàn Văn Hoan (từ cầu Dương Quang đến hết đất ông Hoàng Văn Chính)	1,00
2	Từ nhà ông Hoàng Văn Chính đến đầu cánh đồng Nà Pài	1,00
3	Từ hết đất ông Nguyễn Triệu Khiết đến đập tràn Hồ chứa nước Nậm Cắt	3,33
4	Các khu vực còn lại thôn Nà Oi	1,00
5	Khu vực thôn Phặc Tràng	
5.1	Từ hết đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai đến hết đất ông Nguyễn Hữu Khiết	3,00
5.2	Các khu vực còn lại của thôn Phặc Tràng	2,50
5.3	Khu tái định cư Khuổi Kén thuộc Dự án Hồ chứa nước Nậm Cắt	1,25
5.4	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
5.4.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	1,72
5.4.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16.5m	1,76

5.5	Các khu vực còn lại	1,00
6	Khu trục đường Đôn Phong - Bản Chiêng	1,00
7	Khu trục đường liên thôn Nà Oì - Quan Nura	1,00
8	Khu trục đường liên thôn Nà Pài	1,00
9	Khu đường Nà Cườm	
9.1	Từ hết địa phận phường Sông Cầu đến hết Trường Quân sự tỉnh	1,00
9.2	Từ giáp Trường Quân sự tỉnh đến hết khu Nà Cườm	1,00
10	Từ ngã ba cầu Quan Nura đến hết đất ông Đặng Phúc Tài	1,00
11	Trục đường Bản Cẩu - Bản Trang	1,00
12	Trục đường Quan Nura - Bản Giêng	1,00
13	Các vị trí còn lại của thôn Quan Nura. Nà Rì	1,00
14	Các khu vực còn lại	1,25
-	Khu tái định cư Bản Bung	2,00
HUYỆN CHỢ MỚI		
1	Trục đường QL3 (xã Thanh Thịnh. Nông Hạ. Cao Kỳ. Hòa Mục)	
1.1	Xã Thanh Thịnh	
-	Từ hết địa giới hành chính thị trấn Đồng Tâm đến giáp đất nhà bà Đinh Thị Rư	1,40
-	Từ đất nhà bà Đinh Thị Rư đến hết đất nhà ông Hà Bảo Tám	1,40
-	Từ hết đất nhà ông Hà Bảo Tám đến giáp đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mường Khe Còn)	1,40
-	Từ đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mường Khe Còn) đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương	1,40
-	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương đến giáp đất xã Nông Hạ	1,40
-	Từ đất nhà bà Đinh Thị Rư đến hết đất nhà ông Trần Văn Lượng	1,40
-	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (đất ở dãy 1)	1,40
-	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (đất ở các dãy còn lại)	1,40
-	Khu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Bình	1,40
-	Tuyến đường QL3 mới Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn): Từ hết địa giới hành chính thị trấn Đồng Tâm đến giáp đất Khu công nghiệp Thanh Bình	1,40
-	Đất ở tại nông thôn thuộc các tuyến đường trục thôn. đường liên thôn; đất ở tại nông thôn trên địa bàn xã Thanh Thịnh	1,40
1.2	Xã Nông Hạ	
-	Từ đất nhà bà Nguyễn Thị Tô Nữ. thôn Nà Mẩy đến hết đất nhà ông Trần Đại Thảo. thôn 62	1,40
-	Từ hết đất nhà ông Trần Đại Thảo đến giáp đất xã Cao Kỳ	1,30
-	Đường Nông Hạ - Thanh Vân: Từ nhà ông Hà Văn Huấn. thôn Reo Dài đến hết đất nhà ông Phạm Văn Sử. thôn Cao Thanh	1,30
-	Từ hết đất nhà bà Nguyễn Thị Tô Nữ đến cầu Khe Thi	1,30
1.3	Xã Cao Kỳ	
-	Từ đất nhà ông Hoàng Văn Huế (thôn Nà Cà) đến hết đất Đội Thuế Cao Kỳ	1,40
1.4	Xã Hòa Mục	
-	Từ đất nhà bà Hà Thị Thu (cầu Hòa Mục) đến hết đất nhà ông Hoàng Hữu Lâm	1,20

-	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Hà Hữu Hùng (Bản Chang)	1,20
-	Từ giáp đất thành phố theo đường QL3 về phía Thái Nguyên 300m	1,20
1.5	Các vị trí còn lại của trục QL3 chưa nêu ở trên	1,30
2	Trục QL3B (xã Tân Sơn)	1,10
3	Đất ở các xã	
3.1	Xã Yên Cư	
-	Từ đất nhà ông Ma Văn Luân (thôn Nà Hoáng) đến hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng)	1,40
-	Từ hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng) đến hết đất nhà ông Ma Văn Tuyên (thôn Phiêng Dương)	1,30
-	Từ hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng) theo tỉnh lộ 256 đến hết đất xã Yên Cư	1,30
-	Đoạn từ hết đất nhà ông Ma Văn Tuyên (thôn Phiêng Dương) đến hết đất thôn Bản Cháo. xã Yên Cư	1,40
3.2	Xã Yên Hân	
-	Từ giáp đất Yên Cư đến hết Nhà Văn hóa thôn Chợ Tinh II	1,30
-	Từ Nhà Văn hóa thôn Chợ Tinh II đến cầu Thôm Châu	1,20
-	Từ cầu Thôm Châu đến cầu Kéo Kít	1,20
3.3	Xã Bình Văn	
-	Từ cổng Thôm Lùng (Thôm Bó) đến đỉnh đèo Kéo Kít (Nà Mố)	1,40
3.4	Xã Như Cồ	
-	Trục tỉnh lộ 256 đoạn từ đất nhà ông Trịnh Việt Minh (thôn Nà Tào) đến hết đất nhà bà Lương Thị Thanh (cầu Khuổi Dân) và từ đất nhà ông Nguyễn Văn Viên đến hết đất nhà bà Hà Thị Thập (chân đèo Bắc Dạt)	1,40
-	Từ đất thuộc địa phận xã Như Cồ đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng	1,30
-	Các vị trí còn lại bám trục đường tỉnh lộ 256	1,30
3.5	Xã Quảng Chu	
-	Từ cầu treo đến đường QL3	1,40
-	Trục đường QL3 mới từ giáp xã Yên Lạc. tỉnh Thái Nguyên đến hết địa phận thôn Nà Choong. xã Quảng Chu	1,40
3.6	Xã Thanh Vân	
-	Từ nhà ông Bùi Văn Mạnh (thôn Phiêng Khảo) đến hết đất nhà ông Phan Văn Út (thôn Chúa Lại)	1,00
3.7	Xã Mai Lạp	
-	Từ đất nhà ông Trần Văn Giới (thôn Bản Pá) đến hết đất nhà bà Lương Thị Châm (thôn Khau Tông)	1,00
-	Từ đất nhà ông Nguyễn Hà Ba (thôn Khau Tông) đến hết đất nhà ông Đỗ Văn Toàn (thôn Nà Điếng)	1,00
-	Từ đất nhà ông Đàm Văn Hưng đến hết đất nhà ông Đàm Văn Chuyên (thôn Khau Ràng) sau chợ	1,00
-	Từ đất nhà ông Hà Văn Dân đến hết đất nhà ông Hà Văn Tài (thôn Khau Tông)	1,00
-	Từ đường tràn gân nhà ông Trần Văn Giới đến hết đất nhà ông Hà Văn Triển (thôn Bản Pá)	1,00
-	Từ đất nhà ông Lưu Đình Thứ đến hết đất nhà ông Trần Mạnh	1,00

	Huân (thôn Bản Rá)	
-	Từ đất nhà ông Phạm Văn Đại đến đất nhà ông Phạm Văn Hậu (thôn Bản Ruộc)	1,00
-	Từ hết đất nhà ông Đàm Văn Chuyên đến hết đất nhà ông Lý Văn Bào (thôn Khau Ràng; đường Pác Cốp - Bản Vá)	1,00
-	Từ hết đất nhà ông Trần Văn Giới đến hết đất nhà ông Trần Văn Hòa (thôn Bản Pá; đường Pán Pá - Tổng Vụ)	1,00
-	Đất còn lại	1,00
3.8	Xã Thanh Mai	
-	Từ đất nhà ông Lương Văn Khoa đến hết đất nhà ông Hà Đức Trí	1,20
3.9	Xã Tân Sơn	
-	Từ đất nhà bà Quý Mụi (Khuổi Đeng 2) đến hết đất nhà ông Bàn Phúc Vạn (Khuổi Đeng 1)	1,00
4	Các vị trí còn lại bám trục đường liên xã chưa nêu ở trên (áp dụng cho tất cả các xã)	1,30
5	Các trục đường liên thôn (áp dụng cho tất cả các xã)	1,60
6	Đất tại các xã	
6.1	Đất còn lại của thị trấn Đồng Tâm và xã Thanh Thịnh	1,30
6.2	Đất còn lại của các xã Cao Kỳ. Hòa Mục. Nông Hạ	1,38
6.3	Đất còn lại của các xã Mai Lạp. Như Cồ. Quảng Chu. Tân Sơn. Thanh Mai. Thanh Vạn. Bình Văn. Yên Cư. Yên Hân	1,30
HUYỆN CHỢ ĐỒN		
I	Trục đường Quốc lộ 3B (qua các xã Đồng Thắng. Phương Viên)	
1	Từ công chợ và trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đồng Thắng có khoảng cách 100m đi về hai phía	1,20
2	Ngã ba thôn Nà Tái. xã Đồng Thắng có khoảng cách 100m đi về hai phía	1,20
3	Xung quanh chợ Phương Viên	
3.1	Từ nhà ông Nông Văn Khải đến ngã ba đường rẽ Bằng Phúc	1,20
3.2	Từ ngã ba đường rẽ Bằng Phúc đến nhà ông Phạm Văn Chức	1,20
3.3	Từ mẫu giáo thôn Nà Dao đến công tràn	1,20
4	Các vị trí khác của đường QL3B chưa nêu ở trên	1,20
II	Trục đường QL3C (qua các xã: Bình Trung. Nghĩa Tá. Lương Bằng. Bằng Lãng. Ngọc Phái. Quảng Bạch. Đồng Lạc. Nam Cường)	
1	Chợ Nam Cường: Từ đường lên Trạm Y tế xã Nam Cường đến hết đất nhà ông Ban Văn Thạch	1,50
2	Trung tâm các chợ xã. trụ sở Ủy ban nhân dân các xã có trục đường đi qua khoảng cách 100m đi về hai phía; từ đường rẽ vào Trường Trung học phổ thông Bình Trung đi về phía thị trấn Bằng Lũng 100m	1,20
3	Khu tái định cư Trường Trung học phổ thông Bình Trung	1,20
4	Trung tâm Ủy ban nhân dân các xã không có chợ có khoảng cách từ 100m đi về hai phía	1,20
5	Từ ranh giới hết đất nhà ông Trần Văn Sinh. Tổ 10 (Bằng Lũng). ranh giới đất Ngọc Phái đến khe Tát Ma	1,10

6	Khu tái định cư thôn Phiêng Liêng	1,20
7	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	1,20
III	Trục đường ĐT254B (đi qua các xã: Đồng Thắng, Đại Sáo, Yên Mỹ, Yên Phong, Bình Trung)	
1	Đoạn chợ Yên Phong	
1.1	Từ nhà ông Hà Sỹ Quỳnh đến hết nhà bà Triệu Thị Cách	1,50
1.2	Từ nhà ông Ma Văn Thị đến hết nhà ông Lý Văn Tân	1,50
2	Từ quán nhà ông Ma Văn Tùng đến nhà ông Nguyễn Văn Hoàng	1,10
3	Đường Yên Mỹ đi Mai Lạp (259B)	
3.1	Từ ngã ba Yên Mỹ đến đường rẽ sang Trường Phổ thông cơ sở xã Yên Mỹ	1,20
3.2	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	1,10
4	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	1,10
IV	Trục đường Quốc lộ 3B (đi qua các xã Ngọc Phái, Yên Thượng, Yên Thịnh) và trục đường ĐT255B	
1	Từ đường rẽ Ba Bô đến đất vườn rừng nhà ông Nông Văn Trường (xã Ngọc Phái)	1,20
2	Từ ngã ba Ba Bô (nhà ông Triệu Văn Trọng) đến Nhà Văn hóa thôn Bán Bậy, xã Yên Thượng	1,20
3	Từ Trạm Y tế xã Yên Thịnh đến đầu cầu treo Bán Cậu	1,50
4	Từ ngã ba cầu tràn đến hết đất Yên Thịnh (đường vào Mô chỉ kèm Chợ Điện)	1,10
5	Đường ĐT255B qua thôn Nà Mềm, Nà Nham, xã Yên Thượng	1,10
6	Từ ngã ba Bán Đôn đến Trạm Y tế xã Yên Thịnh	1,20
7	Từ cầu treo Bán Cậu đến hết đất Yên Thịnh	1,10
8	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	1,10
9	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên (Yên Thượng)	1,10
V	Thị tứ Bản Thi	
1	Từ địa phận giáp đất Yên Thịnh đến ngậm tràn đường rẽ Kéo Nàng	1,10
2	Từ ngậm tràn đường rẽ Kéo Nàng đến chân dốc đá Thâm Tàu	1,10
VI	Các trục đường liên xã	
1	Đường liên xã từ Bán Bậy xã Yên Thượng đến hết đất xã Yên Thượng	1,10
2	Đường Phương Viên - Bằng Phúc ĐT257B	
2.1	Từ ngã ba ĐT257 đi Bằng Phúc đến hết nhà ông Ma Văn Hòa	1,20
2.2	Từ dãy nhà ông Phạm Văn Phung đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Ân	1,10
2.3	Từ dãy nhà ông Phạm Văn Phung đến hết đất nhà ông Vi Văn Hoàn	1,10
2.4	Trung tâm Ủy ban nhân dân xã Phương Viên có khoảng cách 100m về hai phía	1,20
2.5	Từ công Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc đến Đập Thủy điện	1,10
2.6	Từ công Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc đến đường rẽ vào Trường Tiểu học xã Bằng Phúc	1,50
2.7	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	1,10
3	Đường Đồng Lạc - Xuân Lạc	
3.1	Từ trụ sở cũ đến trường cấp 2	1,20
3.2	Từ khu hộ Tiểu Văn Tham đến khu Nà Lộ	1,20
3.3	Từ trụ sở cũ đến khu hộ Hà Văn Lưu	1,20

4	Đường Quảng Bạch - Tân Lập	1,10
5	Đường Bằng Lũng - Đại Sào	1,10
6	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên	1,10
VII	Các tuyến đường khác	
1	QL3C Bằng Lãng - Yên Phong	1,20
2	QL3C Bình Trung - Yên Phong	1,20
3	QL3C Nghĩa Tá - Yên Phong	1,20
4	QL3C Bằng Lãng - Khu C	1,10
5	QL3C Bằng Lãng lên Bản Tàn đoạn qua Bản Lắc	1,50
6	QL3C Bằng Lãng đi Bản Nhi sang xã Yên Phong	1,10
7	Từ ngã ba QL3C đến từ ngã ba đường đi Búc Duộng	1,20
8	Từ ngã ba thôn Tham Thầu đến chợ Pác Be	1,20
9	Đường từ ngã ba Búc Duộng đi xã Linh Phú. huyện Chiêm Hóa	1,10
VIII	Đất ở nông thôn còn lại	1,10
HUYỆN NA RỊ		
A	Khu vực giáp ranh với thị trấn	
I	Xã Kim Lư	
1	Từ ngã ba công phụ Bệnh viện đến hết đất nhà ông Kinh (QL3B)	1,00
2	Từ cầu cứng Kim Lư đến hết đất Kim Lư (hướng đi Bắc Kạn)	1,00
3	Từ nhà ông Ích Bản Cháng đến ngã ba đường Lùng Cào	1,00
4	Từ ngã ba đường Lùng Cào đến công Pò Sâu (Phiêng Đốc)	1,00
5	Từ công Pò Sâu (Phiêng Đốc) đến công Sọ Trào (Phiêng Đốc)	1,00
6	Từ công Sọ Trào (Phiêng Đốc) đến hết đường bê tông	1,00
7	Từ đầu cầu cứng Kim Lư đến hết đất Kim Lư (QL3B) đến Thôm Thia	1,00
8	Từ ngã ba Pò Khiển đi Khuổi Ít đến công nương Co Tào	1,00
9	Từ ngã ba công phụ Bệnh viện đi Mò Lèng đến giáp QL3B	1,00
10	Các trục đường liên thôn còn lại trong xã	1,00
II	Xã Sơn Thành	
1	Trục QL3B	
1.1	Tiếp đất Thị trấn đến cầu Cốc Phát	3,00
1.2	Từ cầu Cốc Phát đến cầu Tà Pải	1,00
1.3	Từ cầu Tà Pải đến công xây nhà ông Thành (xương cưa)	1,00
1.4	Từ công xây nhà ông Thành (xương cưa) đến Kéo Cặp hết đất xã Sơn Thành	1,00
1.5	Ngã ba nhà ông Luật đi Kim Lư	2,30
2	Quốc lộ 279	
2.1	Từ ngã tư Sơn Thành đến Km13	1,00
2.2	Từ Km13 đến rọ kè đá Nà Khon	1,00
2.3	Từ rọ kè đá Nà Khon đến đường rẽ cầu treo (nhà ông Thăng)	1,00
2.4	Từ đường rẽ cầu treo (nhà ông Thăng) đến hết đất Sơn Thành	1,00
2.5	Từ ngã tư Sơn Thành (đi Khuổi Luông) đến hết nhà ông Tam	1,00
3	Các trục đường khác	
3.1	Ngã ba ông Luật đến công đường rẽ nhà ông Hùng (đường đi Nà Nôm)	1,00
3.2	Tiếp từ công nhà ông Thanh đến cầu Khuổi Diễm (thuộc tuyến Kim Lư - Sơn Thành)	1,00

3.3	Tiếp từ cầu Khuôi Diễm đến QL279	1,00
3.4	Các trục đường trong xã chưa nêu ở trên	1,00
B	Các trung tâm cụm xã	
I	Trung tâm xã Cường Lợi	
1	Từ Kéo Sliếc đến công xây nhà ông Thảo	1,00
2	Công xây nhà ông Thảo đến công trường tiểu học	1,00
3	Từ công trường tiểu học đến công thủy lợi Bó Nạc (Nà Chè)	1,00
4	Từ công Bó Nạc đến chân đập Pác Giáo (Nà Nưa)	1,00
5	Từ công trường tiểu học đến đường rẽ nhà ông Bằng (đường đi Khau Khem)	1,00
6	Từ ngã ba trung học cơ sở đến hết Trạm Y tế	1,00
7	Từ Trạm Y tế đến công Nà Lùng (Pò Nim)	1,00
8	Từ công Nà Lùng đến nhà bà Lả (Pò Nim)	1,00
9	Từ nhà bà Lả đến ngã ba Nà Nưa (nhà ông Cầm)	1,00
10	Từ ngã ba Nà Tầng đến công Thôm Bon (đường đi Văn Vũ)	1,00
11	Công Thôm Bon đến cầu Nà Khưa	1,00
12	Đoạn từ cầu Nà Khưa đến nhà ông Thường	1,00
13	Đoạn từ cầu Nà Khưa đến giáp ranh xã Văn Vũ	1,00
14	Từ Khau Khem đến đường rẽ nhà ông Bằng (Cường Lợi)	1,00
15	Từ chân đập Pác Giáo đi thôn Năm Dăm hết đất xã Cường Lợi	1,00
16	Từ Nà Piat đến hết đất Cường Lợi giáp ranh xã Kim Lư	1,00
17	Từ ngã ba đường đi Văn Vũ đi xã Cường Lợi đến hết đất nhà ông Chương	1,60
18	Từ giáp đất nhà ông Chương đến khe suối sau nhà ông Hiền	1,60
19	Từ khe sau nhà ông Hiền đến hết đất nhà ông Cầm	1,00
20	Từ khe suối nhà ông Cầm đến Kéo Sliếc	1,00
21	Ngã ba đường rẽ đi Văn Vũ đến đỉnh Kéo Hiền (Nà Khun)	3,00
22	Đỉnh Kéo Hiền đến Khau Trường hết đất Cường Lợi	1,00
23	Các trục đường chưa nêu ở trên	1,00
II	Xã Văn Lang	
1	Khu định cư Khuôi Sáp - Nà Hiu	1,00
2	Từ ngã ba QL279 vào chợ cũ đến hết nhà ông Lượng	1,00
3	Từ cầu Khuôi Slúng đến nhà Toàn Oanh (đi Hiệp Lực)	1,50
4	Từ ngã ba QL279 đến hết tường rào trường Phổ thông cơ sở Lang San (cũ)	1,00
5	Từ QL279 đi Khau Lạ đến gốc Trám	1,00
6	Từ giáp đất Sơn Thành đến cầu Khuôi Slúng	1,00
7	Từ nhà Toàn Oanh đến hết đất Văn Lang (đi Hiệp Lực)	1,00
8	Từ Bó Cốc Mười (Nà Lặng) đến ngã ba thôn Nà Đường	1,00
9	Các trục đường chưa nêu ở trên	1,00
III	Trung tâm xã Xuân Dương	
1	Từ cầu Cốc Càng đến hết nhà cửa hàng vật tư	1,00
2	Từ Cầu Cốc Càng đi xã Dương Sơn đến hết đất xã Xuân Dương	1,00
3	Từ cửa hàng vật tư đến giáp đất xã Liêm Thủy	1,00
4	Từ đường tỉnh 256 thôn Nà Dăm đến hết đất thôn Nà Tuồng giáp đất thôn Nà Lù, xã Thiện Long, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	1,00
5	Từ đường tỉnh 256 thôn Khu Chợ đến hết đất thôn Bắc Sen, giáp	1,00

	đất thôn Khuổi Tây B. xã Liêm Thủy và thôn Nặm Giàng. xã Đông Xá	
6	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	1,00
IV	Trung tâm xã Cự Lễ	
1	Trục QL3B	
1.1	Từ công bi thủy lợi Pò Rì đến cầu Cự Lễ II	1,50
1.2	Từ cầu Cự Lễ II đến cầu Cự Lễ I	1,00
1.3	Từ Kéo Cặp đến công Pò Rì (Cự Lễ)	1,00
1.4	Từ cầu Cự Lễ I đến hết địa phận Cự Lễ giáp xã Trần Phú	1,00
2	Trục QL279	
2.1	Từ ngã ba QL3B đến công Sọ Ngủ (đường đi Lạng Sơn)	1,00
2.2	Từ công Sọ Ngủ đến công cua Văng Héo	1,00
2.3	Từ công cua Văng Héo đến hết đất Cự Lễ giáp Lạng Sơn	1,00
3	Các trục đường còn lại chưa nêu ở trên	1,00
V	Xã Trần Phú	
1	Từ địa phận Trần Phú đến cầu Văng Mười	1,00
2	Từ cầu Văng Mười đến đầu cầu cứng	1,10
3	Từ đầu cầu cứng đến hết địa phận xã Trần Phú	1,11
4	Hai đầu cầu cứng Trần Phú xuống ngầm	1,11
5	Đường 256 đoạn từ cầu Pác A đến công dưới nhà ông Cười. thôn Nà Chót	1,11
6	Đường liên thôn Nà Liêng. Nà Đẩu. Nà Coong từ nhà bà Len. thôn Nà Liêng đến công dưới nhà ông Kiểm. thôn Nà Coong	1,00
7	Từ đường 256 vào thôn Khuổi A đến đường rẽ vào nhà ông Chấn	1,00
8	Từ QL 3B vào đến công xây Quan Làng	1,00
9	Từ công xây Quan Làng đến Suối Phai Cốc Lôm (Từ công xây Quan Làng đến nhà họp thôn Phiêng Pút)	1,00
10	Từ đường rẽ Trường Phổ thông cơ sở đến hết đất trụ sở Ủy ban nhân dân xã Trần Phú (Từ đường rẽ Trường Phổ thông cơ sở đến đường vào nhà họp thôn Nà Mới)	1,00
C	Các trục đường liên xã	
1	Các đường liên xã trong huyện	
1.1	Từ ngã ba (QL3B) Cự Lễ đến cầu Pác Ban (Văn Minh)	1,00
1.2	Các đường liên xã còn lại	1,00
2	Các đường liên xã đi qua trung tâm các xã	
2.1	Xã Đông Xá	
-	Từ đường rẽ đi Nà Vạng đến đập tràn dưới nhà ông Tuấn	1,00
-	Từ đầu đập tràn dưới nhà ông Tuấn đến đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã	1,00
-	Từ đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã đến ngầm dưới nhà ông Đệ	1,00
-	Từ đường rẽ vào Ủy ban nhân dân xã đến công trường học	1,00
2.2	Xã Liêm Thủy	
-	Từ ngã ba Lũng Deng đến hết nhà ông Thật	1,00
-	Từ nhà ông Thật (Na Pi) đến giáp đất Yên Cư (Chợ Mới)	1,00
-	Từ đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã đến Trạm Hạ thế Khuổi Dân	1,00
-	Từ ngã ba Lũng Deng đến giáp xã Xuân Dương	1,00
2.3	Xã Dương Sơn	
-	Từ công cạnh nhà ông Trích đến cầu Nà Giàu	1,00

-	Từ nhà ông Trích đến giáp xã Xuân Dương	1,00
-	Từ cầu Nà Giàu đến giáp đất Trần Phú	1,00
-	Đường liên thôn Rầy Oì - Khuổi Kheo	1,00
2.4	Xã Văn Minh	
-	Từ cầu treo Hát Sao đến công cạnh nhà ông Hỷ	1,00
-	Từ giáp đất Lam Sơn (cũ) đến giáp ranh xã Lương Thành (cũ)	1,00
2.5	Xã Văn Vũ	
-	Từ cầu Nà Bưa đến Trạm Hạ thế số 01	1,43
-	Từ Trạm Hạ thế số 01 đến cầu Nà Tà	1,43
-	Từ ngàm Khuổi Khuông đến hết nhà ông Cang (Thôm Khinh)	1,50
-	Từ ngàm Khuổi Khuông đi xã Cường Lợi đến hết đất xã Văn Vũ	1,00
-	Từ giáp đất nhà ông Cang (Thôm Khinh) đến đất nhà ông Hoàng Văn Giang, thôn Chang Ngòa	1,00
-	Từ Chợ Văn Vũ đến cầu Bắc Ai, thôn Khuổi Vạc	1,00
2.6	Xã Kim Hỷ	
-	Từ khe nước Khuổi Trà qua trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết đất Nhà Văn hóa thôn Bản Vèn	1,00
-	Từ giáp đất Lương Thượng đến hết đất Kim Hỷ (QL279)	1,00
2.7	Xã Côn Minh	
-	Từ ngã ba Chợ B đi xã Cao Sơn đến hết thôn Chợ B	1,00
-	Từ Nà Làng đến địa phận thôn Bản Cuôn	1,00
-	Từ địa phận thôn Bản Cuôn đến hết thôn Bản Cào	1,00
-	Từ địa phận xã Côn Minh đến cầu Khuổi Mãng	1,00
-	Từ cầu Khuổi Mãng đến đến công bi (ao ông Đạo)	1,00
-	Từ công bi (ao ông Đạo) đến hết đất Côn Minh giáp đất Chợ Mới	1,00
2.8	Xã Quang Phong	
-	Từ QL3B đến hết địa phận Quang Phong đi Đông Xá	1,00
-	Từ địa phận Quang Phong đến công Nà Lay (Quang Phong)	1,00
-	Từ công Nà Lay đến cầu Khuổi Can (Quang Phong)	1,00
-	Từ cầu Khuổi Can đến hết địa phận Quang Phong giáp xã Côn Minh	1,00
-	Từ nhà ông Hoàng Văn Tướng, thôn Ka Đoóng đến công ao ông Hoàng Hoa Lư (hết địa phận thôn Ka Đoóng)	1,00
-	Từ nhà bà Hằng, thôn Quan Làng đi thôn Nà Vả đến công Trường Mầm non xã Quang Phong	1,00
-	Từ công trường mầm non đi thôn Nà Cà đến công Khuổi Muồng	1,00
-	Từ công Khuổi Muồng đi thôn Tham Không đến cầu bê tông Khuổi Thiên	1,00
2.9	Xã Lương Thượng	
-	Từ giáp đất xã Văn Lang đến cầu Nà Làng	1,00
-	Từ cầu Nà Làng đến giáp đất xã Kim Hỷ	1,00
D	Các vị trí chưa nêu ở trên	1,00
-	Từ cầu cứng sang thôn Khuổi Sluôn đến cầu cứng sang thôn Nà Giàu (xã Dương Sơn)	1,67
-	Từ cầu cứng sang thôn Khuổi Sluôn đến giáp xã Xuân Dương (xã Dương Sơn)	1,17
-	Từ cầu Nà Giàu đến giáp đất xã Trần Phú (xã Dương Sơn)	1,17

-	Từ đường QL 3B đến suối Khuổi Khiếu (xã Trần Phú)	1,33
HUYỆN BẠCH THÔNG		
A	Khu vực các xã	
1	Đoạn từ hết đất Nhà Bia tưởng niệm Đèo Giàng (đường Sỹ Bình - Vũ Muộn - Cao Sơn) đến hết địa phận huyện Bạch Thông	1,00
2	Từ tiếp giáp đất thị trấn Phú Thông đến hết đất nhà ông Hà Văn Thập	1,80
3	Tiếp giáp từ nhà ông Hà Văn Thập đến công Ba Phường, xã Cẩm Giàng (bám dọc QL3)	1,10
4	Đoạn từ Cầu Đeng đến hết đất thị trấn Phú Thông (bám dọc đường 258)	1,00
5	Đoạn từ giáp ranh đất thành phố Bắc Kạn đến hết địa giới đất Quang Thuận (bám dọc đường QL3B)	1,21
6	Từ giáp ranh đất xã Quang Thuận đến hết địa phận xã Dương Phong (bám dọc đường QL3B)	1,10
7	Từ giáp ranh đất thị trấn Phú Thông bám dọc tỉnh lộ 258 đến hết đất xã Vi Hương	1,00
8	Đường trục chính liên xã Quân Hà, Lục Bình, Tân Tú, Vi Hương, thị trấn Phú Thông giáp tỉnh lộ 258	1,10
9	Từ ngã ba Bưu điện Tân Tú (thông Pò Đeng) ra QL3	1,00
10	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Lục Bình đến nhà ông Lao Văn Huấn	1,20
11	Từ cầu thôn Khau Mạ đến cầu Tả Liên thôn Nà Phá, xã Quân Hà	1,00
12	Đất ở trung tâm Ủy ban nhân dân các xã (cũ, mới) có khoảng cách 100m	1,20
13	Các đường trục xã và liên xã còn lại	1,00
14	Đất còn lại trong huyện	1,50
B	Đất khu vực xã Cẩm Giàng và dọc đường QL3	
1	Đoạn từ công Ba Phường đến đường rẽ Nhà máy Gạch Tuynel Cẩm Giàng	1,10
2	Các ô đất lô 2 khu tái định cư luyện gang Cẩm Giàng và lô 2 khu chợ cũ Cẩm Giàng	1,00
3	Đoạn từ hết đường rẽ vào Nhà máy Gạch Tuynel đến giáp đất thành phố Bắc Kạn (bám dọc trục QL3)	1,10
4	Đoạn từ cách lộ giới QL3 20m lên công Trường Trung học cơ sở Cẩm Giàng (trừ lô 2 khu chợ cũ)	1,00
HUYỆN BA BÈ		
	Đất khu du lịch, đất ven các trục đường giao thông, các khu trung tâm Ủy ban nhân dân xã, trung tâm chợ, đất ở nông thôn	
I	Đất khu du lịch	
1	Từ hết đất ông Vũ Kim Quy, thôn Dài Khao, xã Thượng Giáo đến hết đất ở nhà bà Hoàng Thị Điểm thôn Bản Nán, xã Khang Ninh (dọc hai bên đường)	2,50
2	Từ tiếp đất ở nhà bà Hoàng Thị Điểm đến hết thôn Nà Mầm, xã Khang Ninh (dọc hai bên đường ĐT258)	2,50

3	Từ đập tràn Bó Lù đến hết thôn Pác Ngòi, xã Nam Mẫu	3,00
4	Khu vực Bến phà (bờ Bắc)	3,00
5	Khu vực nhà nghỉ Công ty Cổ phần Sài Gòn - Ba Bể	3,00
6	Từ Trụ sở xã Nam Mẫu xuống Bến phà (bờ Nam)	3,00
7	Khu động Hua Mạ từ trung tâm đường rẽ lên động bán kính 100m	1,50
8	Từ ngã ba đường 258A (thôn Bản Vải) rẽ đi Cao Thượng (khu di tích lịch sử Đài Tiếng nói Việt Nam) đến nhà ông Dương Văn Hoàng, thôn Bản Vải (bên tả ly dương)	1,50
II	Đất dọc trục đường ĐT258 (dọc hai bên đường)	
1	Từ tiếp đất thị trấn đến công cạnh nhà bà Hoàng Thị Chiến, thôn Nà Mô, xã Địa Linh	1,20
2	Từ tiếp công cạnh nhà bà Hoàng Thị Chiến đến nhà ông La Dương Nước ngã ba đường rẽ vào Bản Váng, xã Địa Linh	1,20
3	Tiếp từ ngã ba đường rẽ vào Bản Váng, xã Địa Linh đi về phía Phù Thông (dọc hai bên đường ĐT258) đến hết đất huyện Ba Bể	1,20
4	Từ tiếp đất thị trấn đến hết đất ông Vũ Kim Quy, thôn Dài Khao xã Thượng Giáo	1,20
5	Đường ĐT258 từ đầu Cầu Trù cũ đi qua thôn Pù Mắt (xã Chu Hương)	1,20
III	Đường QL279 (dọc hai bên đường)	
1	Từ nhà ông Lý Văn Kiệm, thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu đến hết nhà ông Đàm Văn Vụ, thôn Nà Ma, xã Hà Hiệu	1,50
2	Từ hết đất nhà ông Đàm Văn Vụ đến đầu cầu treo sang trường học Hà Hiệu	1,20
3	Từ đầu cầu treo sang trường học Hà Hiệu đến hết đất Ba Bể (đi thị trấn Nà Phặc)	1,20
4	Từ hết đất nhà ông Lý Văn Kiệm thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu đến cầu treo Bản Hòn, xã Bành Trạch	1,20
5	Từ cầu treo Bản Hòn đến tiếp giáp đất thị trấn	1,20
6	Từ tiếp đất thị trấn qua Phiêng Chì đến cầu Kéo Mắt xã Thượng Giáo	1,20
7	Từ cầu Kéo Mắt xã Thượng Giáo đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Cường đi Cao Tân	1,20
8	Tiếp đất xã Thượng Giáo (hết đất nhà ông Đặng Văn Nhất, thôn Nà Chả xã Thượng Giáo) đến hết đất xã Cao Thượng đi Tuyên Quang.	1,20
IV	Đường ĐT253 (212)	
1	Từ ngã ba cầu Bản Mới đến hết đất nhà ông Nguyễn Đạt Tuấn (thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu)	1,05
2	Từ hết đất nhà ông Nguyễn Đạt Tuấn đến hết đất xã Hà Hiệu	1,05
3	Từ tiếp đất xã Hà Hiệu đến hết đất nhà ông Lý Văn Mên, thôn Thiêng Điem, xã Phúc Lộc.	1,05
4	Từ tiếp đất nhà ông Lý Văn Mên đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Nam, thôn Nà Hoi, xã Phúc Lộc	1,05
5	Từ tiếp đất nhà ông Hoàng Văn Nam đến hết đất nhà ông Hoàng Văn La, thôn Nà Hoi, xã Phúc Lộc	1,05
V	Đường ĐT258B	
1	Từ đầu cầu Tin Đồn đến công Kéo Ngay (đường đi Pác Nặm)	1,05
2	Từ công Kéo Ngay đến nhà ông Hà Văn Thuận (thôn Nà Ché)	1,05
3	Từ nhà ông Hà Văn Thuận đến hết đất Ba Bể	1,05

VI	Các trục đường phụ	
1	Tiếp đất thị trấn đến cầu treo Cốc Phát (theo đường từ ngã ba Cầu Toòng)	1,05
2	Từ đất nhà bà Đinh Thị Vĩ TK9 đến hết đất nhà ông Triệu Huy Toàn, thôn Nà Hán (theo đường vào Bản Pục)	1,05
3	Từ đầu cầu Tin Đồn đến hết nhà ông Nguyễn Đỗ Kim (cũ) đi về phía thôn Phiêng Toản, xã Thượng Giáo	1,10
4	Từ tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Kim (cũ) đến cầu Kéo Mắt, xã Thượng Giáo	1,10
5	Từ ngã ba rẽ đi Hoàng Trĩ đến ngã ba rẽ lên Đồn Đền, xã Quảng Khê	1,50
6	Đường từ Thượng Giáo (ngã ba kéo Già Eng) đi Đồn Đền	1,50
7	Từ giáp đất xã Quảng Khê đến thác Tát Mạ, xã Hoàng Trĩ	1,10
8	Từ ngã ba đường 279 đến bến xường Pác Shai, xã Cao Thượng	1,10
9	Từ tiếp đất thị trấn đến ngã ba đường giao với đường từ nhà ông Mông Văn Thiện đến cầu treo Cốc Phát	1,10
10	Từ ngã ba thôn Thiêng Điem (Phúc Lộc) đến ngã ba đường 279, thôn Nà Khao	1,10
VII	Đất xung quanh trụ sở UBND xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ và trường học (trường chính) có khoảng cách 200m (ngoài các vị trên)	1,50
VIII	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	1,05
-	Xã Quảng Khê	
	Tuyến đường xã Nam Mẫu - Quảng Khê đến ngã ba đường rẽ xã Hoàng Trĩ	2,50
	Từ ngã ba đường lên Đồn Đền đến giáp đất xã Đồng Phúc	2,08
	Từ ngã ba đường lên Đồn Đền đến tiếp giáp đất xã Khang Ninh	2,08
-	Xã Khang Ninh	
	Đoạn đường từ ngã ba Cáp Trạng đến Ngã tư nhà nghi Hợp Hồng thuộc địa phận thôn thôn Nà Năm xã Khang Ninh	2,50
	Đất dọc trục đường Đồn Đền	2,50
	Khu TĐC Đồn Đền - Khuổi Luông	2,50
HUYỆN NGÂN SƠN		
A	Xã Hiệp Lực	
I	Trục (QL3) (về phía Bạch Thông)	
1	Từ công Bó Lếch đến hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy	1,00
1.1	Từ công Bó Lếch đến hết đất nhà ông Vương	1,00
1.2	Từ hết đất nhà ông Vương đến hết đất nhà ông Tiến	1,00
1.3	Từ hết đất nhà ông Tiến đến hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy đến hết đất Ngân Sơn (giáp huyện Bạch Thông)	1,00
3	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu Slam Pác	1,00
4	Từ cầu Slam Pác đến QL279	1,00
5	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu Bản Khét	1,00
6	Từ cầu Bản Khét đến trường học thôn Khuổi Luông	
II	Đi về phía thị trấn Nà Phặc	1,00
1	Từ công Bó Lếch đến hết đất Hiệp Lực (giáp thị trấn Nà Phặc)	
III	Tuyến QL279	1,00
1	Từ ngã ba cách lộ giới (QL3) là 20m đến đường rẽ lên thôn Nà	1,00

	Vài	
2	Từ đường rẽ lên thôn Nà Vài đến hết đất Hiệp Lực	1,00
3	Từ cách lộ giới QL279 20m đến thôn Bó Tình	1,00
4	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đàm Văn Kiên. thôn Liên Kết đến đất nhà bà Long Thị Hương	1,00
5	Từ đất nhà bà Long Thị Hương đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Thắng	1,00
6	Từ nhà ông Địch Xuân Bồng đến thôn Bán Cầu (đường liên thôn có mặt đường $\geq 03m$)	1,00
7	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thắng đến nhà ông Hoàng Văn Tự. thôn Nà Nạc	1,00
IV	Xung quanh chợ Hiệp Lực (khoảng cách là 100m trở lại)	
B	Khu vực xã Vân Tùng	
I	Trục QL3 (đi về phía Nam) dọc hai bên đường	1,00
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến hết đất nhà ông Lương Văn Thành	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Lương Văn Thành đến công Trường Tiểu học Vân Tùng	
3	Từ hết Trường Tiểu học Vân Tùng đến nhà bà Hoàng Thị Quế (Từ hết Trường tiểu học Vân Tùng đến ngã ba QL3 đường Hồ Chí Minh)	1,00
3.1	Khu đấu giá quyền sử dụng đất	1,00
3.2	Các khu vực còn lại	1,00
4	Từ hết đất nhà Hoàng Thị Quế đến nhà bà Hoàng Thị Duyên (đường rẽ Lãng Đồn) (Từ Ngã ba QL3 đường Hồ Chí Minh đến nhà bà Hoàng Thị Duyên)	1,00
5	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Duyên (Lãng Đồn) đến đường rẽ thôn Cốc Lùng	1,00
6	Từ đường rẽ thôn Cốc Lùng đến hết đất Cây xăng Đèo Gió	1,00
7	Từ hết đất Cây xăng Đèo Gió đến giáp đất thị trấn Nà Phặc	
II	Trục QL3 (đi về phía Bắc dọc hai bên đường)	1,00
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến đường rẽ nhà ông Triệu Văn Ni	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Triệu Văn Ni đến hết địa phận xã Vân Tùng (giáp đất xã Đức Vân)	
III	Các trục đường khác	1,00
1	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên Trường Nội trú	1,00
2	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến Trạm Truyền hình và Trường Trung học phổ thông Ngân Sơn	1,00
3	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến hết đất trụ sở Lâm trường	1,00
4	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m đến hết đất ông Hoàng Văn Cầm (khu I)	1,00
5	Từ hết đất ông Hoàng Văn Cầm đến hết đất ông Hoàng Văn Chức (kô 69. khu II)	1,00
6	Từ hết đất ông Hoàng Văn Chức (lô 69. khu II) đến ngã ba nhà ông Triệu Văn Ni (cách lộ giới QL3 20m)	1,00
7	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Cốc Đán) đến thôn Nà Lạn	1,00
8	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Thượng	1,00

	Quan) đến đất nhà ông Dương	
9	Từ đất nhà ông Dương đến cách lộ giới đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng là 20m	1,00
10	Xung quanh chợ Ngân Sơn (cách chợ là 100m)	1,00
11	Từ cách chợ Ngân Sơn 100m đến nhà ông Nguyễn Đức Bé	1,00
12	Đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng	
C	Xã Đức Vân	1,00
1	Từ địa phận xã Đức Vân (giáp đất xã Vân Tùng) đến hết đất nhà ông Lê Hữu Mười	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Lê Hữu Mười đến đất nhà bà Nông Thị Chanh	1,00
3	Từ đất nhà Nông Thị Chanh đến hết đất Trường Tiểu học xã Đức Vân	1,00
4	Từ hai bên đường QL3 giáp đất Trường Tiểu học Đức Vân đến hết địa phận Đức Vân (giáp xã Bằng Vân)	1,00
5	Từ cách lộ giới QL3 20m đến hết đất nhà ông Lý Văn Nái (ĐT252)	1,00
6	Từ cách lộ giới QL3 20m đến hết đất thôn Bàn Duôi (giáp xã Bằng Vân)	
D	Khu vực xã Bằng Vân	
I	Trục đường QL3 về phía Cao Bằng	1,00
1	Từ ngã ba rẽ khu A. B đến đường rẽ đi xã Cốc Đán	1,00
2	Từ đường rẽ xã Cốc Đán đến đường rẽ mỏ đá (Pù Mò)	1,00
3	Từ đường rẽ mỏ đá đến cửa Bật Bông	
4	Từ cửa Bật Bông đến hết đất Bằng Vân	1,00
4.1	Từ cửa Bật Bông đến hết đất nhà ông Đặng Tuấn Dương	1,00
4.2	Từ hết đất nhà ông Đặng Tuấn Dương đến hết đất Bằng Vân	1,00
5	Từ ngã ba rẽ khu A. B đến thôn Bàn Duôi (xã Đức Vân)	1,00
6	Đường từ (QL3) cách 20m đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bằng Vân	
II	Trục đường QL3 về phía Đức Vân	1,00
1	Từ đường rẽ khu A. B đến hết đất nhà ông Ngô Văn Chung	1,00
2	Từ tiếp hết đất nhà ông Ngô Văn Chung đến hết đất xã Bằng Vân	1,00
3	Xung quanh chợ Bằng Vân (cách 200m) (Xung quanh chợ cũ Bằng Vân (cách 200m))	1,00
4	Từ ngã ba rẽ đi Cốc Đán đến hết thôn Cốc Lái	1,00
5	Từ ngã ba cách lộ giới QL3 20m rẽ vào Đông Chót đến nhà ông Đỗ Văn Vinh	
Đ	Xã Thuận Mang	
1	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đinh Thiện Út đến Cây xăng Sáng Thế (Đường QL279 đoạn từ nhà ông Chu Văn Hường đến cây xăng Sáng Thế)	1,00
2	Đoạn từ đường QL279 cách 20m đến hết đường trung tâm nội bộ xã Thuận Mang	1,00
3	Từ Cây xăng Sáng Thế đến nhà ông Bé Đình Hùng (QL279) và đến cầu sắt Bàn Giang (ĐT252)	1,11
4	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Bé Đình Hùng đến cầu Nà Chúa	1,00
5	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đinh Thiện Út đến hết đất nhà ông Nông Văn Tỷ (Đường QL279 đoạn từ nhà ông Chu Văn Hường đến hết đất nhà ông Nông Văn Tỷ)	1,11

6	Từ tiếp hết đất nhà ông Nông Văn Tý đến cầu sắt thôn Nà Mu (QL279)	1,00
7	Đường QL279 đoạn từ cầu sắt Nà Mu đến nhà ông Triệu Văn Tàn (Thôn Khuổi Tục)	1,00
8	Đường Khu Chợ - Bản Bàng đoạn từ đất nhà ông Đinh Thiện Lang đến nhà ông Đinh Thiện Bình (Đường khu chợ - Bản Bàng đoạn từ công chợ đến nhà ông Đinh Thiện Ngọc)	1,00
9	Đường Khu Chợ - Bản Bàng đoạn từ cầu Bản Bàng đến nhà bà Đinh Thị Xuyên (thôn Bản Bàng)	1,00
E	Khu vực các xã còn lại	
1	Khu vực trung tâm các xã (gần trụ sở Ủy ban nhân dân xã và chợ có khoảng cách 200m)	1,00
2	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên	1,00
3	Các trục đường liên thôn có mặt đường $\geq 03m$	1,00
4	Đất tại các xã còn lại chưa nêu ở trên	1,00
-	Đường trục xã từ QL3 - Nghĩa Trang - Lâm Trường - Nà Slác xã Vân Tùng	3,33
-	Đường từ QL3 cách 50m đến UBND xã Hiệp Lực mới	1,11
HUYỆN PÁC NẠM		
I	Đất ở tại trung tâm xã Bộc Bó	
1	Từ đầu công Kha Mu đến cầu Bó Lục	1,09
2	Từ cầu Bó Lục đến giáp đất nhà ông Đoàn Văn Tiến	1,00
3	Từ đất nhà ông Đoàn Văn Tiến đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Lý (ngã ba Nà Diều)	1,00
4	Tiếp nhà ông Hoàng Văn Lý (ngã ba Nà Diều) đến hết đất nhà ông Nông Văn Viết	1,20
5	Tiếp nhà ông Nông Văn Viết đến công qua đường cạnh nhà bà Liên	1,30
6	Từ công qua đường cạnh nhà bà Liên đến đầu cầu Pác Cốp đi Bằng Thành	1,00
7	Từ ngã ba Nà Diều theo trục đường 258B đến hết nhà bà Dương Thị Hoa (đường lên trường tiểu học)	1,20
8	Từ ngã tư đường đi Nhạn Môn đến đầu đập tràn Nà Sla	1,06
9	Từ đập tràn Nà Sla (nhà ông Quách Văn Doanh) đến đường rẽ đi Khâu Đẳng	1,43
10	Từ đường rẽ lên Khâu Đẳng đến công Cốc Lải (trục đường Bộc Bó - Nhạn Môn)	1,00
11	Từ ngã ba Điện lực dọc theo đường vào Khối Nội chính đến đầu ngã ba (Nhà thi đấu đa năng)	1,00
12	Từ ngã ba bắt đầu từ công qua công trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện đến hết ngã tư chợ	1,10
13	Từ ngã ba Nà Diều (đường giao thông nông thôn Đông Léo) đến công phụ Trường Tiểu học Bộc Bó	1,00
14	Đất vị trí khác chưa nêu ở trên trong khu trung tâm huyện	1,00
15	Đất lô 2 khu dân cư xã Bộc Bó	1,30
16	Từ ngã ba bắt đầu từ công, dọc theo tường rào Ủy ban nhân dân huyện đến hết tường rào Huyện ủy (đường đi Khâu Vai)	1,30
17	Từ tường rào Huyện ủy đến hết nhà ở ông Quách Văn Giai	1,00
18	Từ nhà ông Quách Văn Giai đến ngã ba đường Bộc Bó - Cồ Linh	1,00

19	Từ ngã ba Bưu điện (đất ở dọc trục đường 27m) đến đất nhà ông Đỗ Đình Ba	1,30
20	Tiếp đất nhà ông Đỗ Đình Ba đến công Trường Nội trú	1,20
21	Từ công Trường Nội trú đến đầu cầu treo đường đi Nà Phây	1,37
22	Từ đầu cầu treo đường đi Nà Phây đến đập tràn Năm Mây	1,04
23	Từ đường 258B đến khu dân cư Nà Lặng	1,00
24	Đất ở các tuyến đường cắt ngang đường 27m vào khu vực Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện	1,30
25	Từ ngã ba đường rẽ Khâu Đăng đến cầu treo Tả Quang	1,00
26	Đường thuộc dự án hạ tầng khu dân cư (sau Kho bạc. song song đường 27m)	1,50
27	Đường từ Thăm Ến đến đầu cầu treo Tả Quang	1,00
28	Từ ngã ba Năm Mây (đường Bộc Bó - Cổ Linh) đến hết nhà ông Dương Văn Dư	1,00
II	Đất tại vị trí khác thuộc trục đường tỉnh lộ 258B (trừ đất xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch)	1,00
1	Xã Nghiên Loan	
1.1	Từ Trạm Kiểm lâm đến nhà ông Lý Văn Năm (thôn Khuổi Muông)	1,00
1.2	Từ nhà ông Hứa Văn Thánh (thôn Khuổi Muông) đến nhà ông Nông Văn Tới (thôn Nà Vài)	1,00
1.3	Từ nhà ông Lô Văn Lưu (thôn Nà Vài) đến đình Đèo Yêu (giáp đất xã Xuân La)	1,00
2	Xã Xuân La	
2.1	Từ đình Đèo Yêu (giáp đất xã Nghiên Loan) đến công Lông Pạo (thôn Thôm Mèo)	1,00
2.2	Từ công Lông Pạo, thôn Thôm Mèo đến đầu đường rẽ vào thôn Khuổi Khi	1,00
2.3	Từ ngã ba đầu đường rẽ thôn Khuổi Khi đến đình đèo Kéo Pjáo (giáp đất xã Bộc Bó)	1,00
3	Đất ở các xã còn lại	1,00
III	Các trục đường liên xã	
1	Đất thuộc các trục đường liên xã	1,00
2	Từ cầu Pác Cốp đi Bằng Thành đến hết đất nhà ông Ma Văn Chấn (xã Bộc Bó)	1,00
3	Đất xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (thuộc trục đường tỉnh lộ 258B)	1,00
4	Đất xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (các trục đường còn lại)	1,00
IV	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	
1	Xã Bộc Bó	1,00
2	Xã Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Xuân La	1,00
3	Xã An Thắng, Bằng Thành, Cao Tân, Cổ Linh, Nhạn Môn, Công Bằng	1,00

XI. ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

STT	Tên Đơn Vị Hành Chính /Vị trí /Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	XÃ NÔNG THƯỢNG	
I	Tuyến đường Nông Thượng - Thanh Vận (ĐT259)	
1	Cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến cầu Nà Diêu	1,00
2	Từ hết cầu Nà Diêu đến cầu Cốc Muông	1,30
3	Từ hết cầu Cốc Muông đến cầu Nà Vịt	1,00
4	Từ cầu Nà Vịt đến hết đất ông Hoàng Văn Rận	1,00
5	Từ giáp đất ông Rận đến giáp đất Thanh Vận	1,00
II	Tuyến đường Nông Thượng - Tân Thành - Thái Nguyên	
1	Từ giáp đất ông Lộc Văn Lự đến hết đất ông Nông Văn Lự	1,00
2	Từ giáp đất ông Nông Văn Lự đến cầu Pác Cốp (thôn Khuôi Cuông)	1,00
3	Từ cầu Pác Cốp đến hết đất bà Lương Thị Thời	1,00
4	Từ hết đất bà Lương Thị Thời đến cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m	1,00
III	Đường Thái Nguyên (QL3) đoạn từ giáp đất Phường Phùng Chí Kiên đến giáp đất Xuất Hóa	1,20
IV	Đường Nguyễn Văn Tố từ giáp đất phường Sông Cầu đến giáp đất Phường Phùng Chí Kiên	1,30
V	Các trục đường nhánh	
1	Từ nhà ông La Hữu Huân đến hết đất ông Đỗ Văn Song	1,00
2	Đường vào Kho K97	
2.1	Từ sau 20m đường Thái Nguyên (QL3) vào 100m Kho K97	1,00
2.2	Từ sau 100m đường vào Kho K97	1,00
3	Đường vào thôn Thôm Luông	1,00
4	Từ hết đất ông Mai Văn Độ vào thôn Nà Chuông	1,00
5	Từ giáp đất ông Phượng Tài Long đến giáp đất thôn Khuôi Chang	1,00
6	Từ giáp Trường Trung cấp Nghề đến hết đất ông Hà Đức Sơn. thôn Nà Bàn	1,00
7	Từ hết nhà ông Hà Đức Sơn đến thôn Nà Bàn	1,00
8	Đường vào khu Khuổi Mài đến nhà ông Lộc Thị Be	1,00
9	Đường từ thôn Thôm Luông (nhà ông Thái) đến đường Tân Thành (khu vực Nà Bon)	1,00
10	Đường từ thôn Thôm Luông (nhà ông Bình) đến thôn Cốc Muông	1,00
11	Các khu vực còn lại	1,00
	XÃ DƯƠNG QUANG	
1	Đường Bàn Văn Hoan (từ cầu Dương Quang đến hết đất ông Hoàng Văn Chính)	1,00
2	Từ nhà ông Hoàng Văn Chính đến đầu cánh đồng Nà Pài	1,00
3	Từ hết đất ông Nguyễn Triệu Khiết đến đập tràn Hồ chứa nước Nậm Cắt	3,33
4	Các khu vực còn lại thôn Nà Oí	1,00

5	Khu vực thôn Phặc Tràng	
5.1	Từ hết đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai đến hết đất ông Nguyễn Hữu Khiết	3,00
5.2	Các khu vực còn lại của thôn Phặc Tràng	2,50
5.3	Khu tái định cư Khuổi Kén thuộc Dự án Hồ chứa nước Nậm Cắt	1,25
5.4	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
5.4.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	1,72
5.4.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16.5m	1,76
5.5	Các khu vực còn lại	1,00
6	Khu trục đường Đôn Phong - Bản Chiêng	1,00
7	Khu trục đường liên thôn Nà Oí - Quan Nưa	1,00
8	Khu trục đường liên thôn Nà Pài	1,00
9	Khu đường Nà Cườm	
9.1	Từ hết địa phận phường Sông Cầu đến hết Trường Quân sự tỉnh	1,00
9.2	Từ giáp Trường Quân sự tỉnh đến hết khu Nà Cườm	1,00
10	Từ ngã ba cầu Quan Nưa đến hết đất ông Đặng Phúc Tài	1,00
11	Trục đường Bản Cẩu - Bản Trang	1,00
12	Trục đường Quan Nưa - Bản Giềng	1,00
13	Các vị trí còn lại của thôn Quan Nưa. Nà Rì	1,00
14	Các khu vực còn lại	1,25
-	Khu tái định cư Bản Bung	2,00
HUYỆN CHỢ MỚI		
1	Trục đường QL3 (xã Thanh Thịnh. Nông Hạ. Cao Kỳ. Hòa Mục)	
1.1	Xã Thanh Thịnh	
-	Từ hết địa giới hành chính thị trấn Đồng Tâm đến giáp đất nhà bà Đinh Thị Rư	1,40
-	Từ đất nhà bà Đinh Thị Rư đến hết đất nhà ông Hà Bảo Tám	1,40
-	Từ hết đất nhà ông Hà Bảo Tám đến giáp đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mường Khe Còn)	1,40
-	Từ đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mường Khe Còn) đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương	1,40
-	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương đến giáp đất xã Nông Hạ	1,40
-	Từ đất nhà bà Đinh Thị Rư đến hết đất nhà ông Trần Văn Lượng	1,40
-	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (đất ở dãy 1)	1,40
-	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (đất ở các dãy còn lại)	1,40
-	Khu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Bình	1,40
-	Tuyến đường QL3 mới Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn): Từ hết địa giới hành chính thị trấn Đồng Tâm đến giáp đất Khu công nghiệp Thanh Bình	1,40
-	Đất ở tại nông thôn thuộc các tuyến đường trục thôn. đường liên thôn; đất ở tại nông thôn trên địa bàn xã Thanh Thịnh	1,40
1.2	Xã Nông Hạ	
-	Từ đất nhà bà Nguyễn Thị Tô Nữ. thôn Nà Máy đến hết đất nhà	1,40

	ông Trần Đại Thảo, thôn 62	
-	Từ hết đất nhà ông Trần Đại Thảo đến giáp đất xã Cao Kỳ	1,30
-	Đường Nông Hạ - Thanh Vận: Từ nhà ông Hà Văn Huấn, thôn Reo Dài đến hết đất nhà ông Phạm Văn Sửu, thôn Cao Thanh	1,30
-	Từ hết đất nhà bà Nguyễn Thị Tố Nữ đến cầu Khe Thi	1,30
1.3	Xã Cao Kỳ	
-	Từ đất nhà ông Hoàng Văn Huế (thôn Nà Cà) đến hết đất Đội Thuế Cao Kỳ	1,40
1.4	Xã Hòa Mục	
-	Từ đất nhà bà Hà Thị Thu (cầu Hòa Mục) đến hết đất nhà ông Hoàng Hữu Lâm	1,20
-	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Hà Hữu Hùng (Bản Chang)	1,20
-	Từ giáp đất thành phố theo đường QL3 về phía Thái Nguyên 300m	1,20
1.5	Các vị trí còn lại của trục QL3 chưa nêu ở trên	1,30
2	Trục QL3B (xã Tân Sơn)	1,10
3	Đất ở các xã	
3.1	Xã Yên Cư	
-	Từ đất nhà ông Ma Văn Luân (thôn Nà Hoáng) đến hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng)	1,40
-	Từ hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng) đến hết đất nhà ông Ma Văn Tuyên (thôn Phiêng Dương)	1,30
-	Từ hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng) theo tỉnh lộ 256 đến hết đất xã Yên Cư	1,30
-	Đoạn từ hết đất nhà ông Ma Văn Tuyên (thôn Phiêng Dương) đến hết đất thôn Bản Cháo, xã Yên Cư	1,40
3.2	Xã Yên Hân	
-	Từ giáp đất Yên Cư đến hết Nhà Văn hóa thôn Chợ Tinh II	1,30
-	Từ Nhà Văn hóa thôn Chợ Tinh II đến cầu Thôm Châu	1,20
-	Từ cầu Thôm Châu đến cầu Kéo Kít	1,20
3.3	Xã Bình Văn	
-	Từ cổng Thôm Lũng (Thôm Bó) đến đỉnh đèo Kéo Kít (Nà Mố)	1,40
3.4	Xã Như Cồ	
-	Trục tỉnh lộ 256 đoạn từ đất nhà ông Trịnh Viết Minh (thôn Nà Tào) đến hết đất nhà bà Lương Thị Thanh (cầu Khuổi Dân) và từ đất nhà ông Nguyễn Văn Viên đến hết đất nhà bà Hà Thị Thập (chân đèo Bắc Dạt)	1,40
-	Từ đất thuộc địa phận xã Như Cồ đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng	1,30
-	Các vị trí còn lại bám trục đường tỉnh lộ 256	1,30
3.5	Xã Quảng Chu	
-	Từ cầu treo đến đường QL3	1,40
-	Trục đường QL3 mới từ giáp xã Yên Lạc, tỉnh Thái Nguyên đến hết địa phận thôn Nà Choọng, xã Quảng Chu	1,40
3.6	Xã Thanh Vận	
-	Từ nhà ông Bùi Văn Mạnh (thôn Phiêng Khảo) đến hết đất nhà	1,00

	ông Phạm Văn Út (thôn Chúa Lại)	
3.7	Xã Mai Lạp	
-	Từ đất nhà ông Trần Văn Giới (thôn Bản Pá) đến hết đất nhà bà Lương Thị Châm (thôn Khau Tông)	1,00
-	Từ đất nhà ông Nguyễn Hà Ba (thôn Khau Tông) đến hết đất nhà ông Đỗ Văn Toàn (thôn Nà Điếng)	1,00
-	Từ đất nhà ông Đàm Văn Hưng đến hết đất nhà ông Đàm Văn Chuyên (thôn Khau Ràng) sau chợ	1,00
-	Từ đất nhà ông Hà Văn Dân đến hết đất nhà ông Hà Văn Tài (thôn Khau Tông)	1,00
-	Từ đường tràn gần nhà ông Trần Văn Giới đến hết đất nhà ông Hà Văn Triển (thôn Bản Pá)	1,00
-	Từ đất nhà ông Lưu Đình Thứ đến hết đất nhà ông Trần Mạnh Huấn (thôn Bản Rá)	1,00
-	Từ đất nhà ông Phạm Văn Đại đến đất nhà ông Phạm Văn Hậu (thôn Bản Ruộc)	1,00
-	Từ hết đất nhà ông Đàm Văn Chuyên đến hết đất nhà ông Lý Văn Bào (thôn Khau Ràng; đường Pác Cốp - Bản Vá)	1,00
-	Từ hết đất nhà ông Trần Văn Giới đến hết đất nhà ông Trần Văn Hòa (thôn Bản Pá; đường Pán Pá - Tông Vụ)	1,00
-	Đất còn lại	1,00
3.8	Xã Thanh Mai	
-	Từ đất nhà ông Lương Văn Khoa đến hết đất nhà ông Hà Đức Trí	1,20
3.9	Xã Tân Sơn	
-	Từ đất nhà bà Quý Mụi (Khuổi Đeng 2) đến hết đất nhà ông Bàn Phúc Vạn (Khuổi Đeng 1)	1,00
4	Các vị trí còn lại bám trục đường liên xã chưa nêu ở trên (áp dụng cho tất cả các xã)	1,30
5	Các trục đường liên thôn (áp dụng cho tất cả các xã)	1,60
6	Đất tại các xã	
6.1	Đất còn lại của thị trấn Đồng Tâm và xã Thanh Thịnh	1,30
6.2	Đất còn lại của các xã Cao Kỳ. Hòa Mục. Nông Hạ	1,38
6.3	Đất còn lại của các xã Mai Lạp. Như Cồ. Quảng Chu. Tân Sơn. Thanh Mai. Thanh Vạn. Bình Văn. Yên Cư. Yên Hân	1,30
HUYỆN CHỢ ĐỒN		
I	Trục đường Quốc lộ 3B (qua các xã Đồng Thắng. Phương Viên)	
1	Từ công chợ và trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đồng Thắng có khoảng cách 100m đi về hai phía	1,20
2	Ngã ba thôn Nà Tái. xã Đồng Thắng có khoảng cách 100m đi về hai phía	1,20
3	Xung quanh chợ Phương Viên	
3.1	Từ nhà ông Nông Văn Khải đến ngã ba đường rẽ Bằng Phúc	1,20
3.2	Từ ngã ba đường rẽ Bằng Phúc đến nhà ông Phạm Văn Chức	1,20
3.3	Từ mẫu giáo thôn Nà Dao đến công tràn	1,20
4	Các vị trí khác của đường QL3B chưa nêu ở trên	1,20
II	Trục đường QL3C (qua các xã: Bình Trung. Nghĩa Tá. Lương Bằng. Bằng Lãng. Ngọc Phái. Quảng Bạch. Đồng Lạc.	

	Nam Cường)	
1	Chợ Nam Cường: Từ đường lên Trạm Y tế xã Nam Cường đến hết đất nhà ông Ban Văn Thạch	1,50
2	Trung tâm các chợ xã. trụ sở Ủy ban nhân dân các xã có trục đường đi qua khoảng cách 100m đi về hai phía; từ đường rẽ vào trường Trung học phổ thông Bình Trung đi về phía thị trấn Bằng Lũng 100m	1,20
3	Khu tái định cư trường Trung học phổ thông Bình Trung	1,20
4	Trung tâm Ủy ban nhân dân các xã không có chợ có khoảng cách từ 100m đi về hai phía	1,20
5	Từ ranh giới hết đất nhà ông Trần Văn Sinh. Tổ 10 (Bằng Lũng). ranh giới đất Ngọc Phái đến khe Tát Ma	1,10
6	Khu tái định cư thôn Phiêng Liêng	1,20
7	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	1,20
III	Trục đường ĐT254B (đi qua các xã: Đồng Thắng. Đại Sảo. Yên Mỹ. Yên Phong. Bình Trung)	
1	Đoạn chợ Yên Phong	
1.1	Từ nhà ông Hà Sỹ Quỳnh đến hết nhà bà Triệu Thị Cách	1,50
1.2	Từ nhà ông Ma Văn Thị đến hết nhà ông Lý Văn Tân	1,50
2	Từ quán nhà ông Ma Văn Tùng đến nhà ông Nguyễn Văn Hoàng	1,10
3	Đường Yên Mỹ đi Mai Lạp (259B)	
3.1	Từ ngã ba Yên Mỹ đến đường rẽ sang Trường Phổ thông cơ sở xã Yên Mỹ	1,20
3.2	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	1,10
4	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	1,10
IV	Trục đường Quốc lộ 3B (đi qua các xã Ngọc Phái. Yên Thượng. Yên Thịnh) và trục đường ĐT255B	
1	Từ đường rẽ Ba Bò đến đất vườn rừng nhà ông Nông Văn Trường (xã Ngọc Phái)	1,20
2	Từ ngã ba Ba Bò (nhà ông Triệu Văn Trọng) đến Nhà Văn hóa thôn Bản Bậy. xã Yên Thượng	1,20
3	Từ Trạm Y tế xã Yên Thịnh đến đầu cầu treo Bản Cẩu	1,50
4	Từ ngã ba cầu tràn đến hết đất Yên Thịnh (đường vào Mô chỉ kèm Chợ Điện)	1,10
5	Đường ĐT255B qua thôn Nà Mềm. Nà Nham. xã Yên Thượng	1,10
6	Từ ngã ba Bản Đôn đến Trạm Y tế xã Yên Thịnh	1,20
7	Từ cầu treo Bản Cẩu đến hết đất Yên Thịnh	1,10
8	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	1,10
9	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên (Yên Thượng)	1,10
V	Thị tứ Bản Thi	
1	Từ địa phận giáp đất Yên Thịnh đến ngầm tràn đường rẽ Kéo Nàng	1,10
2	Từ ngầm tràn đường rẽ Kéo Nàng đến chân dốc đá Thâm Tàu	1,10
VI	Các trục đường liên xã	
1	Đường liên xã từ Bản Bậy. xã Yên Thượng đến hết đất xã Yên Thượng	1,10
2	Đường Phương Viên - Bằng Phúc ĐT257B	
2.1	Từ ngã ba ĐT257 đi Bằng Phúc đến hết nhà ông Ma Văn Hòa	1,20

2.2	Từ dãy nhà ông Phạm Văn Phung đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Ân	1,10
2.3	Từ dãy nhà ông Phạm Văn Phung đến hết đất nhà ông Vi Văn Hoàn	1,10
2.4	Trung tâm Ủy ban nhân dân xã Phương Viên có khoảng cách 100m về hai phía	1,20
2.5	Từ công Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc đến đập thủy điện	1,10
2.6	Từ công Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc đến đường rẽ vào Trường Tiểu học xã Bằng Phúc	1,50
2.7	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	1,10
3	Đường Đồng Lạc - Xuân Lạc	
3.1	Từ trụ sở cũ đến trường cấp 2	1,20
3.2	Từ khu hộ Tiểu Văn Tham đến khu Nà Lộc	1,20
3.3	Từ trụ sở cũ đến khu hộ Hà Văn Lư	1,20
4	Đường Quảng Bạch - Tân Lập	1,10
5	Đường Bằng Lũng - Đại Sào	1,10
6	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên	1,10
VII	Các tuyến đường khác	
1	QL3C Bằng Lãng - Yên Phong	1,20
2	QL3C Bình Trung - Yên Phong	1,20
3	QL3C Nghĩa Tá - Yên Phong	1,20
4	QL3C Bằng Lãng - Khu C	1,10
5	QL3C Bằng Lãng lên Bản Tàn đoạn qua Bản Lắc	1,50
6	QL3C Bằng Lãng đi Bản Nhì sang xã Yên Phong	1,10
7	Từ ngã ba QL3C đến từ ngã ba đường đi Búc Duộng	1,20
8	Từ ngã ba thôn Tham Thầu đến chợ Pác Be	1,20
9	Đường từ ngã ba Búc Duộng đi xã Linh Phú, huyện Chiêm Hóa	1,10
VIII	Đất ở nông thôn còn lại	1,10
HUYỆN NÀ RÍ		
A	Khu vực giáp ranh với thị trấn	
I	Xã Kim Lư	
1	Từ ngã ba công phụ Bệnh viện đến hết đất nhà ông Kinh (QL3B)	1,00
2	Từ cầu cứng Kim Lư đến hết đất Kim Lư (hướng đi Bắc Kạn)	1,00
3	Từ nhà ông Ích. Bản Cháng đến ngã ba đường Lũng Cào	1,00
4	Từ ngã ba đường Lũng Cào đến công Pò Sâu (Phiêng Đốc)	1,00
5	Từ công Pò Sâu (Phiêng Đốc) đến công Sọ Trào (Phiêng Đốc)	1,00
6	Từ công Sọ Trào (Phiêng Đốc) đến hết đường bê tông	1,00
7	Từ đầu cầu cứng Kim Lư đến hết đất Kim Lư (QL3B) đến Thôn Thía	1,00
8	Từ ngã ba Pò Khiển đi Khuổi Ít đến công mương Co Tào	1,00
9	Từ ngã ba công phụ Bệnh viện đi Mò Lèng đến giáp QL3B	1,00
10	Các trục đường liên thôn còn lại trong xã	1,00
II	Xã Sơn Thành	
1	Trục QL3B	
1.1	Tiếp đất thị trấn đến cầu Cốc Phát	3,00
1.2	Từ cầu Cốc Phát đến cầu Tà Pải	1,00
1.3	Từ cầu Tà Pải đến công xây nhà ông Thành (xưởng cưa)	1,00
1.4	Từ công xây nhà ông Thành (xưởng cưa) đến Kéo Cặp hết đất xã	1,00

	Son Thành	
1.5	Ngã ba nhà ông Luật đi Kim Lư	2,30
2	Quốc lộ 279	
2.1	Từ ngã tư Lam Sơn đến Km13	1,00
2.2	Từ Km13 đến rọ kè đá Nà Khon	1,00
2.3	Từ rọ kè đá Nà Khon đến đường rẽ cầu treo (nhà ông Thăng)	1,00
2.4	Từ đường rẽ cầu treo (nhà ông Thăng) đến hết đất Sơn Thành	1,00
2.5	Từ ngã tư Sơn Thành (đi Khuổi Luông) đến hết nhà ông Tam	1,00
3	Các trục đường khác	
3.1	Ngã ba ông Luật đến công đường rẽ nhà ông Hùng (đường đi Nà Nôm)	1,00
3.2	Tiếp từ công nhà ông Thanh đến cầu Khuổi Diễm (thuộc tuyến Kim Lư - Lương Thành)	1,00
3.3	Tiếp từ cầu Khuổi Diễm đến QL279	1,00
3.4	Các trục đường trong xã chưa nêu ở trên	1,00
B	Các trung tâm cụm xã	
I	Trung tâm xã Cường Lợi	
1	Từ Kéo Sliéc đến công xây nhà ông Thảo	1,00
2	Công xây nhà ông Thảo đến công trường tiểu học	1,00
3	Từ công trường tiểu học đến công thủy lợi Bó Nạc (Nà Chè)	1,00
4	Từ công Bó Nạc đến chân đập Pác Giáo (Nà Nưa)	1,00
5	Từ công trường riêu học đến đường rẽ nhà ông Bằng (đường đi Khau Khem)	1,00
6	Từ ngã ba trung học cơ sở đến hết Trạm Y tế	1,00
7	Từ Trạm Y tế đến công Nà Lùng (Pò Nim)	1,00
8	Từ công Nà Lùng đến nhà bà Lả (Pò Nim)	1,00
9	Từ nhà bà Lả đến ngã ba Nà Nưa (nhà ông Cẩm)	1,00
10	Từ ngã ba Nà Tâng đến công Thôm Bon (đường đi Vũ Loan)	1,00
11	Công Thôm Bon đến cầu Nà Khưa	1,00
12	Đoạn từ cầu Nà Khưa đến nhà ông Thường	1,00
13	Đoạn từ cầu Nà Khưa đến giáp ranh xã Vũ Loan	1,00
14	Từ Khau Khem đến đường rẽ nhà ông Bằng (Cường Lợi)	1,00
15	Từ chân đập Pác Giáo đi thôn Năm Dăm hết đất xã Cường Lợi	1,00
16	Từ Nà Piat đến hết đất Cường Lợi giáp ranh xã Kim Lư	1,00
17	Từ ngã ba đường đi Văn Vũ đi xã Cường Lợi đến hết đất nhà ông Chương	1,60
18	Từ giáp đất nhà ông Chương đến khe suối sau nhà ông Hiền	1,60
19	Từ khe sau nhà ông Hiền đến hết đất nhà ông Cẩm	1,00
20	Từ khe suối nhà ông Cẩm đến Kéo Sliéc	1,00
21	Ngã ba đường rẽ đi Văn Vũ đến đỉnh Kéo Hiền (Nà Khun)	3,00
22	Đỉnh Kéo Hiền đến Khau Trường hết đất Cường Lợi	1,00
23	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	1,00
II	Xã Văn Lang	
1	Khu định cư Khuổi Sáp - Nà Hiu	1,00
2	Từ ngã ba QL279 vào chợ cũ đến hết nhà ông Lượng	1,00
3	Từ cầu Khuổi Slúng đến nhà Toàn Oanh (đi Hiệp Lực)	1,50
4	Từ ngã ba QL279 đi xã An Tình đến hết tường rào Trường Phổ	1,00

	thông cơ sở Lạng Sơn (cũ)	
5	Từ QL279 đi Khau Lạ đến góc Trám	1,00
6	Từ giáp đất Sơn Thành đến cầu Khuổi Slúng	1,00
7	Từ nhà Toàn Oanh đến hết đất Lạng Sơn (đi Hiệp Lực)	1,00
8	Từ Bó Cốc Mười (Nà Lặng) đến ngã ba thôn Nà Đường	1,00
9	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	1,00
III	Trung tâm xã Xuân Dương	
1	Từ cầu Cốc Càng đến hết nhà cửa hàng vật tư	1,00
2	Từ Cầu Cốc Càng đi xã Dương Sơn đến hết đất xã Xuân Dương	1,00
3	Từ cửa hàng vật tư đến giáp đất xã Liêm Thủy	1,00
4	Từ đường tỉnh 256 thôn Nà Dăm đến hết đất thôn Nà Tuồng giáp đất thôn Nà Lù. xã Thiện Long. huyện Bình Gia. tỉnh Lạng Sơn	1,00
5	Từ đường tỉnh 256 thôn Khu Chợ đến hết đất thôn Bắc Sen. giáp đất thôn Khuổi Tây B. xã Liêm Thủy và thôn Nặm Giàng. xã Đồng Xá	1,00
6	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	1,00
IV	Trung tâm xã Cự Lễ	
1	Trục QL3B	
1.1	Từ công bi thủy lợi Pò Rì đến cầu Cự Lễ II	1,50
1.2	Từ cầu Cự Lễ II đến cầu Cự Lễ I	1,00
1.3	Từ Kéo Cặp đến công Pò Rì (Cự Lễ)	1,00
1.4	Từ cầu Cự Lễ I đến hết địa phận Cự Lễ giáp xã Trần Phú	1,00
2	Trục QL279	
2.1	Từ ngã ba QL3B đến công Sọ Ngụ (đường đi Lạng Sơn)	1,00
2.2	Từ công Sọ Ngụ đến công cua Văng Héo	1,00
2.3	Từ công cua Văng Héo đến hết đất Cự Lễ giáp Lạng Sơn	1,00
3	Các trục đường còn lại chưa nêu ở trên	1,00
V	Xã Trần Phú	
1	Từ địa phận Trần Phú đến cầu Văng Mười	1,00
2	Từ cầu Văng Mười đến đầu cầu cứng	1,10
3	Từ đầu cầu cứng đến hết địa phận xã Trần Phú	1,11
4	Hai đầu cầu cứng Trần Phú xuống Ngâm	1,11
5	Đường 256 đoạn từ cầu Pác A đến công dưới nhà ông Cười. thôn Nà Chót	1,11
6	Đường liên thôn Nà Liêng. Nà Đẩu. Nà Coòng từ nhà bà Len. thôn Nà Liêng đến công dưới nhà ông Kiểm. thôn Nà Coòng	1,00
7	Từ đường 256 vào thôn Khuổi A đến đường rẽ vào nhà ông Chấn	1,00
8	Từ QL 3B vào đến công xây Quan Làng	1,00
9	Từ công xây Quan Làng đến Suối Phai Cốc Lôm (Từ công xây Quan Làng đến nhà họp thôn Phiêng Pụt)	1,00
10	Từ đường rẽ Trường Phổ thông cơ sở đến hết đất trụ sở Ủy ban nhân dân xã Trần Phú (Từ đường rẽ Trường Phổ thông cơ sở đến đường vào nhà họp thôn Nà Mới)	1,00
C	Các trục đường liên xã	
1	Các đường liên xã trong huyện	
1.1	Từ ngã ba (QL3B) Cự Lễ đến cầu Pác Ban (Văn Minh)	1,00
1.2	Các đường liên xã còn lại	1,00

2	Các đường liên xã đi qua trung tâm các xã	
2.1	Xã Đông Xá	
-	Từ đường rẽ đi Nà Vạng đến đập tràn dưới nhà ông Tuấn	1,00
-	Từ đầu đập tràn dưới nhà ông Tuấn đến đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã	1,00
-	Từ đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã đến ngàm dưới nhà ông Đệ	1,00
-	Từ đường rẽ vào Ủy ban nhân dân xã đến công trường học	1,00
2.2	Xã Liêm Thủy	
-	Từ ngã ba Lũng Deng đến hết nhà ông Thật	1,00
-	Từ nhà ông Thật (Na Pi) đến giáp đất Yên Cư (Chợ Mới)	1,00
-	Từ đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã đến Trạm Hạ thế Khuổi Dân	1,00
-	Từ ngã ba Lũng Deng đến giáp xã Xuân Dương	1,00
2.3	Xã Dương Sơn	
-	Từ công cạnh nhà ông Trích đến cầu Nà Giàu	1,00
-	Từ nhà ông Trích đến giáp xã Xuân Dương	1,00
-	Từ cầu Nà Giàu đến giáp đất Trần Phú	1,00
-	Đường liên thôn Rây Õi - Khuổi Kheo	1,00
2.4	Xã Văn Minh	
-	Từ cầu treo Hát Sao đến công cạnh nhà ông Hy	1,00
-	Từ giáp đất Lam Sơn (cũ) đến giáp ranh xã Lương Thành (cũ)	1,00
2.5	Xã Văn Vũ	
-	Từ cầu Nà Bưa đến Trạm Hạ thế số 01	1,43
-	Từ Trạm Hạ thế số 01 đến cầu Nà Tà	1,43
-	Từ ngàm Khuổi Khuông đến hết nhà ông Cang (Thôm Khinh)	1,50
-	Từ ngàm Khuổi Khuông đi xã Cường Lợi đến hết đất xã Vũ Loan	1,00
-	Từ giáp đất nhà ông Cang (Thôm Khinh) đến đất nhà ông Hoàng Văn Giang. thôn Chang Ngòa	1,00
-	Từ Chợ Vũ Loan đến cầu Bắc Ái. thôn Khuổi Vạc	1,00
2.6	Xã Kim Hỷ	
-	Từ khe nước Khuổi Trà qua trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết đất Nhà Văn hóa thôn Bản Vèn	1,00
-	Từ giáp đất Lương Thượng đến hết đất Kim Hỷ (QL279)	1,00
2.7	Xã Côn Minh	
-	Từ ngã ba Chợ B đi xã Cao Sơn đến hết thôn Chợ B	1,00
-	Từ Nà Làng đến địa phận thôn Bản Cuôn	1,00
-	Từ địa phận thôn Bản Cuôn đến hết thôn Bản Cào	1,00
-	Từ địa phận xã Côn Minh đến cầu Khuổi Mãng	1,00
-	Từ cầu Khuổi Mãng đến đến công bi (ao ông Đạo)	1,00
-	Từ công bi (ao ông Đạo) đến hết đất Côn Minh giáp đất Chợ Mới	1,00
2.8	Xã Quang Phong	
-	Từ QL3B đến hết địa phận Quang Phong đi Đông Xá	1,00
-	Từ địa phận Quang Phong đến công Nà Lay (Quang Phong)	1,00
-	Từ công Nà Lay đến cầu Khuổi Can (Quang Phong)	1,00
-	Từ cầu Khuổi Can đến hết địa phận Quang Phong giáp xã Côn Minh	1,00
-	Từ nhà ông Hoàng Văn Tường. thôn Ka Đơng đến công ao ông Hoàng Hoa Lư (hết địa phận thôn Ka Đơng)	1,00
-	Từ nhà bà Hằng. thôn Quan Làng đi thôn Nà Vả đến công Trường	1,00

	Mầm non xã Quang Phong	
-	Từ công trường mầm non đi thôn Nà Cà đến công Khuổi Muồng	1,00
-	Từ công Khuổi Muồng đi thôn Tham Không đến cầu bê tông Khuổi Thiên	1,00
2.9	Xã Lương Thượng	
-	Từ giáp đất xã Văn Lang đến cầu Nà Làng	1,00
-	Từ cầu Nà Làng đến giáp đất xã Kim Hỷ	1,00
D	Các vị trí chưa nêu ở trên	1,00
-	Từ cầu cứng sang thôn Khuổi Sluôn đến cầu cứng sang thôn Nà Giàu (xã Dương Sơn)	1,67
-	Từ cầu cứng sang thôn Khuổi Sluôn đến giáp xã Xuân Dương (xã Dương Sơn)	1,17
-	Từ cầu Nà Giàu đến giáp đất xã Trần Phú (xã Dương Sơn)	1,17
-	Từ đường QL 3B đến suối Khuổi Khiếu (xã Trần Phú)	1,33
HUYỆN BẠCH THÔNG		
A	Khu vực các xã	
1	Đoạn từ hết đất Nhà Bia tương niệm Đèo Giàng (đường Sỹ Bình - Vũ Muộn - Cao Sơn) đến hết địa phận huyện Bạch Thông	1,00
2	Từ tiếp giáp đất thị trấn Phú Thông đến hết đất nhà ông Hà Văn Thập	1,80
3	Tiếp giáp từ nhà ông Hà Văn Thập đến công Ba Phường, xã Cẩm Giàng (bám dọc QL3)	1,10
4	Đoạn từ Cầu Đeng đến hết đất thị trấn Phú Thông (bám dọc đường 258)	1,00
5	Đoạn từ giáp ranh đất thành phố Bắc Kạn đến hết địa giới đất Quang Thuận (bám dọc đường QL3B)	1,21
6	Từ giáp ranh đất xã Quang Thuận đến hết địa phận xã Dương Phong (bám dọc đường QL3B)	1,10
7	Từ giáp ranh đất thị trấn Phú Thông bám dọc tỉnh lộ 258 đến hết đất xã Vi Hương	1,00
8	Đường trục chính liên xã Quân Hà, Lục Bình, Tân Tú, Vi Hương, thị trấn Phú Thông giáp tỉnh lộ 258	1,10
9	Từ ngã ba Bưu điện Tân Tú (thông Pò Đeng) ra QL3	1,00
10	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Lục Bình đến nhà ông Lao Văn Huấn	1,20
11	Từ cầu thôn Khau Mạ đến cầu Tả Liên thôn Nà Phả, xã Quân Hà	1,00
12	Đất ở trung tâm Ủy ban nhân dân các xã (cũ, mới) có khoảng cách 100m	1,20
13	Các đường trục xã và liên xã còn lại	1,00
14	Đất còn lại trong huyện	1,50
B	Đất khu vực xã Cẩm Giàng và dọc đường QL3	
1	Đoạn từ công Ba Phường đến đường rẽ Nhà máy Gạch Tuynel Cẩm Giàng	1,10
2	Các ô đất lô 2 khu tái định cư luyện gang Cẩm Giàng và lô 2 khu chợ cũ Cẩm Giàng	1,00
3	Đoạn từ hết đường rẽ vào Nhà máy Gạch Tuynel đến giáp đất thành phố Bắc Kạn (bám dọc trục QL3)	1,10

4	Đoạn từ cách lộ giới QL3 20m lên cổng Trường Trung học cơ sở Cẩm Giàng (trừ lộ 2 khu chợ cũ)	1,00
	Đất khu du lịch, đất ven các trục đường giao thông, các khu trung tâm Ủy ban nhân dân xã, trung tâm chợ, đất ở nông thôn	
I	Đất khu du lịch	
1	Từ hết đất ông Vũ Kim Quy, thôn Dài Khao, xã Thượng Giáo đến hết đất ở nhà bà Hoàng Thị Diễm thôn Bản Nân, xã Khang Ninh (đọc hai bên đường)	2,50
2	Từ tiếp đất ở nhà bà Hoàng Thị Diễm đến hết thôn Nà Mắm, xã Khang Ninh (đọc hai bên đường ĐT258)	2,50
3	Từ đập tràn Bó Lù đến hết thôn Pác Ngòi, xã Nam Mẫu	3,00
4	Khu vực Bến phà (bờ Bắc)	3,00
5	Khu vực nhà nghỉ Công ty Cổ phần Sài Gòn - Ba Bê	3,00
6	Từ Trụ sở xã Nam Mẫu xuống Bến phà (bờ Nam)	3,00
7	Khu động Hua Mạ từ trung tâm đường rẽ lên động bán kính 100m	1,50
8	Từ ngã ba đường 258A (thôn Bản Vải) rẽ đi Cao Thượng (khu di tích lịch sử Đài Tiếng nói Việt Nam) đến nhà ông Dương Văn Hoàng, thôn Bản Vải (bên tả ly dương)	1,50
II	Đất ở dọc trục đường ĐT258 (đọc hai bên đường)	
1	Từ tiếp đất thị trấn đến cổng cạnh nhà bà Hoàng Thị Chiến, thôn Nà Mô, xã Địa Linh	1,20
2	Từ tiếp cổng cạnh nhà bà Hoàng Thị Chiến đến nhà ông La Dương Nước ngã ba đường rẽ vào Bản Vàng, xã Địa Linh	1,20
3	Tiếp từ ngã ba đường rẽ vào Bản Vàng, xã Địa Linh đi về phía Phù Thông (đọc hai bên đường ĐT258) đến hết đất huyện Ba Bê	1,20
4	Từ tiếp đất thị trấn đến hết đất ông Vũ Kim Quy, thôn Dài Khao xã Thượng Giáo	1,20
5	Đường ĐT258 từ đầu Cầu Trù cũ đi qua thôn Pù Mát (xã Chu Hương)	1,20
III	Đường QL279 (đọc hai bên đường)	
1	Từ nhà ông Lý Văn Kiệm, thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu đến hết nhà ông Đàm Văn Vụ, thôn Nà Ma, xã Hà Hiệu	1,50
2	Từ hết đất nhà ông Đàm Văn Vụ đến đầu cầu treo sang trường học Hà Hiệu	1,20
3	Từ đầu cầu treo sang trường học Hà Hiệu đến hết đất Ba Bê (đi thị trấn Nà Phặc)	1,20
4	Từ hết đất nhà ông Lý Văn Kiệm, thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu đến cầu treo Bản Hôn, xã Bành Trạch	1,20
5	Từ cầu treo Bản Hôn đến tiếp giáp đất thị trấn	1,20
6	Từ tiếp đất thị trấn qua Phiêng Chì đến cầu Kéo Mắt xã Thượng Giáo	1,20
7	Từ cầu Kéo Mắt xã Thượng Giáo đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Cường đi Cao Tân	1,20
8	Tiếp đất xã Thượng Giáo (hết đất nhà ông Đặng Văn Nhất, thôn Nà Chả xã Thượng Giáo) đến hết đất xã Cao Thượng đi Tuyên Quang.	1,20

IV	Đường ĐT253 (212)	
1	Từ ngã ba cầu Bàn Mới đến hết đất nhà ông Nguyễn Đạt Tuấn (thôn Bàn Mới. xã Hà Hiệu)	1,05
2	Từ hết đất nhà ông Nguyễn Đạt Tuấn đến hết đất xã Hà Hiệu	1,05
3	Từ tiếp đất xã Hà Hiệu đến hết đất nhà ông Lý Văn Mến. thôn Thiêng Diễm. xã Phúc Lộc.	1,05
4	Từ tiếp đất nhà ông Lý Văn Mến đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Nam. thôn Nà Hòi. xã Phúc Lộc	1,05
5	Từ tiếp đất nhà ông Hoàng Văn Nam đến hết đất nhà ông Hoàng Văn La. thôn Nà Hòi. xã Phúc Lộc	1,05
V	Đường ĐT258B	
1	Từ đầu cầu Tin Đồn đến công Kéo Ngay (đường đi Pác Nặm)	1,05
2	Từ công Kéo Ngay đến nhà ông Hà Văn Thuận (thôn Nà Ché)	1,05
3	Từ nhà ông Hà Văn Thuận đến hết đất Ba Bề	1,05
VI	Các trục đường phụ	
1	Tiếp đất thị trấn đến cầu treo Cốc Phát (theo đường từ ngã ba Cầu Toòng)	1,05
2	Từ đất nhà bà Đinh Thị Vĩ TK9 đến hết đất nhà ông Triệu Huy Toàn. thôn Nà Hán (theo đường vào Bán Pục)	1,05
3	Từ đầu cầu Tin Đồn đến hết nhà ông Nguyễn Đỗ Kim (cũ) đi về phía thôn Phiêng Toàn. xã Thượng Giáo	1,10
4	Từ tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Kim (cũ) đến cầu Kéo Mất. xã Thượng Giáo	1,10
5	Từ ngã ba rẽ đi Hoàng Trĩ đến ngã ba rẽ lên Đồn Đền. xã Quảng Khê	1,50
6	Đường từ Thượng Giáo (ngã ba kéo Giả Eng) thôn Khuổi Luông. xã Khang Ninh(hết đất Khang Ninh)	1,50
7	Từ giáp đất xã Quảng Khê đến thác Tát Mạ. xã Hoàng Trĩ	1,10
8	Từ ngã ba đường 279 đến bên xuống Pác Shai. xã Cao Thượng	1,10
9	Từ tiếp đất thị trấn đến ngã ba đường giao với đường từ nhà ông Mông Văn Thiện đến cầu treo Cốc Phát	1,10
10	Từ ngã ba thôn Thiêng Diễm (Phúc Lộc) đến ngã ba đường 279 thôn Nà Khao	1,10
VII	Đất xung quanh trụ sở UBND xã (mới. cũ). xung quanh Bru điện xã. chợ và trường học (trường chính) có khoảng cách 200m (ngoài các vị trên)	1,50
VIII	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	1,05
-	Xã Quảng Khê	
	Tuyên đường xã Nam Mẫu - Quảng Khê đến ngã ba đường rẽ xã Hoàng Trĩ	2,50
	Từ ngã ba đường lên Đồn Đền đến giáp đất xã Đồng Phúc	2,08
	Từ ngã ba đường lên Đồn Đền đến tiếp giáp đất xã Khang Ninh	2,08
-	Xã Khang Ninh	
	Đoạn đường từ ngã ba Cáp Trạng đến Ngã tư nhà nghi Hợp Hồng thuộc địa phận thôn thôn Nà Nặm xã Khang Ninh	2,50
	Đất dọc trục đường Đồn Đền	2,50
	Khu TĐC Đồn Đền - Khuổi Luông	2,50

HUYỆN NGÂN SƠN		
A	Xã Hiệp Lực	
I	Trục (QL3) (về phía Bạch Thông)	
1	Từ công Bó Lếch đến hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy	
1.1	Từ công Bó Lếch đến hết đất nhà ông Vương	1,00
1.2	Từ hết đất nhà ông Vương đến hết đất nhà ông Tiên	1,00
1.3	Từ hết đất nhà ông Tiên đến hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy đến hết đất Ngân Sơn (giáp huyện Bạch Thông)	1,00
3	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu Slam Pác	1,00
4	Từ cầu Slam Pác đến QL279	1,00
5	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu Bàn Khét	1,00
6	Từ cầu Bàn Khét đến trường học thôn Khuổi Luông	1,00
II	Đi về phía thị trấn Nà Phặc	
1	Từ công Bó Lếch đến hết đất Hiệp Lực (giáp thị trấn Nà Phặc)	1,00
III	Tuyến QL279	
1	Từ ngã ba cách lộ giới (QL3) là 20m đến đường rẽ lên thôn Nà Vài	1,00
2	Từ đường rẽ lên thôn Nà Vài đến hết đất Hiệp Lực	1,00
3	Từ cách lộ giới QL279 20m đến thôn Bó Tình	1,00
4	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đàm Văn Kiên. thôn Liên Kết đến đất nhà bà Long Thị Hương	1,00
5	Từ đất nhà bà Long Thị Hương đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Thắng	1,00
6	Từ nhà ông Địch Xuân Bông đến thôn Bản Câu (đường liên thôn có mặt đường $\geq 03m$)	1,00
7	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thắng đến nhà ông Hoàng Văn Tụ. thôn Nà Nạc	1,00
IV	Xung quanh chợ Hiệp Lực (khoảng cách là 100m trở lại)	1,00
B	Khu vực xã Vân Tùng	
I	Trục QL3 (đi về phía Nam) dọc hai bên đường	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến hết đất nhà ông Lương Văn Thành	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Lương Văn Thành đến công Trường Tiểu học Vân Tùng	1,00
3	Từ hết Trường Tiểu học Vân Tùng đến nhà bà Hoàng Thị Quế (Từ hết Trường tiểu học Vân Tùng đến ngã ba QL3 đường Hồ Chí Minh)	
3.1	Khu đấu giá quyền sử dụng đất	1,00
3.2	Các khu vực còn lại	1,00
4	Từ hết đất nhà Hoàng Thị Quế đến nhà bà Hoàng Thị Duyên (đường rẽ Lãng Đôn) (Từ Ngã ba QL3 đường Hồ Chí Minh đến nhà bà Hoàng Thị Duyên)	1,00
5	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Duyên (Lãng Đôn) đến đường rẽ thôn Cốc Lùng	1,00
6	Từ đường rẽ thôn Cốc Lùng đến hết đất Cây xăng Đèo Gió	1,00
7	Từ hết đất Cây xăng Đèo gió đến giáp đất thị trấn Nà Phặc	1,00
II	Trục QL3 (đi về phía Bắc dọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến đường rẽ nhà ông Triệu Văn Ni	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Triệu Văn Ni đến hết địa phận xã Vân Tùng (giáp đất xã Đức Vân)	1,00

III	Các trục đường khác	
1	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên trường nội trú	1,00
2	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến Trạm Truyền hình và Trường Trung học phổ thông Ngân Sơn	1,00
3	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến hết đất trụ sở Lâm trường	1,00
4	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m đến hết đất ông Hoàng Văn Cầm (khu I)	1,00
5	Từ hết đất ông Hoàng Văn Cầm đến hết đất ông Hoàng Văn Chức (lô 69. khu II)	1,00
6	Từ hết đất ông Hoàng Văn Chức (lô 69. khu II) đến ngã ba nhà ông Triệu Văn Nì (cách lộ giới QL3 20m)	1,00
7	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Cốc Đán) đến thôn Nà Lạn	1,00
8	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Thượng Quan) đến đất nhà ông Dương	1,00
9	Từ đất nhà ông Dương đến cách lộ giới đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng là 20m	1,00
10	Xung quanh chợ Ngân Sơn (cách chợ là 100m)	1,00
11	Từ cách chợ Ngân Sơn 100m đến nhà ông Nguyễn Đức Bê	1,00
12	Đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng	1,00
C	Xã Đức Vân	
1	Từ địa phận xã Đức Vân (giáp đất xã Vân Tùng) đến hết đất nhà ông Lê Hữu Mười	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Lê Hữu Mười đến đất nhà bà Nông Thị Chanh	1,00
3	Từ đất nhà Nông Thị Chanh đến hết đất Trường Tiểu học xã Đức Vân	1,00
4	Từ hai bên đường QL3 giáp đất Trường Tiểu học Đức Vân đến hết địa phận Đức Vân (giáp xã Bằng Vân)	1,00
5	Từ cách lộ giới QL3 20m đến hết đất nhà ông Lý Văn Nái (ĐT252)	1,00
6	Từ cách lộ giới QL3 20m đến hết đất thôn Bản Duôi (giáp xã Bằng Vân)	1,00
D	Khu vực xã Bằng Vân	
I	Trục đường QL3 về phía Cao Bằng	
1	Từ ngã ba rẽ khu A. B đến đường rẽ đi xã Cốc Đán	1,00
2	Từ đường rẽ xã Cốc Đán đến đường rẽ mỏ đá (Pù Mò)	1,00
3	Từ đường rẽ mỏ đá đến cua Bất Bông	1,00
4	Từ cua Bất Bông đến hết đất Bằng Vân	
4.1	Từ cua Bất Bông đến hết đất nhà ông Đặng Tuấn Dương	1,00
4.2	Từ hết đất nhà ông Đặng Tuấn Dương đến hết đất Bằng Vân	1,00
5	Từ ngã ba rẽ khu A. B đến thôn Bản Duôi (xã Đức Vân)	1,00
6	Đường từ (QL3) cách 20m đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bằng Vân	1,00
II	Trục đường QL3 về phía Đức Vân	
1	Từ đường rẽ khu A. B đến hết đất nhà ông Ngô Văn Chung	1,00
2	Từ tiếp hết đất nhà ông Ngô Văn Chung đến hết đất xã Bằng Vân	1,00
3	Xung quanh chợ Bằng Vân (cách 200m)	1,00
4	Từ ngã ba rẽ đi Cốc Đán đến hết thôn Cốc Lái	1,00
5	Từ ngã ba cách lộ giới QL3 20m rẽ vào Đông Chốt đến nhà ông	1,00

	Đỗ Văn Vinh	
Đ	Xã Thuận Mang	
1	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đinh Thiện Ut đến Cây xăng Sáng Thê (Đường QL279 đoạn từ nhà ông Chu Văn Hương đến cây xăng Sáng Thê)	1,00
2	Đoạn từ đường QL279 cách 20m đến hết đường trung tâm nội bộ xã Thuận Mang	1,00
3	Từ Cây xăng Sáng Thê đến nhà ông Bé Đình Hùng (QL279) và đến cầu sắt Bàn Giang (ĐT252)	1,11
4	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Bé Đình Hùng đến cầu Nà Chùa	1,00
5	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đinh Thiện Ut đến hết đất nhà ông Nông Văn Tý (Đường QL279 đoạn từ nhà ông Chu Văn Hương đến hết đất nhà ông Nông Văn Tý)	1,11
6	Từ tiếp hết đất nhà ông Nông Văn Tý đến cầu sắt thôn Nà Mu (QL279)	1,00
7	Đường QL279 đoạn từ cầu sắt Nà Mu đến nhà ông Triệu Văn Tàn (Thôn Khuôi Tục)	1,00
8	Đường Khu Chợ - Bàn Bạng đoạn từ đất nhà ông Đinh Thiện Lạng đến nhà ông Đinh Thiện Bình (Đường khu chợ - Bàn Bạng đoạn từ công chợ đến nhà ông Đinh Thiện Ngọc)	1,00
9	Đường Khu Chợ - Bàn Bạng đoạn từ cầu Bàn Bạng đến nhà bà Đinh Thị Xuyên (thôn Bàn Bạng)	1,00
E	Khu vực các xã còn lại	
1	Khu vực trung tâm các xã (gần trụ sở Ủy ban nhân dân xã và Chợ có khoảng cách 200m)	1,00
2	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên	1,00
3	Các trục đường liên thôn có mặt đường $\geq 03m$	1,00
4	Đất các xã còn lại chưa nêu ở trên	1,00
-	Đường trục xã từ QL3 - Nghĩa Trang - Lâm Trường - Nà Slác xã Vân Tùng	3,33
-	Đường từ QL3 cách 50m đến UBND xã Hiệp Lực mới	1,11
HUYỆN PẮC NẠM		
I	Đất tại trung tâm xã Bộc Bó	
1	Từ đầu công Kha Mu đến cầu Bó Lục	1,09
2	Từ cầu Bó Lục đến giáp đất nhà ông Đoàn Văn Tiến	1,00
3	Từ đất nhà ông Đoàn Văn Tiến đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Lý (ngã ba Nà Diều)	1,00
4	Tiếp nhà ông Hoàng Văn Lý (ngã ba Nà Diều) đến hết đất nhà ông Nông Văn Viết	1,20
5	Tiếp nhà ông Nông Văn Viết đến công qua đường cạnh nhà bà Liên	1,30
6	Từ công qua đường cạnh nhà bà Liên đến đầu cầu Pác Cốp đi Bằng Thành	1,00
7	Từ ngã ba Nà Diều theo trục đường 258B đến hết nhà bà Dương Thị Hoa (đường lên trường tiểu học)	1,20
8	Từ ngã tư đường đi Nhận Môn đến đầu đập tràn Nà SLa	1,06
9	Từ đập tràn Nà SLa (nhà ông Quách Văn Doanh) đến đường rẽ đi Khâu Đẳng	1,43
10	Từ đường rẽ lên Khâu Đẳng đến công Cốc Lái (trục đường Bộc Bó - Nhận Môn)	1,00

11	Từ ngã ba Điện lực dọc theo đường vào Khối Nội chính đến đầu ngã ba (Nhà thi đấu đa năng)	1,00
12	Từ ngã ba bắt đầu từ công qua công trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện đến hết ngã tư chợ	1,10
13	Từ ngã ba Nà Diều (đường giao thông nông thôn Đông Lèo) đến công phụ Trường Tiểu học Bộc Bó	1,00
14	Đất tại vị trí khác chưa nêu ở trên trong khu trung tâm huyện	1,00
15	Đất tại lô 2 khu dân cư xã Bộc Bó	1,30
16	Từ ngã ba bắt đầu từ công. dọc theo tường rào Ủy ban nhân dân huyện đến hết tường rào Huyện ủy (đường đi Khâu Vai)	1,30
17	Từ tường rào Huyện ủy đến hết nhà ở ông Quách Văn Giai	1,00
18	Từ nhà ông Quách Văn Giai đến ngã ba đường Bộc Bó - Cô Linh	1,00
19	Từ ngã ba Bru điện (đất ở dọc trục đường 27m) đến đất nhà ông Đỗ Đình Ba	1,30
20	Tiếp đất nhà ông Đỗ Đình Ba đến công Trường Nội trú	1,20
21	Từ công trường Nội trú đến đầu cầu treo đường đi Nà Phây	1,37
22	Từ đầu cầu treo đường đi Nà Phây đến đập tràn Năm Mây	1,04
23	Từ đường 258B đến khu dân cư Nà Lặng	1,00
24	Đất tại các tuyến đường cắt ngang đường 27m vào khu vực Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện	1,30
25	Từ ngã ba đường rẽ Khâu Đăng đến cầu treo Tả Quang	1,00
26	Đường thuộc dự án hạ tầng khu dân cư (sau Kho bạc. song song đường 27m)	1,50
27	Đường từ Thăm Ến đến đầu cầu treo Tả Quang	1,00
28	Từ ngã ba Năm Mây (đường Bộc Bó - Cô Linh) đến hết nhà ông Dương Văn Dư	1,00
II	Đất tại các vị trí khác thuộc trục đường tỉnh lộ 258B (trừ đất ở xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới. cũ). xung quanh Bru điện xã. chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch)	1,00
1	Xã Nghiên Loan	
1.1	Từ Trạm Kiểm lâm đến nhà ông Lý Văn Năm (thôn Khuổi Muồng)	1,00
1.2	Từ nhà ông Hứa Văn Thánh (thôn Khuổi Muồng) đến nhà ông Nông Văn Tới (thôn Nà Vài)	1,00
1.3	Từ nhà ông Lô Văn Lưu (thôn Nà Vài) đến đình Đèo Yêu (giáp đất xã Xuân La)	1,00
2	Xã Xuân La	
2.1	Từ đình Đèo Yêu (giáp đất xã Nghiên Loan) đến công Lông Pạo (thôn Thôm Mèo)	1,00
2.2	Từ công Lông Pạo. thôn Thôm Mèo đến đầu đường rẽ vào thôn Khuổi Khi	1,00
2.3	Từ ngã ba đầu đường rẽ thôn Khuổi Khi đến đình đèo Kéo Pjáo (giáp đất xã Bộc Bó)	1,00
3	Đất tại các xã còn lại	1,00
III	Các trục đường liên xã	
1	Đất thuộc các trục đường liên xã	1,00
2	Từ cầu Pác Cốp đi Bằng Thành đến hết đất nhà ông Ma Văn Chấn	1,00

	(xã Bộc Bô)	
3	Đất xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (thuộc trục đường tỉnh lộ 258B)	1,00
4	Đất xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (các trục đường còn lại)	1,00
IV	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	
1	Xã Bộc Bô	1,00
2	Xã Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Xuân La	1,00
3	Xã An Thắng, Bằng Thành, Cao Tân, Cổ Linh, Nhạn Môn, Công Bằng	1,00